



**Giảng sinh
1969**

SỐ 144

BÌNH AN DƯỚI THẾ

**tập san VĂN
số 144**

Giáng sinh 1969



Paris * 01-2026

Bìa : BÌNH AN DƯỚI THẾ
Tranh của họa sĩ Nguyễn Trung
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 144

Giáng sinh 1969

Tập san Văn * Năm thứ sáu
Số 144 ra ngày 15-12-1969

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ sáu / số 144 /

Ngày 15-12-1969



Bình an dưới thế

đọc trong số này:

- | | |
|------------------------------------|-----------|
| 1. Vũ Hoàng Chương | 13 |
| Lời ru hòa bình | |
| 2. Nguyễn Thị Hoàng | 16 |
| Vết sương trên ghế đá hồng, truyện | |
| 3. Thế Viên | 77 |
| Lời thánh tẩy, thơ | |
| 4. Doãn Quốc Sỹ | 81 |
| Giáng sinh nơi quê người, truyện | |

- 5. Trần Tuấn Kiệt 93**
Tòa thánh phương đông; Lời vọng;
Núi cam * thơ
- 6. Nguyễn Đình Toàn 96**
Kinh cầu, truyện
- 7. Trần Tuệ Mai 105**
Nhánh sầu cam, thơ
- 8. Trùng Dương 108**
Cây giáng sinh bên kia sông, truyện
- 9. Đặng Tấn Tới 154**
Ca nguyện, thơ
- 10. François Mauriac 162**
Đứa bé có mái tóc dài và quần,
truyện * Nhã Điển dịch
- 11. Raymond Escholiet 198**
Con chó sói và con cừu, truyện *
Nhã Điển dịch

5 truyện Giáng sinh quốc tế chọn lọc

12. Frits Vincken 226

Cuộc hưu chiến kỳ diệu, truyện *
Mai Dзам dịch

13. Fulton Ousler 244

Người nhận: ông già Noel; địa chỉ:
Bắc cực, truyện * Nhã Điển dịch

14. James Michener 250

Món quà giáng sinh đẹp nhất,
truyện * Nhã Điển dịch

15. Rémy 263

Đêm giáng sinh trong trại giam
122, truyện * Nhã Điển dịch

16. Bruce Bairnsf Ather 281

Một đêm trong vùng Flandres,
truyện * Nhã Điển dịch

17. Nguyễn Xuân Hoàng 294

Khu rừng hực lửa, truyện dài

18. Dominique Jamet 321

Vài ý nghĩ về một vụ tàn sát

19. Tòa soạn Văn 333

Giới thiệu sách báo; Thư đi tin lại;
Nhắn tin

BÌA : BÌNH AN DƯỚI THẾ –
TRANH NGUYỄN TRUNG



Tòa soạn và Trị sự: 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số
64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Bưu phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vượng (chủ nhiệm)

* Thư từ, bản thảo, ấn phẩm đề
tên ông Trần Phong Giao (thư ký tòa
soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : ông Nguyễn Đình
Vượng.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T.: 23.595

Chân thành cầu chúc bạn đọc

một lễ Giáng sinh

thanh bình và hoan lạc

Tòa soạn Văn

Vũ Hoàng Chương

Lời ru Hòa bình

Đêm nay vừa giáng sinh

Một sự thật.

*Ba chàng phiêu lưu từ trong
lòng hộp sắt*

Đã truyền rao:

Hòa - Bình

*Không ở trên... mà ở chung
quanh...*

*Hãy nằm nguyên tư thế hưởng
yên lành*

Hỡi bào-thai-sinh-ba!

*May mắn cho mi được trở vào
bụng Mẹ*

Thì nằm yên... nằm yên...

*Địa-cầu hay Nguyệt-cầu ư? rồi
quên!*

Và, một điều thôi, hãy nhớ!

Phải nhớ nhé bào-thai-sinh-ba,

*Chỉ một điều duy nhất: Đừng
bao giờ chui ra!*

*Nhịp võng ru xoay tròn, xoay
tròn...*

*Không ở trên... mà ở chung
quanh...*

Hãy nằm yên, dần trái,

*Hỡi các chú bé con, ngực-lâm-
thời-đại,*

Vì chính ta là Nhịp-Tồn-Sinh,

Lời ru Hòa - Bình!

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

(Sài Gòn, cuối năm 1968)

Nguyễn Thị Hoàng

**Vết sương
trên ghế đá hồng**

Dọn dẹp xong, Hạ đứng
ngắm nhía bàn ăn lộng
lấy một lúc rồi đột ngột hỏi Ngàn:

– Nhưng dì có chắc chú ấy về
được không.

Ngàn soi những móng tay hồng
mới sơn vào ánh đèn đầu tường
chiếu lại, mỉm cười với bóng nào
trước mặt:

– Về cũng thế, không cũng thế, khác gì nhau.

– Với dì thì vậy, nhưng Hạ dọn dẹp sắp đặt cả buổi chiều, và bàn ăn, những món ăn này không được tiếp khách thì uống phí quá. Dì không thấy, những bông hoa này, những giá nến mới này, những cái cốc thủy tinh màu này, như tiệc của đêm Giáng Sinh.

– Thì rồi cũng sẽ có tiệc cho đêm Giáng Sinh, gấp nghìn lần thế này.

– Cháu chỉ tiếc công.

– Tại Hạ loay hoay đó thôi, dì có nhờ đâu. Đàng nào thì cũng vậy. Chưa chắc Vương có về hay không.

– Cháu cảm thấy là chú ấy không về tối nay. Bao giờ cháu làm cái gì vừa ý thì y như là cái đó bỏ không. Luôn luôn như thế.

– Nhảm, nhưng đây là của dì, và buổi tối cũng của dì.

– Hạ biết, của dì. Thôi cháu đi trang điểm đây, trễ giờ hát.

– Sao tối nay đi sớm vậy.

– Dì quên là tối thứ bảy, phải chạy nhiều nơi và mỗi nơi khán giả yêu cầu nhiều phải hát nhiều sao.

– Phải rồi, Hạ cũng nên đi sớm.

– Dì khỏi phải đuổi, Hạ không chứng kiến những phút giây kim cương của hai người đâu. Thôi Hạ sửa soạn đi đây.

– Tài xế xin nghỉ tới tám giờ tối. Hạ chờ chốc nữa xe đưa đi.

– Thôi, Hạ ra đón xe lam về được rồi.

– Giờ này đi xe Lam phiền lắm. Con gái ai một mình, quãng đường đó vắng, dì không yên tâm.

– Con gái, dì làm như Hạ là con gái thật.

– Ờ nhỉ, lâu ngày rồi, dì quên, và tưởng là Hạ còn con gái, mới đó mà đã năm năm rồi, từ ngày Lộc mất đi..

Hạ chớp mắt. Một thoáng nhớ xa xôi về người chồng, rồi tắt, như đốm diêm ụt không đủ cháy sáng để thắp đầy một điều thuốc ký ức.

– Này dì, nói kim cương Hạ nhớ ra, có một chiếc đúng như dì dặn, nếu thích mai cháu đi lấy về. Sáng lắm, hột cũ chắc chắn. Nhưng phải cái hơi đắt. Họ đòi ba mươi lăm, cháu chưa trả, để hỏi dì.

– Thế nào.

– Không lớn đâu, hột giữa chỉ ba ly, cái hột chót hai ly sáu, rồi hai ly bảy, lên dần tới giữa. Bảy hột như dì muốn đó.

– Thôi, dì không mua nữa.

– Hạ nói chưa trả giá, dì tưởng đắt à.

– Không phải. Nhưng không cần mua nữa

– Lạ, mới tuần trước dì đòi nằng nặc kiếm cho bằng được, kéo

trống tay.

Ngàn soi ngón tay đeo nhẫn lên ánh đèn. Và chờ Hạ xoay lưng về phía mình, kín đáo nâng chiếc nhẫn lên môi hôn, thầm lặng, dịu dàng.

Hạ quay lại bất ngờ:

– Ủa, dì đeo chiếc cũ, bảo là mẹ một chút mà.

– Kệ, dì thích chiếc này, bỏ đi lại nhớ nhớ, đeo lâu ngày cũng quen.

– Có thể thôi à.

– Chứ còn gì. Thôi đừng hỏi mua cho dì chiếc kia nữa.

– Chịu. Dì thay đổi nhanh như chớp, không biết đằng nào mà chịu cho kịp.

– Nhưng khi đối ý lần cuối thì chắc chắn là sẽ không xô dịch gì được nữa.

– Biết lần cuối có cuối hay không.

– Dì biết điều dì đang nói, cuối thật rồi.

– Vậy à, Hạ mừng cho đi.

Hai người nói với nhau, nhưng trong thâm tâm, mỗi người đối diện một bóng hình xa xôi lảng đãng nghe tiếng nhau nhưng mơ hồ không nhận ra đang nói và đang nghe gì. Họ cùng biết là điều mình đang nói đang nghe là tiếng nói mập mờ thăm kín chỉ muốn tỏ lộ ra, nhưng nửa vời, ngượng ngập.

Hạ đi vào phòng bên thay áo.

Rồi một lúc sau, Ngàn nghe tiếng giày Hạ gót nhỏ vang vang băng qua khoảng hiên dài tối vắng, với tiếng nói nàng trầm ấm tiếng hát đổ dành vọng lại:

– Thôi dì ăn cơm tối vui vẻ với chú Vương, Hạ đi không có trễ.

– Không chắc Vương về mà.

– Thì dì ăn một mình và tưởng tượng đang ăn với chú ấy cũng được vậy, dì thích thế mà.

Ngàn nhìn đồng hồ tay. Mới bảy rưỡi.

Bóng tối đã ngập chìm ngoài lối đi qua vườn. Những chiếc ghế đá đã lặn chìm trong màu tối của đêm

lên. Lá kết thành khối đen nổi gò lên dưới vầng trời xám thẫm còn vương vương một vài vệt hồng ngượng ngịu nơi chân mây. Ngàn nhìn quanh và lắng nghe. Gió lao xao thả từng đám lá khô mong manh từ giàn hoa trút xuống thềm sau quạnh quẽ. Tiếng chân người quản gia chậm chạp, nặng nề xa dần nhà dưới. Một con chim nhỏ kêu lên tiếng ngắn rồi tắt câm trong góc vườn lặng. Chừng ấy âm thanh màu sắc, của buổi chiều triền miên một mình, tháng tháng năm năm đã qua, đã chết, mà vẫn còn, lắng đọng, lì trơ, nhẵn bóng. Và buồn rầu mê man.

Ngàn vươn khỏi chiếc ghế nệm dài, cảm thấy mình mềm mại và yếu điệu, nhưng lại cong cớn và

một mỗi như một con mèo cái, qua phía bàn ăn. Quả như Hạ nói, cái bàn ăn trưng bày lộng lẫy, như một buổi tiệc. Nhưng mà thường thường như thế, mỗi tối cuối tuần, có Vương về, hai người ăn uống với nhau, dưới ánh đèn hồng, và sau đó...

Và sau đó. Ngàn nhắm mắt. Mùi nước hoa mơ mòng trên tóc phả xuống môi một gợn buồn nhẹ nhàng. Tưởng trong mùi nước hoa, mùi thơm dịu và quyến luyến Vương ưa thích vô cùng đâu đó đôi môi ngọt ngào cúi xuống.

Bảy giờ rưỡi qua đi. Tám giờ. Tiếng giày uể oải của người tài xế ngoài sân cuội trắng. Và tiếng hân vọng lên, một mỗi:

– Thừa bà, tôi đã tới.

– Chờ đây, chưa biết tối nay tôi có đi hay không.

– Dạ.

Tiếng dạ cũng mệt mỏi, âm thầm và lụi tàn như bóng tối vây quanh vùng đất mênh mông bây giờ sương hắt đã xuống đầm đìa. Trên những ghế đá hồng của vườn hoa. Dưới những khóm cây bông bênh gió gội. Trên những thảm cỏ mướt đắm chìm trong đêm, ngoài hàng rào ngơ ngẩn đợi chờ, luôn luôn đợi chờ một tiếng chân yêu dấu trở về, đi qua, đi vào, dừng lại, mà bao nhiêu năm rồi, không có không thể có.

Ngàn quay vào ngòai xuống bàn ăn, châm những ngọn nến trên giá thủy tinh hồng tím. Ánh nến lung linh huyền ảo phả xuống đĩa trái cây căng mọng. Nàng nhón một trái nho tím kê lên môi, ngậm miệng, lắng nghe vị ngọt vương dần đầu lưỡi. Một thoáng rùng mình buồn rầu chợt đến, nâng tầm mắt lên khuôn ảnh trên tường cao. Hình Vương bán thân ở đó, với nét trán và mũi nghiêng thẳng tắp trên nền đen của bóng tối nào. Trái nho chìm đi trong miệng. Nét mặt tuyệt vời kia, bao nhiêu lần cúi xuống. Cúi xuống. Ngàn nhắm mắt. Nước mắt bỗng dưng nồng nàn trào lên mi. Nỗi nhớ như một con sóng lớn phủ trùm lao tới, ngập lụt xác thân, thần trí. Ngàn choáng váng đứng dậy, lòng rung rức, trí mệnh mang,

đuổi bắt cái gì vút qua nhanh trước mặt về phía phòng ngủ. Nàng thay áo, chải tóc, điểm trang, thật vội vàng, thật vụng về với hai tay run bời bời. Em đi tìm anh đây, Vương ơi, phải tìm và phải thấy anh, em nhận ra rồi, điều đó em thâm lặng bao nhiêu năm nay, em nhận ra rồi, em phải đi tìm anh đây, tức khắc.

Gọi người quản gia coi chừng cửa ngõ, Ngàn hấp tấp ra xe. Thừa bà, đi đâu. Ông Vương. Chỉ có thể, chiếc xe quen đường thuộc nẻo bằng bằng lao mình vào bóng tối. Nhưng thường thì là nỗi do dự ngập ngừng. Chỉ tới đó đúng vị trí, và quay mũi trở về. Lần này khác, em vượt qua, bất cứ cách nào, cái khoảng cổng cao đóng kín kia, vào trong đó tìm thấy anh, giữa trăm

ngành khuôn mặt xa lạ và giống nhau. Tìm cho thấy anh, rồi thì ...

Nửa giờ sau, xe dừng trước cổng một trại lính mênh mông. Như thường lệ, người quân cảnh canh gác mỉm cười chào, nghiêng mình qua một bên, cái rào cản cất lên cao, và chiếc xe trườn vào cổng trong. Tiếng điện thoại của điểm canh quay sè sè những vòng lạ lùng. Thiếu tá Vọng, vâng, có thân nhân đến thăm, Vâng đúng là thiếu tá X, đây cổng gác. Ngàn nghe giọng xa lạ của người lính kiểm soát gọi vào xa tít trong kia. Một lúc rồi có tiếng lập lại, dạ đúng, dạ, mời vào, vâng xin mời vào. Và cái xe băng băng vượt qua bóng tối, dưới những ánh đèn pha sáng lòa của điểm canh.

Thiếu tá Vọng chắn đầu mũi xe trên thêm:

– Cô Ngân, có việc gì không, tối thế.

– Anh biết rồi mà.

– A, tối nay cắm trại.

– Nhảm, anh chịu thua à.

– Không thua, nhưng hănn có nói gì đâu.

– Coi chừng tôi, đừng gọi là hănn nữa. Sắp sửa là liên hệ gia đình rồi đó.

– A, mừng quá, thật nghe cô Ngân. Lại một châu rượu, ở đâu?

– Cóc thêm tiệc ở Sài Gòn này, tụi tôi đi xa.

– Ghê thật.

– Đừng vớ vẩn hết cả tối thứ bảy của tôi, anh mời giùm ngài qua đi, nhanh.

– Cô ra lệnh à.

– Tất nhiên. Tôi ra lệnh, anh, năm phút phải mời ngài qua đây cho tôi, với giấy phép đặc biệt, tôi đưa ngài ra cổng. Anh tưởng, tôi lên đây nói suông rồi về sao.

– Có bà con như cô, có ngày ở tù.

– Rán mà chịu, ai bảo cấm trại.

– Tôi có ra lệnh cấm đâu,

– Mặc, nhanh lên.

Ngàn vào phòng khách, ngồi

xuống ghế. Như ngồi trên một ổ kiến, giữa vùng lửa cháy dầu sôi hừng hực. Ông thiếu tá đi qua phòng bên. Tiếng xe jeep vào ngang ngoài sân, xa dần, tắt theo ánh đèn loang loáng. Tiếng đồng hồ tích tắc, thỉnh thoảng một con thằn lằn tắc lưỡi. Bây giờ những phòng trà đang bắt đầu, Ngàn nghĩ mình sẽ đi với nhau một vòng nghe ở một nơi nào nhiều bóng tối nhất, rồi sau đó, bao giờ cũng như thế, rồi sau đó, sau đó, Vương ơi...

Năm phút. Mười. Rồi mười lăm.

Tiếng xe jeep quành lại ngoài khúc đường cong thẳng gấp trước hiên. Ngàn cúi mặt, chờ một phút tim ngừng đập để ngẩng lên, khuôn mặt tuyệt vời của Vương sáng

lóa dưới ánh đèn. Nhưng giọng ông thiếu tá trở lại một mình:

– Xừ ta không chịu về, nhất định. Tôi bảo cô chờ ở đây, nhưng mà xừ ta cũng nhất định không. Tôi hết nhiệm vụ ở đây với cô. Không hiểu ra sao cả.

Ngàn đứng phắt dậy. Ánh đèn bỗng trắng nhợt đầu tường. Sao vậy, sao vậy. Nàng muốn thét lên, vang dội. Nhưng từng bước chân đổ nghiêng xuống một triền dốc nào tối tăm, Ngàn lặng lẽ bước ra ngoài. Người tài xế im hơi suốt đường về. Ngàn im hơi suốt đường về. Những điều thuốc châm nối liền miên, cho tàn rụng xuống cháy xém những khoảng áo dài óng ánh. Sao thế sao thế sao thế.

Bàn ăn còn lộng lẫy đó. Những trái nho mọng. Những bông hồng ngát. Những cốc thủy tinh hồng. Những tưởng tượng đắm đuối. Những mong nhớ suốt tuần, xót xa. Sao thế sao thế sao thế. Ngàn, nhòai người xuống ghế bàn ăn. Hai tay sóng soài buông lên mớ bát đĩa óng ánh sắc màu. Cái cốc thủy tinh hồng vương tay rơi xuống đất. Tiếng rơi vỡ choang lên trong trí, trong tim, khắp bốn bề vắng lặng đêm nồng nàn trống không thứ bảy.

*

Cho anh hôn em, lần cuối. Vương nói thật nhỏ, giọng mọng và run, như hơi mưa rung đầu cành lá non.

Ngàn nhìn ra khung cửa trống thật nhanh, vừa đủ kiểm soát một vòng những người lại qua bên ngoài. Và những cái bóng loáng thoáng rộn ràng, xâm chiếm của những người khác. Những người lính, xa lạ, giống nhau, y phục và cách cuộc, từng thói quen, dáng điệu. Giống nhau và xa lạ trong mắt Ngàn. Như những thân cây cử động, một đám lá, hay một lũ đồ đạc gì đó di chuyển. Nghĩ vậy nhưng không thể quên họ. Quên xung quanh. Và gian phòng thênh thang riêng biệt vẫn nhỏ bé, chìm ngập những mắt nhìn tò mò vô hình rình rập nào đó. Có cách gì những cánh cửa biến thành tường cao. Những bức tường biến thành núi non. Những sinh vật xung quanh trở nên trơ trơ gồ gồ đá đui mù trong một phút, chỉ cần có

một phút, cho em hôn anh, với hai tay buốt giá cô đơn này quàng lên thân yêu vai cổ cúi gần, môi nằm yên ngủ trên môi, phút chốc mà thiên thu, tình cờ mà gấn bó, lặng yên mà huyên náo đất trời. Làm sao cho em hôn anh. Hôn anh lần cuối. Những tiếng nói thầm vang vang trong trí, những giọt nước mắt chao chộng trong khoảng trống buồn bã nào đó, hố thăm vực sâu hun hút nào đó giữa khối đầu bé bỏng tưởng chừng mở lớn ôm trọn cả đất trời để níu giữ như một vòng vây quanh vùng không gian đang rã rời xa vắng hao hụt này. Làm sao cho em hôn anh, trọn vẹn, đắm đuối, tuyệt vời. Cái hôn thay thế cho anh bao nhiêu lần quấn quít có nhau. Bao nhiêu đêm cuối tuần điểm phúc. Bao nhiêu tháng ngày

thanh thảo rong chơi. Thôi hết rồi, ngực tù đã mở cửa. Thời gian lại khép kín. Khoảng cách nghìn trùng đã xô dạt tới gần. Và gì sau đó, sau khoảng cách sương mù dày đặc đó. Không ai biết. Em không, anh không. Chỉ có Trời nhúng tay sắp đặt và tự biết. Bao nhiêu đe dọa và biến cố chờ đợi. Sẽ tới đâu. Sẽ ra sao. Cho em cho anh. Đồng hồ tích tắc trên cườm tay buồn bã. Một vài phút nữa thôi. Khoảng cách có thật. Sự mất mát vắng tanh có thật. Chiều mai là thứ bảy. Ngày kia là Chúa nhật. Có thật. Và anh đi xa rất xa cũng có thật. Không thể chiêm bao. để thay đổi sự thật này. Không cách gì khác cả.

Ý nghĩ quay cuồng làm tối tăm mặt mũi, rồi bời ruột gan, cho nổi

hoảng hốt trở thành một vòng chỉ mảnh và chắc, sắc lẹm, xiết lấy quanh tim, quanh cổ ngực. Và khắp. Đến nỗi đau đớn và nghẹn thở. Mặt mày nghe nóng ran ran như đi trong đường hầm hực lửa, mà tay chân lạnh buốt rã rời. Những vòng đen đen đỏ đỏ nhập nhòa hai con mắt. Khung cửa hình chữ nhật mở ra căn phòng đông đảo bên ngoài đen sạm lại, mờ tối, lập lòa những bóng hình lao xao lại qua ngó ai đó, như những hình ảnh quái dị hiện hình sau một bức màn đen mù mịt. Họ là ai vậy. Cũng là người. Nhưng không phải là đồng loại nữa, Họ khác, tách rời, xa lạ, vô tâm. Sự chết. Nỗi khổ. Niềm đau. Tất cả những cực hình khoắc khoải nhất đang diễn ra trong phòng này, trong hồn trí

này, không ai biết, mà dừng dừng, thờ ơ, phó mặc. Bởi vì kẻ khác là vô nghĩa. Lửa chỉ cháy cho mỗi người riêng tư. Cũng như mưa chỉ tới một vòm trời đóng khung nào đó. Nhưng cũng vì vậy mà kẻ khác, bên ngoài là thù địch. Thù địch hết. Chỉ có em và anh thôi, bơ vơ, tuyệt vọng, và người này không có cách gì níu kéo người kia lại với mình. Không có cách gì cứu vãn khoảng cách đang nở rộng tầm xa, thời gian đang thông dong và dọa dẫm làm ngắn. Anh, anh của em. Không, không thể của em. Cũng không của anh. Không của ai cả. Hạt bụi đã cuốn tròn trong cơn lốc. Chẳng của ai cả. Mà chính cơn lốc cuốn hạt bụi vào trong nó cũng chẳng của ai, và cũng chẳng do ai. Nó có đó và như thế. Vô tội vạ. Như em

có anh và anh có em, mãi hoài đây, cuốn hút trong nhau, vô tội vạ.

Ngàn rời khỏi cái ghế đã ngồi hàng giờ yên lặng bất động, ngồi và nghe thời khắc xô đuổi mình dần tới bờ vực sâu thăm thẳm hun hút phía dưới, đáy vực ngoài sức níu kéo của tay người và tình yêu, đáy vực hay sự kêu gọi cuồng nộ và vô tình biến cố, nghe tiếng người tình nói trong im trầm ngàn lời chập chùng kỷ niệm, đắm đuối ân tình. Bây giờ thì lời cuối. Nàng bước lảo đảo về phía trước. Em đây, em đây anh. Nàng muốn nói, bất cứ gì. Nhưng mặt bỗng tái lạnh đi, hai tay rã rời, và lời mất hút trong cổ khô đắng thắt. Tiếng máy quạt sè sè đuổi xa từng ý nghĩ đắm say cuối cùng. Đuổi ra hết. Không

còn đọng lại gì trong trí, trong đời
trong phút giây cuối này cả anh.

Chỉ còn lại nỗi oán hờn,
không hướng tới ai cả, làm dâng
tràn nước mắt trên mi. Nước mắt
không nhỏ xuống, đậu lại, gạn lọc
hình ảnh gần gũi trong khung mắt
muốn nhìn nhai nuốt và khép kín
với đầu cúi tủi thương dào dạt. Tất
cả thật bỗng xa lạ, vô cùng xa lạ.
Như chưa bao giờ tới. Chưa bao giờ
thấy. Cũng không thể có trong đời
này, đời khác, bất cứ nơi đâu trên
quả đất. Sao có thể như thế được.
Hai tay kia. Thân hình ấy. Khoảng
cổ vai mặt mày hương hơi da tóc
đó. Trước mặt. Im lìm. Gần gũi.
Nhưng đã vô chừng heo hút không
gian. Như không có gì hết nữa rồi.
Nhưng hai cánh tay còn vươn tới

gượng níu chút nhớ nhung xót xa
lần cuối. Lần cuối. Không. Không
phải là lần cuối, không thể là lần
cuối đâu. Rồi là khoảng cổ vai nóng
ấm lại gần. Cho anh hôn em, lần
cuối. Giọng đã ngập chìm, mòng
mòng.

Như phiến lá non vừa nhú đầu
cành, như sợi tóc thơm trên đầu
hài nhi, như đọt nắng vươn đầu
vòm trời sáng, như một màu tơ
rơi từ không gian nhẹ vào thu,
mong manh, thoang thoảng, có
hay không, không hay có, có có
không không quyến luyến, sự thật
ảo giác, mịn màng phơn phớt và u
uẩn nặng nề, đôi môi nào vờn lên
đôi môi, hơi thở nào chớm lên hơi
thở, khoảnh khắc thiên thu, rồi
biến tan, rồi là xa, vết thương còn

trên đôi môi ở lại biến thành vết sẹo lửa bùi ngùi gửi dấu trong hồn nằm ngủ trong lòng, thêm thiếp mê man. Cho ngón tay sờ môi thảng thốt thấy chỉ còn tay mình ấp môi lạnh ngắt. Mọi điều đã tới, đã qua đi. Và vì vậy không còn gì, không có thực. Chẳng có gì đậu lại, bên cạnh, ở trong, không có gì ngoài ảo giác và tưởng tượng. Đó là sự chịu đựng đau đớn nhất. Phải rồi. Chỉ sự chịu đựng là lâu dài và có thật.

– Thôi em đi về đây.

Ngàn nghe tiếng mình nói, xa lạ, không biết là ai nói và gửi trao tới đâu. Xung quanh vẫn ào ạt mà tưởng chừng vắng ngắt, đổ ào xuống từ bao giờ. Như một lắng nghe trầm tĩnh và hồi hận ngập tràn.

Trong một choáng váng thời gian, Ngàn bỗng tưởng tượng chừng như mọi điều vừa chợt tới, buổi chiều này, không gian này, hai người với nhau trong căn phòng không phải của mình này, giữa khoảng cách bắt buộc tàn nhẫn này, chỉ là một nghĩ tưởng thăm thiết nào đó. Và chỉ một xoay chân, một nhích người, tất cả sẽ chỉ là một lần lần nào đó thôi, rồi đâu lại vào đó, như cũ, như mọi buổi chiều cuối tuần, hai người cùng về với nhau. Khu vườn mênh mang cây lá sương xuống đầm đìa. Những lối đi chao lượn bóng tối nhưng tỏ. Tay trong tay và hồn trong hồn ấm áp, hai người sóng đôi ra bờ ghế đá hồng ngoài kia. Những ngón tay kể chuyện nhớ nhung. Hai đôi mắt dò xét lối vào lâu tình thăm thẳm.

Và những vàng tóc rối ngậm ngùi quần quít tìm nhau. Có phải thế không anh. Không thể khác. Phải như thế. Em phải có anh ít nhất là những đêm cuối tuần. Anh phải có em ít nhất là buổi sáng chủ nhật, mặt trời lên cao chói vót đầu cửa kính, trong hai tay em, trên hai môi em. Không rời nhau đêm. Phải như thế.

Mà cái gì bây giờ đó. Không còn gì để nói. Chuyến bay đã chờ. Giấy tờ đã ký. Con đường đã vời vợi xa. Không thể khác. Và gì sau đó, không biết. Hoàn toàn không biết, cả cho anh, cả cho em. Và có thực giờ phút tàn khốc này, như giọng ông thiếu tá nhắc chừng thì giờ đã hết.

– Đến giờ rồi, anh Vương sửa soạn đi.

– Vâng, tôi sẵn sàng.

Giọng Vương nói, xa lạ, biến đổi, như Ngàn chưa bao giờ nghe thấy từ có nhau trong đời.

– Thôi em đi về đây.

Ngàn cố nói, nhưng không thể gì khác ngoài lời vô hồn lặp lại.

Hai người đi ra khỏi căn phòng cửa mở từ buổi chiều. Căn phòng chao lượn trong trí Ngàn tiếng máy quạt sè sè từ góc bàn nhỏ, cái bàn gỗ chất đầy sách vở lam nham, cái ghế ngồi lệch lạc cứng nhắc, những đồ đạc buồn rầu vô nghĩa ngổn ngang, hình ảnh một địa ngục chỉ có thể biến thành thiên đường nếu cánh cửa được đóng. Mà cánh cửa đã mở. Con đường cũng đã mở, xua đuổi, và chia rẽ. Thôi anh

đi đi. Còn em thì về, em về nhà em, lại một mình, như xưa kia, Ngàn nghĩ đến câu muốn nói như thế khi đứng ngoài hiên, giữa đông người lao xao qua lại, giữa chỗ không còn vầng vát nào không khí riêng tư nữa, và muốn nhìn lên Vương, nhưng hai mắt trĩu xuống như đá đeo, mi mắt nặng và đầy, sưng ửng, cái cổ chỏ không nổi khối đầu vừa lạnh ngắt vừa nóng bỏng sáng sốt cuồng điên, cúi gục xuống dưới chân. Để chỉ nhìn thấy hai mũi giày vải, vàng ngoè đất bụi, sợi dây vát vương lòng thông, đôi giày giấu kín bên trong đôi gót chân hồng mịn màng thon nhỏ, những ngón khép kín vào nhau thuôn thuôn, bàn chân em nâng niu liếm hết cát bụi mỗi khi về, bàn chân từ ngày mai sẽ ngập chìm trong sinh lẫn

tối tăm nào đó...

Ngàn nghe giọng mình, lần chót, lí nhí:

– Cám ơn thiếu tá...

Cám ơn về cái gì, nàng không biết. Lẽ ra là cám ơn căn phòng xa lạ cửa không thể đóng. Hay tệ hơn thế, cám ơn những đọa đày tủ cực trong khoảng cách cho thấy rõ em yêu anh điên cuồng và đau xót thế nào.

– Vâng, không có gì, cô Ngàn về nhé.

Nàng thoáng thấy hai mắt như cười trong đáy con người của viên thiếu tá, con mắt nửa dò xét, tinh quái, và nửa ngại ngần chia xẻ một nỗi buồn khó giấu nào đó.

Rồi thì cái xe quay nửa vòng tròn khoảng sân bốc đầy bụi đỏ. Đám người mặc nhà binh lỗ nhổ lùi lại phía sau, xa dần, mất tăm.

Bên ngoài cổng đồn, gã quân cảnh béo mập tươi cười đứng chờ chiếc xe hăn đã cho phép vào trở ra. Lần này không hiểu sao hăn tươi cười và lễ độ cúi đầu thật thấp, với bàn tay chào ngang trên trán, và giọng hăn thoáng một vẻ kiêu hãnh đã làm tròn phận sự với một người khả kính nào đó.

Ngàn nhếch môi đáp lại lời chào quá đáng của hăn. Và bỗng dưng thương hại hăn ngày mai sẽ chờ thêm những gói lucky thơm chuồn vào tay, đâu biết chiều nay là bao thuốc cuối cùng, và chiếc xe vào

ra cái cổng đồn chiều nay, cũng là lần cuối cùng. Cuối cùng. Không có một chữ nào thay thế hai chữ đó sao Ngân.

– Thừa bà về thẳng nhà hay đi đâu.

– Tôi đi phố.

Con đường trước mũi xe bỗng như hẹp lại và chao chộng trong tốc độ gấp ghềnh chậm rãi. Chiếc xe lách mình khó khăn qua khỏi những khúc eo ngập ổ gà loang lổ. Từ đằng kia, rùng rùng một lũ xe đủ loại, chở đủ các thứ hạng người tràn lấn tới, như muốn lướt lên đầu xe Ngân. Tiếng xe ngược chiều hùng hục như một bầy heo bị rượt bắt. Nắng chiều vàng hoe trên vùng nghĩa địa trắng xóa thánh giá chập

chùng. Những mảng đất mới xói đỏ ngẫu màu máu cũ. Thỉnh thoảng là một bãi rác cao, một khúc cây bị dẫn ngang, một vòng dây kẽm gai sù sì bừa bãi. Vài ba rương sắt của xe cũ ngổn ngang. Những buổi chiều đi qua đó với Vương hình ảnh kia là những dấu tích oai hùng của một chiến đấu gian nan và hùng dũng. Buổi chiều trở về đây một mình hình ảnh kia là vết sẹo trầy trụa của một vết thương muôn đời còn đau đón quê hương.

Mãi một lúc Ngàn mới nhận ra hàng chục chiếc xe nối đuôi nhau chạy ngược chiều với xe mình là đoàn người đi thăm các nghĩa địa. Đủ hạng, tướng tá, các đại diện binh chủng, các giới trong chính phủ, các ngành, các cấp bậc, không

thiếu ai. Cả một miền Nam đang trùm phủ con đường tới thăm nghĩa trang. Và mình nữa, nhưng ngược chiều, và xa đi, còn họ, tới gần, Ngăn nghĩ, nghe cơn lạnh lẽo rùng rùng chạy suốt vào xương da bảỉ hoải. Những giọt mồ hôi hai bên thái dương làm lỏng dần chiếc kính đen che con mắt nhòe nhoẹt lệ tràn. Ngăn nghếch mặt lên để ghim chiếc kính đen, bắt gặp giữa màu trời chiều còn sáng tươi, phấp phới những dải vải trắng giăng ngang quanh vùng mộ địa. Những chữ đen, nhòe nhoẹt nét, chảy giàn giụa như vừa lau xong nước mắt trời, những chữ lập lòe, quay tít, nhói buốt trong lòng Ngăn nổi đau đón thẳng thốt tình cờ không bao giờ tưởng tượng trước, xin Chúa

xót thương các chiến sĩ đã hy sinh máu xương...

Những dòng nước mắt nóng bỏng chảy dài xuống má Ngàn. Đã hy sinh xương máu. Sẽ hy sinh xương máu. Tới bao giờ. Bao giờ nữa. Nghĩa địa đã trắng xóa thánh giá. Con đường về nghĩa trang đã tràn ngập xe cộ viếng thăm. Đoàn người đã xuống xe, lũ lượt tản vào trong những lối bụi hồng mấp mô mờ mả. Nắng chiều hồng ngả dài từng bóng trắng chế tang xuống bãi đất khô. Những tiếng khóc đã ghen ngào trong cổ. Đã ngập chìm trong đất. Hòa bình cho quê hương. Những nét chữ nhòe nhoẹt ghi như vậy. Hòa bình là cái gì. Quê hương nào đâu. Không thấy gì hết, không gì hết ngoài những

bóng trắng của thánh giá quện lẫn những bóng trắng của người chế tang đứng khóc trước mồ. Tới bao giờ. Còn nữa. Mỗi năm vào dịp lễ đoàn người lại rùng rùng kéo đến, len lỏi kiếm tìm một tên quen đã vùi lấp dưới thời gian, trên khoản mộ bia lạnh lẽo. Và nước mắt đã theo máu hồng nhỏ xuống. Cho tới bao giờ nữa.

– Một vài năm tới, chỗ đâu nữa mà chen.

Người tài xế nói, vẫn vơ.

Nắng soi vào hai mắt Ngàn cay xè nhòe nhoẹt. Hai tay run bần bật, Ngàn mở ví vội vàng tìm diêm thuốc. Ở đâu lạc vào bao thuốc cũ của Vương, nhàu nát, với những điều cong queo bẹp dúm. Ngàn rút

một điều, nâng lên môi. Người tài xế cho xe chậm lại cho nàng châm thuốc. Gió thổi tốc những đốm lửa diêm mong manh. Mãi mười mấy que mới diêm đỏ đầu điều thuốc nát nhàu. Những điều thuốc bỗng dưng đẳng nghét trong cổ họng nghẹn ngào khô thắt. Hết điều này, mỗi điều khác. Một điều sắp tàn tiếp sức cho một điều khác cháy lên, ngập ngừng, cho đến hết bao. Những tàn lửa rung rinh theo ngón tay run rụng rơi xuống áo. Vạt kim tuyến vàng khoét từng lỗ nhỏ màu tro lỗ đổ. Mặc, những vết cháy này, trên áo, trên da, cho anh đi xa, cho anh những ngày qua, những ngày đã qua có là những ngày sẽ tới sau này cho anh và cho em bây giờ cầu mong một ngày vui vời vợi biết bao giờ tìm thấy.

Đến ngã tư, xe sắp rẽ về đường xuống phố. Bỗng dừng như suýt mất cái gì, Ngàn thắng thốt kêu lên, nước mắt trên má chưa khô:

– Thôi thôi không ra phố nữa, tôi về nhà, về nhà.

Chiếc xe lùi lại, rẽ vào con đường hai hàng cây trên đầu rợp bóng giao nhau. Con đường dẫn vào khu cổng trắng cao ngất loáng thoáng sau làn sắt uốn cong những sân cỏ mượt, những hàng sứ tím vừa tàn hoa thơm, những bóng cây buồn thảm cúi đầu đợi chờ chiều xuống thấp ru ngủ, và những chiếc ghế đá hồng, mới tuần trước mới hôm trước là nơi nghỉ ngơi yên ổn và dịu dàng của hai người, bây giờ chỉ còn loáng thoáng những ngấn

nước, hơi mưa hay sương đêm, những ngấn nước đã khô vàng, mờ hồ mờ nhạt dưới vòm chiều trống trải tan hoang.

*

Buổi tối ấy, nếu anh cùng về với em, khoảng cách thời gian từ lần cuối có nhau đầy đủ, thật sự đã không vời vợi như bây giờ. Tại sao. Anh không nói, không giải thích gì hết. Nhưng bây giờ thì em hiểu. Bỗng nhiên mà hiểu. Cũng tại em vụng về không diễn tả đủ và đúng những điều bên trong, cho những lần vội vàng nôn nao đó, những mê cuồng say đắm đó, anh

làm tương chỉ là đòi hỏi quay quắt của thứ đàn bà không bao giờ biết đến hạnh phúc lâu dài vĩnh cửu để dừng lại với một người nào. Vì một lẽ gì đó, một nỗi bực mình nào đó, ngoài em, xảy tới ngay lúc em tìm đến, và anh đã từ chối không cùng về với em. Trong khi, buổi tối, em đã sẵn sàng tất cả để ngỏ với anh một lời, một lời tối hậu định đoạt cuộc đời chìm nổi của hai ta, em dừng lại với anh, bất cứ giá nào và điều kiện nào.

Anh ngạc nhiên và không tin. Bởi vì đã bao nhiêu năm nay, anh nhiều lần ngỏ lời và em đã cợt cười từ khước. Tha lỗi cho em những ngu si năm tháng cũ, là bởi chính em, em cũng không nhận ra anh. Như trong một khung cảnh

và thời gian bình thường nào đó, chìm lỉm trong sự sướng vui đầy đủ dễ dãi, ta không dò nổi lòng ta. Chỉ đến khi anh vào đó lao mình vào khúc quanh đó, đẩy em tới một ngõ cụt, một khúc quanh khác, tất cả mới như vầng mặt trời sáng tỏa sau đêm sương mờ lung. Đến đó mới thấy là từng phút giây, em phải có anh, không thể sai sót hay thiếu vắng. Có anh hoặc là vứt bỏ hết mọi điều rồi thì thân tàn ma dại tới đâu cũng đành. Bỏ ngôi biệt thự mệnh mông này, những ngày tháng an nhàn đầy đủ này, những cơ nghiệp vàng son này, bỏ hết, rồi tới đâu mặc đó. Cái gì đã thắp sáng trong em ngọn đèn kỳ diệu. Không phải là anh hay tình yêu anh, mà tình yêu anh cho em từ hoàn cảnh tối tăm buồn rầu này,

từ quãng đường em đã đi qua, đã tình cờ tưởng chịu đựng mà bỗng dung biến thành một nhận hưởng êm đềm thanh thoát.

Trước đó, em chỉ biết đó thành phố, những vui chơi may mắn xa hoa, những dễ dàng nao nức của bề mặt đời man trá sắc màu này. Tình yêu cũng thế, như một thứ trang sức, một cốc rượu nồng, cả với anh trong những ngày tháng đông đưa tận hưởng đó. Nhưng bây giờ, đã qua hết đoạn đường buồn thảm để tìm tới anh mỗi cuối tuần, chờ đón anh mỗi cuối tuần, em nhận ra, tất cả không phải chỉ như thế. Tình yêu không phải là sự vui thú mộng mơ, không phải những cho đi và nhận hưởng dễ dàng suông sẻ chừng ấy. Mà là đời sống và nỗi

chết, đắm chìm, quay quắt. Nhưng một tối cuối tuần anh tức tối không về với em, em bỗng nhận ra tất cả những điều mù mịt bao nhiêu năm nay. Tình yêu anh cho em cũng như con đường đã đi qua mỗi cuối tuần để tìm thấy anh ở đó. Em đã mở banh hai mắt, bỏ ngỏ trái tim, thấy hết và cảm nhận hết những điều tưởng tầm thường nhỏ nhoi vô nghĩa mà từ bây giờ bỗng dưng là những mấp máy những biểu hiện kỳ diệu và linh động của một thứ đời sống khác, một thứ đời sống có thực, đầy đọa nhưng nghĩa lý, tối tăm nhưng nặng trĩu ngọc vàng. Em đã nhìn thấy, trên con đường qua anh, cây hoa tóc tiên nở những búp vàng thắm, kiên nhẫn và dịu dàng dưới vòm trời bàng bạc sương sa sáng mai nào lạnh ngắt. Những

bông hoa tóc tiên vàng thắm trên bãi cỏ bụi ngùi dấu vết những loạt giày ngổn ngang giày xéo đi qua, bên những hàng rào kẽm gai giăng kín vùng thiên nhiên xanh thắm khát trời. Những búp hoa tóc tiên vàng mỉm cười lung linh giữa gai thép, hình ảnh của chiến tranh và chết chóc khởi sự. Đã nhìn thấy những dây hoa bìm bìm tím nhạt vương qua những hàng rào sắt đóng kín, những hầm hố tối tăm chất đầy bao cát và tua tủa họng súng chực chờ nhả đạn. Đã từng nhìn thấy những người đàn bà lũ lượt kéo nhau về nằm quanh bờ cỏ sũng ướt bùn nước và trăm thứ nhơ bẩn để bới xách và thăm viếng chồng con. thấy những giọt nước mắt nhỏ xuống từ hai con mắt đỏ hoe của một người lính nhớ nhà,

chạy dài theo hàng rào kẽm gai níu tay vợ con nói thêm một lời cuối trước khi lên đường đi đâu không biết, sống chết không hay. Đã từng thấy... Và anh nữa. Em cũng đã từng nhìn thấy anh khóc, cách khác, trong hai tay em, trong mắt nhìn em, trong đời sống em bỗng đọng điểm lệ huy hoàng với những giọt buồn thánh thiện.

Và rồi buổi chiều đó, em xin theo, anh không cho. Vẫn tưởng là em đùa cợt đầy thôi có phải. Làm sao nói cho anh tin, em có thể nhận chịu hết những cực nhọc, những hình phạt nào đó, bất cứ một khung trời tối tăm tù đày nào đó, miễn là trong vùng yêu dấu có anh. Anh không tin và anh đã không cho theo. Em muốn anh hiểu bây giờ

em đang nghĩ gì. Nhưng không thể nói hết. Bức thư đầu tiên, và cuối cùng này rồi cũng chẳng đến đâu trong ý nghĩ chập chùng muốn dồn trút về anh. Em chỉ còn vắn tắt, là mọi điều đã chuẩn bị sẵn sàng, để chờ anh về trong đêm Giáng Sinh đầu đời của chúng mình. Tất cả còn lại cho đêm Giáng Sinh và tâm hồn của mình thật diễm tuyệt. Đối với anh, điều đó thật bất ngờ, cũng cả cho em nữa. Nhưng em không thể nói sao hơn. Chỉ còn chờ anh. Em sẽ không nói bằng lời nữa. Mà bằng cả một đời tận tụy còn lại. Bằng môi em và hai tay. Bằng tất cả những ngọn đuốc thiêng liêng nhất người đàn bà có thể sắp lên cho tình nồng cháy sáng.

Nhân dịp Hạ đi lưu diễn ngoài đó, em nhờ trao thư này cho anh, nói thêm những điều cần nói về em, và nếu Hạ còn ở lại lâu, anh sẽ cùng về với Hạ một lần. Nó xin được máy bay đặc biệt nào đó, nếu cùng về anh sẽ đến nhanh hơn. Em không chịu mất thêm một phút giây nào cả trong suốt cả đời còn với anh. Cầu Trời cho mọi điều sẽ như em tưởng tượng... nếu em biết sao anh... nếu không... không thì...

Bức thư bỏ dở nửa chừng vì Hạ đã thúc giục khi Ngân viết vội, cho kịp giờ mang theo lên máy bay. Bức thư không kịp dán kín, và Ngân cũng đã nói, có gì đâu, Hạ đọc thì cứ đọc đi.

Hạ đã đọc, trên máy bay, nhiều lần, nghĩ ngợi, và xếp thứ lai, để

vào ví, những lời nói của Ngân với Vương cũng vẫn còn văng vẳng. Nhưng bây giờ mọi điều đã bỗng dưng không như nàng nghĩ tưởng.

Vì sao. Chính Hạ cũng không thể hiểu. Trời vừa mưa xong. Căn nhà mênh mông im vắng bốn bề nằng lên ngập lụt vàng hoe những tầng lá xanh phơi phới. Không khí ngậy ngất thơm mùi hoa bưởi và lá chanh. Đời sống nào lạ lòng đang xô dạt tới thật gần hai con mắt Hạ bàng hoàng mở lớn, cùng lúc những tế bào ngủ quên năm tháng cựa mình thức dậy, cồn cào và thao thức không đâu. Bấy lâu chỉ là tiếng hát, thồn thức ma quái. Còn cả thể xác tâm hồn tôi vô tri chết cứng. Vậy mà bỗng dưng lạc vào cõi thanh tịnh trong sáng này, mọi

điều thức dậy, sáng chói, cùng với hình ảnh người đàn ông từ gió cát nào vừa về tới, im ắng trong khung cửa. Vương đó, Vương của dì Ngàn, bây giờ cao lớn, rám nắng, và lưng lửng, như một tượng đồng ngoài công viên xanh mượt cỏ non.

Hạ reo lên không gìn giữ, nổi mừng vui ngập tràn chân thật, như người thân thuộc gần gũi kia là của chính mình, của nơi mong chờ mình bao nhiêu năm cô đơn:

– A, chú Vương, về đúng lúc, Hạ chờ, không chắc có gặp không. Người ta nói mỗi lần hành quân về chú thế nào cũng sang đây nghỉ, Hạ đã hỏi bên đồn, người ta cho biết cuộc hành quân mười bảy ngày vừa chấm dứt...

Vương tháo những đồ đạc trên vai, những băng đạn quanh mình xuống. Đầu tiên, chàng bỗng choáng váng nhìn thấy trên gò má căng thẳng hồng của Hạ, cặp mắt đen và to, cuộn tròn nổi vui ngây ngất của chính Ngàn. Rồi thì Ngàn xa tít, nhạt mờ hẳn đi trong tiếng Hạ nói cười tíu tít.

- Cô Hạ sao lại ra đây, thật lạ.
- Hạ đem...

Định nói, Hạ đem thư cô Ngàn ra cho chú, nhưng ánh mắt sáng rực và chăm chú của Vương, ánh mắt ngày xưa nàng thường bắt gặp mỗi khi Lộc đi đâu xa về, nhận chìm những điều Hạ muốn nói và im.

Mãi một lúc lâu, Hạ nói khác đi, không hiểu cả ý định lừa lọc của mình:

– Hạ đem đoàn mình đi lưu diễn, và ghé thăm chú.

– Trước khi đi, Hạ có đến gặp Ngàn chứ.

– Có chứ.

– Ngàn không nhắn gì với chú sao.

Môi Hạ bỗng như một chất keo dán kín làm tắt tiếng.

Vương tháo bỏ cái mũ đồng nặng trĩu xuống mặt bàn gỗ. Vầng trán căng hồng ngấn một lần mũ sâu, mớ tóc lờm chớm bẹp dí một vài chỗ. Những giọt mồ hôi tươm

đầy khoảng cổ hồng nám của người đàn ông. Vương lắc đầu, cảm thấy một điều gì lạ lùng, mới mở vờn lên từ những tế bào buồn ngủ và vật vờ mệt mỏi bấy lâu trong người. Hai con mắt Hạ nhìn lên, cùng với đôi môi hồng nhạt, mềm ướt, tất cả long lanh theo sắc màu ngọt ngào kỳ dị. Ha mặc cái áo màu xanh thẫm, cổ rộng, hở một khoảng vai thon trắng nuột. Khoảng vai của một người đàn bà, Vương vẫn loáng thoáng thấy, trong ý nghĩ không thể xô đuổi trốn tránh, những lúc nằm trong một bờ bụi tối tăm, đi qua vùng đồng ruộng sũng nước, dừng lại dưới mái nắng khô khan nào, đã lâu như thế. Bây giờ là khoảng vai của Hạ. Sao không của Ngàn, không của Ngàn đây, Vương nghĩ, một viện có mơ hồ cho ý nghĩ

mình. Nhưng đôi môi hồng của Hạ bỗng nhếch lên, cùng với hai con mắt vẫn long lanh như một chất thủy tinh nào trong suốt.

– Chú, chú Vương này.

Chân Hạ nhếch tới gần một bước.

Điều Hạ muốn nói về Ngàn chìm dần xuống cho đến khi Hạ hiểu là mình bỗng làm kẻ gian lận, và không bao giờ nói được với người đàn ông điều người đàn bà đã tin cậy nhắc gởi mình.

Bên ngoài nắng chao chộng trong lá cây biếc lục. Tiếng một đứa trẻ con nào xa tít khóc thét lên. Hạ định nói với Vương, chú ơi, dì đã mang thai... rồi vùng chạy. Nhưng

hai con mắt Vương, nhìn nàng và nàng hiểu không phải mình mà bất cứ một người đàn bà nào khác trong mình ghì chân nàng lại, nâng hai tay nàng về phía trước, vô hồn, vô tội, về phía trước. Và môi Hạ ngọt ngào hé lên, như một nụ hồng non. Rồi thì, cả người Hạ rơi vào trong khoảng ngực thơm mùi lá cây và gió bụi của người đàn ông trước mặt, tình cờ, thảo nhiên, vô tội.

Hai con mắt của Ngân xa títt nhạt nhòa. Vương nhắm mắt lại. Những ngọn lửa nhỏ li ti bằng mũi kim chích lên trán, lên óc, lên tim, và khắp. Vang vang trong trí não căng thẳng và ray rứt của Vương hình ảnh Ngân buồn rầu ngày cuối gặp nhau trong căn phòng cửa không thể đóng kín, cùng với những tiếng

nói thầm với chính mình, đã lâu, đã lâu quá, lâu quá rồi... và tay Vương chạm vào khoảng vai của Hạ. Rưng rức thứ mùi thơm của một bông hoa bưởi mới nở ngoài hiên. Rồi là khuôn mặt Ha ngửa trong vầng tóc xõa rong rêu dưới một đáy nước nào dâng dâng lập lòe trôi nổi bồng bềnh của thời gian và ký ức Vương. Vẫn những ý nghĩ về Ngàn hoang mang xoắn tròn trong trí, dù em có che lấp, có tha thứ cho anh, anh cũng không thể về nữa, không thấy em bao giờ được nữa. Mặc dù phút này vô nghĩa và thoáng qua, mặc dù em sẽ hiểu là những ngày nắng bụi đã mài mòn và cùng một lúc thắp đuốc những phần cảm xúc anh lâu ngày tê dại. Nhưng mà anh cũng không thể về với em. Không

thế, dù em có che giấu hay tha thứ.
Ngàn, Ngàn ơi.

Hạ nhoài tay ra đằng sau cổ tìm cái ví để bên kia bàn, lấy thư của Ngàn trao cho Vương, rồi nói một câu gì đó, vội vàng. Nhưng những ngón tay chơi vơi trong khoảng không, rã rời, buông xuôi xuống. Cũng rã rời buông xuôi như ý nghĩ của Vương, bây giờ thì anh nghĩ thế, cảm thấy thế, nhưng rồi ngày mai, một ngày nào đó lại gặp nhau, mọi điều đã qua mau mất hút, biết đâu... Không, anh không quyết đoán và điều khiển được anh, bởi vì em cũng đã hiểu, từ khi đến thăm anh lần đầu dưới đó, đi qua con đường buồn thảm đó, là cuộc biến động nào cũng làm người ta mất nhau và mất luôn cả chính mình. Anh

có mất anh thực không em. Mỗi người có mất chính mình không em. Câu trả lời chỉ dứt khoát khi, ngày nào đó đi qua con đường về nghĩa trang đã đi qua, em không còn thấy những hàng biểu ngữ trắng phất phơ với những nét chữ nhòe nhoẹt đen kia nữa.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Tháng 12/69 tìm đọc cho được,
tạp chí:

PHÁT KHỞI

Số ra mắt với:

Đặng Tấn Tới * Tuy Viễn * Phan
Thảo Vy * Cung Tích Biền * Hồ
Ngạc Ngữ * Ban Bội Bổng * Nguyễn
Lương Vy * Nguyễn Đức Nhân * Lê
Phiên Vươn * Phạm Đông Triệu...

Thư từ, bài vở, gửi cho người
chủ trương:

PHẠM ĐÔNG TRIỆU — TUY VIỄN

258, Bùi Viện, Sài gòn

Thế Viên

Lời thánh tầy

*Kính tặng quý cha Cao Văn Luận
Nguyễn Văn Hiệu và Nguyễn Thanh
Tuân*

*Con đứng trước thánh đường
buồn tuổi đại*

*Trong tay con đôi giọt lệ sa thềm
Ôi! Lạy Chúa một quăng đời tội
lỗi*

*Xóa mờ trong dĩ vãng tối mênh
mông*

Con đứng trước thánh đường
nghe hơi thở

Tay Cha ban sự sống ân cần

Trời đất sáng như mùa trăng
mới tỏ

Như bình minh trên mặt biển
yêu thương

Con cúi đầu nghe lời cha truyền
dạy

Muối trên môi còn mặn chất
sinh tồn

Nghe thì thầm giọng ngọt ngào
Đức Mẹ

Ôi! Thiên liêng ngự trị trong
hồn con

Bao năm tháng cuộc đời con bỏ
ngõ

Người bơ vơ như kẻ mất linh
hồn

Chúa hiện xuống như mặt trời
lửa đỏ

Chiếu rạng ngời trên lối muôn
con đi

Ôi! Màu nhiệm lá vàng bay về
cội

Dòng sông xanh nước cũng chảy
về nguồn

Còn hiện hữu trong vàng son
chói lợi

Của vinh quang Chúa giáng
xuống cõi trần

Trong đất trời bỗng vang lừng
nhã nhạc

Muôn loài hoa cũng nở sáng
tưng bừng

Chúa hiện xuống trần gian thôi
nhỏ lệ

Trong hồn con nghe dào dạt
mùa xuân.

THẾ VIÊN

(Mùa Giáng sinh 1969)

Doãn Quốc Sỹ

Giáng sinh nơi quê người

hẳng riêng gì các cửa hàng dưới phố cùng các khu nhà ở mà ngay trong campus, ngay trong từng lớp học, khắp nơi đều tung bừng không khí đón ngày Giáng sinh sắp tới, mặc dầu công việc giảng dạy của giáo sư cũng như công việc học hỏi của sinh viên không hề có tinh thần lơ là. Các thiệp chúc mừng đã được gửi đi từ một tuần nay; trong các bài

giảng hể có gì liên lạc đến ngày Christmas đều được giáo sư tự nhiên nêu lên, còn các lớp nhạc tất nhiên đều dùng nhiều đến những bản thánh ca ngày Giáng sinh. Các học sinh trường tiểu và trung học kiểu mẫu của đại học đều tập nập trang hoàng lớp và tập dượt đồng ca dưới quyền điều khiển của giáo sư nhạc. Còn chương trình nhạc của đài phát thanh thành phố thì khỏi phải nói, vắn nút là vang lên những bản ca đó rồi, những bản ca khác nhau nhưng rất phổ biến và cùng một cá tính khiến chỉ thoáng nghe cũng nhận ra ngay là những bài ca Christmas.

Đài phát thanh Nashville báo đêm nay khoảng tám giờ chiều sẽ có tuyết đổ lần đầu tiên. Tất nhiên

tuyết sẽ giúp hương vị Giáng sinh nơi đây được thập phần hoàn hảo. Nơi này đã bắt đầu giới tuyến miền Nam nên tuyết đổ chậm, tuy nhiên cũng hiếm khi Giáng sinh vắng tuyết. Đúng hôm Huy có lớp tối từ bảy rưỡi đến chín rưỡi. Lúc Huy ở lớp ra thì tuyết đã phủ một lớp mỏng lên cảnh vật quanh campus. Ánh đèn – và có thể cả ánh sao nữa – phản ánh lên vẻ gương tuyết trắng menh mông của vạn vật thành một thứ ánh sáng lồng lộng nửa hư ảo nửa thần tiên. Miền Nam luôn luôn có thái độ chào mừng nồng hậu ngày tuyết đổ đầu tiên. Các bạn đồng trường của Huy hầu như đổ ra khắp các ngã đề ngắm tuyết, đùa giỡn với tuyết. Huy dự định về phòng cất sách rồi đi kiếm các bạn Việt Nam

rủ cùng gia nhập đám đông chào mừng tuyết đầu mùa. Chàng theo một triền dốc con đường nhựa từ cafeteria lên một ký túc xá của nữ sinh viên. Một chiếc xe trượt tuyết có bốn bánh nhỏ bằng sắt đương từ đỉnh dốc lao xuống, nhưng khi xe tới gần Huy thì đã gần hết đà. Bên trên xe là đôi bạn bồ sinh viên một nam một nữ nằm sấp úp mình lên nhau “chàng nam” nằm dưới. Thốt nhiên lây niềm vui của họ Huy cúi xuống ấn bàn tay khoảng giữa lưng cô, vừa ấn cho hai người sát thêm nữa (sự thật nằm chòng lên như thế thì họ không thể nào sát nhau hơn được nữa) vừa giúp cho đà xe bon nhanh thêm được một quãng ngắn. Cô gái ngoái cổ lại, nụ cười đẹp của nàng – nụ cười của hạnh phúc – mơ hồ trong ánh tuyết

hướng về Huy kèm theo tiếng “cám ơn” trong và ấm.

Huy rảo bước lên ngược triền dốc, ngang qua ký túc xá nữ sinh viên, vào một bãi tập thể dục vắng. Đi lối tắt này Huy về tới nhà sớm hơn. Vừa từ ven bãi thể dục xuống con đường rải đá đơn sơ đưa thẳng về nhà, thì ánh đèn một chiếc xe nào từ xa tiến lại, tốc lực giảm trông thấy. Huy có cảm tưởng ánh đèn như ánh mắt một con vật nuôi trong nhà nhận ra chủ đương ve vẩy đuôi chạy lại. Quả nhiên xe dừng lại ngay bên và tiếng chào quen thuộc, Huy nhận ra tiếng Ann:

–Ồ Huy này!

– Trời, tưởng ai. Chào Ann!

Tiếng động cơ tắt. Tiếng đồng ca một bài Christmas vang lên từ radio gắn trong xe.

Ann nói:

– Đấy, máy lại tự động tắt rồi. Huy nghe giúp tôi xem có gì trục trặc. Khi cho nổ máy, tiếng máy kêu là lạ, khi dừng lại thì máy tắt ngay.

Huy lên xe. Ann nhường chàng chỗ ngồi trước tay lái. Nghe Ann nói Huy cũng đã phần nào đoán thấy “căn bệnh” của xe, tuy nhiên chàng cũng đề cho máy nổ lần nữa, nghiêng tai nghe rồi xuống xe, mở capot thử bu-gi, tìm ngay ra được một chiếc chết, thay vào chiếc mới... Máy xe lại chạy êm ru.

Ann cảm ơn “bác sĩ” Huy đã chữa xong bệnh cho chiếc xe. Huy cười đáp lại rằng bệnh đó chỉ là bệnh “cảm cúm” xoàng thôi chẳng có gì là khó chữa.

Ann nay đã có chồng, câu chuyện giữa hai người hoàn toàn thân mật hồn nhiên theo cương vị đôi bạn cùng trường.

Ann rủ:

– Huy lên đây, tôi lái xe đi một tua campus ngắm các bạn chúng mình nghịch tuyết.

Huy ưng, lên xe chẳng phải vì muốn đi một vòng campus ngắm các bạn nghịch tuyết, mà chỉ vì vừa lúc đó radio trong xe vang lên bài ca giáng sinh chàng vốn ưa thích

vô cùng, bài Silent Night của Franz Gruber. Bài hát lúc cao vút như sao biếc trên trời, lúc trầm xuống như cánh gió sà xuống một triền thung lũng sâu, nhưng cả lúc cao vút lẫn lúc trầm xuống, bản nhạc luôn luôn trong suốt, trầm tĩnh, dịu hiền. Bản nhạc quả thực đã vượt biên giới chật hẹp một bài ca tôn giáo; lời ca nói về Đức Mẹ Đồng Trinh, về Chúa Hài Đồng “... Round yon Virgin Mother and Child, Holy infant so tender and mild...” bỗng thành chiếc bình nhỏ không chứa nôi cả dòng suối mệnh mang, hiền hòa, cao khiết hòa giải được khát vọng mệnh mong với định mệnh khắc nghiệt của con người, rửa sạch những vết nhơ, thoa dịu những sầu hận.

Ann lái xe theo một đường quanh để tiến sâu vào campus, cất tiếng hỏi:

– Huy suy nghĩ gì?

Tôi đang nghe Silent Night. Định mệnh khắc nghiệt hình như mất hết hiệu lực khi va phải âm thanh đó.

Ann cũng nghiêng tai lắng nghe. Tuyết đã phủ đầy cảnh vật, nam nữ sinh viên của cả campus đều để đầy ra các ngã đường để ngăn tuyết. Nơi thì la hét, vốc tuyết rượt đuổi, ném nhau; nơi thì họ xúm lại đắp thành người tuyết, một nữ sinh viên lấy ra mấy chiếc kẹo bọc giấy thiếc vàng để làm khuy áo cho người tuyết; một đám khác gần đây đắp một pho tượng mỹ nhân

kiểu Picasso, mặt mũi lệch lạc, vú bên to bên nhỏ, cái rốn sâu thật là sâu. Xe Ann lừ đừ tiến thêm một chút nữa thì cả Ann lẫn Huy chứng kiến cảnh một nam sinh viên ôm một nữ sinh viên đặt lên một bờ tường hơi cao phủ đầy tuyết, rồi anh chàng làm điệu khôi hài quỳ xuống hôn chân nàng, nàng cười ngặt nghẽo, nhảy xuống, chàng ôm lấy nàng hôn. Nàng thoát khoát tay muốn kháng cự thì cả hai hoặc vô tình hoặc hữu ý cùng ngã xuống, chàng đề sẵn lấy nàng hôn ngẫu nhiên, nàng chịu, ý cho rằng đã có tuyết rơi làm màn che phủ cho hai người. Cả Ann cùng Huy cùng bật cười, và điều lạ là tình bạn giữa họ càng vững chắc. Với Huy, Ann đã đóng trọn vẹn được hai vai trò khác biệt ở hai hoàn cảnh khác

biệt: một người tình khát khao xác
thịt và một người bạn tinh khiết.

DOÃN QUỐC SỸ

(trích Sầu mây, đang
đăng trên Tân Văn)

Tìm đọc:

MƯA TRÊN ĐÁ

* Tuyển tập thơ – ấn phẩm
hạn chế

* Lệ Đá Chợ Lầu xuất bản

NGUYỄN LỆ TUÂN. LÊ UYÊN TỰ.
NGUYỄN LỆ LỮY GIANG. PHIÊU
MIÊN. HỒNG HOÀNG. VĂN UYÊN
NGUYÊN. CUNG TRẦM TỊCH.
TRƯ LUNG THẢO. HOÀI THIÊN
THANH

Trần Tuấn Kiệt

Tòa thánh phương đông

Một đứa trẻ nghe

người mẹ kể chuyện cổ tích

*trời rực rỡ trên vòm cổng nguy
nga*

*giáo đường lần đầu tiên mọc
cánh*

hắn bay lên trời cao

trời cao đầy tiếng gió reo

âm thanh thần kỳ rúc gọi

*tiếng còi ma quỷ và thánh thần
đó là chốn tạo lập vĩnh viễn
con người trong tòa thánh.*

Lời vọng

*Từ lâu ta đeo đuổi một lần
trên cánh đồng ma phương đông
ta đi ta đi mãi
quên tiếng than van nhật nguyệt
và ta cũng quên đi ngọn lửa
vừa nẩy mầm giữa buổi bình
minh.*

Núi câm

Hỡi nhân gian

đêm mà ta lắng nghe

giông bão dậy khắp trần gian

linh hồn thi nhân

đỉnh thái sơn trầm lặng

duy một lần nghiêng đổ

*trên mặt đất hoang tàn thế kỷ
này*

mặt đất chuyển biến

trong cõi vô hình kia.

TRẦN TUẤN KIỆT

Nguyễn Đình Toàn

Kinh cầu

Ngày xưa, có một ông quan độc ác trị nhậm trong một vùng dân cư đông đúc. Làm quan nhưng tâm hồn ông ta đen tối và lương tâm chai đá. Ông ta sống trong tội ác như con cú sống trong cái hốc hời hám của nó vậy.

Và, cũng giống như con cú sợ ánh sáng, vị quan độc ác kia cũng sợ lẽ phải, ghen ghét với những

người trong sạch được mọi người yêu mến.

Trong vùng vị quan trị nhậm, có cụ Minh Tâm, một vị ẩn sĩ được mọi người kính mến.

Minh Tâm là một cụ già ngay thẳng, can đảm, thấy việc phải thì làm chẳng sợ vì thế mà mang họa.

Vị quan lại ghét cụ Minh Tâm lắm.

Bởi, vì ngay thẳng cụ không ưa những việc mờ ám, vì can đảm cụ không sợ bị trả thù, cụ trở thành người bảo vệ công lý cho đám dân sống dưới sự cai trị của vị quan không liêm chính kia.

Nhưng, dù ngay thẳng và can đảm, vị ẩn sĩ, làm thế nào có thể

chống lại một ông quan giàu có, đầy lòng đố kỵ và nhiều thế lực?

Cho nên, một hôm viên quan độc ác, gọi một thuộc hạ trung thành, một người đã từng ra trận đánh giặc, tên là Y Oan, lại và bảo rằng:

– Y Oan, hãy đi giết lão già, giết lão Minh Tâm kiêu ngạo cho ta. Hãy chém đầu lão, xách bộ râu xám đem cái đầu lâu về đây cho ta để ta ném cho chó ăn!

Y-Oan vâng lệnh, lên đường đi giết cụ Minh Tâm.

Y vừa đi vừa nghĩ thầm một cách cay đắng rằng: “Ta không thích chi cái việc khốn nạn này, nhưng ta cũng không thể làm khác

được. Âu cũng là cái định mệnh Trời đã dành cho ta”.

Y Oan giấu lưỡi đoản kiếm trong tay áo và tới nhà cụ Minh Tâm.

Y chào vị ẩn sĩ và nói:

– Thế nào, cụ vẫn mạnh khoẻ luôn chứ? Thượng đế vẫn ban phước cho cụ đó chứ?

Vị ẩn sĩ sáng suốt đã hiểu rõ mọi chuyện, bèn mỉm cười bảo:

– Người nói dối có ích gì, Y Oan. Trời biết rõ mọi chuyện, việc lành việc dữ đều ở trong tay Người cả. Ta đã biết mục đích của mi đến đây hôm nay để làm gì rồi.

Y Oan xấu hổ khi nghe vị ẩn sĩ nói.

Nhưng hắn cũng sợ không dám làm trái lệnh của chủ mình.

Y liền rút lưỡi kiếm ra khỏi chiếc vỏ da, lau lưỡi kiếm bằng vạt áo, và nói:

– Tôi phải giết cụ, cụ Minh Tâm, giết mà không muốn cụ nhìn thấy lưỡi kiếm của tôi.

Nhưng bây giờ, thì cụ hãy cầu nguyện đi, hãy cầu nguyện Thượng đế một lần cuối cùng, cầu nguyện cho cụ, cho tôi, và cho tất cả mọi người.

Cu Minh Tâm bèn quỳ xuống, quỳ xuống nhẹ nhàng, dưới gốc một cây sồi nhỏ, và cái cây bỗng nghiêng mình trước mặt vị ẩn sĩ.

Cụ mỉm cười bảo:

– Hãy cẩn thận Y Oan, sự chờ đợi của người sẽ rất lâu. Bài kinh cầu cho nhân loại dài lắm. Tốt hơn là mi hãy giết ta trước khi mi mục rữa đi mất.

Nghe nói, Y Oan chau mày. Nhưng y vẫn tự hào bảo:

– Là ta đã nói thì không có lời thôi nữa. Cứ cầu nguyện đi, ta sẽ chờ một thế kỷ nếu cần!

Và cụ Minh Tâm bắt đầu cầu nguyện, từ sáng cho đến chiều, từ chiều đến đêm, từ mùa hè tới mùa xuân năm đó, vị ẩn sĩ cầu nguyện không ngừng.

Bao nhiêu năm qua, cụ Minh Tâm vẫn chưa ngừng cầu nguyện.

Cây sồi nhỏ đã cao lên chạm tới mây, cả một cánh rừng rậm đã mọc lên quanh đó.

Nhưng bài kinh cầu nguyện vẫn chưa xong.

Và cho đến ngày nay, cả hai người vẫn còn đang ở đó: Vị tu sĩ già vẫn không ngớt khẩn nguyện với Thượng đế về những nỗi khốn cùng của chúng ta, cầu xin Thượng đế hãy cứu giúp con người, hãy ban cho nhân loại sự an vui.

Bên cạnh vị tu sĩ, chiến sĩ Y Oan vẫn còn đứng đó.

Nhưng tự bao giờ, lưỡi kiếm của y đã rớt thành cát bụi. Quần áo của y đã rã tan dưới đất mực.

Mùa đông cũng như mùa hè, Y Oan đứng đó, trần như nhộng, hơi nóng thiêu đốt y nhưng không làm cho y tiêu tan, rồi bỏ rúc trong thịt y còn sống, chó sói và gấu chẳng cắn xé y, bão táp giá băng xả miễn cho y. Nhưng Y Oan còn đủ sức rời bỏ con đường hắc đã đi đến, không còn đủ sức giơ cánh tay lên, không còn đủ sức nói một lời nào nữa.

Đó là hình phạt y phải chịu.

Y chẳng nên tuân theo những cái lệnh độc ác, không đặt mình dưới lương tâm mờ ám của kẻ khác.

Và bài kinh cầu nguyện của vị tu sĩ cho chúng ta – những kẻ tội

lỗi khác, đến giờ này vẫn còn đang
chảy tới Thượng đế như con sông
ánh sáng chảy ra bể cả rộng.

(theo Maxime GORKI)

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Trần Tuệ Mai

Nhánh sâu câm

*Khi đêm về trên khu vườn âm
thầm*

trời lên cao vút bạc màu trắng

*mênh mang như một thiên
đường lạnh*

*với những hồn mây nhớ kiếp
trần.*

*Khi đêm về trên hàng cây âm
thầm*

gió nào quên động nhánh sâu
câm

bao mùa lá đổ không thay lá
vẫn đó xanh xao, vẫn mướt
buồn.

Khi đêm về trên mái nhà âm
thầm

mưa cũng theo về gõ phiến tôn
cho người chẵn cũ run thân
chiếc

đốt nến cầu hơi dỗi giấc buồn.

Đêm đêm, trời ơi, vào ra âm
thầm

*làm sao gìn giữ được dư âm
để khi anh bỏ thiên đường lạnh
về với em chung một xác trần...*

Trùng Dương

Cây giáng sinh bên kia sông

1

Buổi tối, như mọi hôm, sau bữa cơm tối tại một tiệm ăn quen có thể ký bông mỗi tháng tính tiền luôn thể, hẳn đến nhà thủy tạ bên này sông gọi một ly cà phê. Trong khi ngồi trầm ngâm bên chiếc phin cà phê đang nhỏ những giọt màu đen sánh như một thứ máu đặc khô

quánh xuống lòng chiếc ly bằng thủy tinh, với khuôn mặt nặng nề và đôi mắt nhìn như ẩn giấu cả một trời u uất, hắt hướng về trại lính Mỹ chiếm cứ như một chốn bất khả xâm phạm tuyệt đối bên kia sông mà nghe một đau nhức không nguôi từ một vết thương sâu kín. Hắt muốn vươn mình đến một sự nhức nhối có tính cách trọng đại hơn: như coi cái mảnh đất bên kia sông là một trong những vết lở lói của thân thể đất Mẹ. Hắt tự lừa dối mình mà không xong. Hình ảnh người đàn bà mà hắt đã ấp ủ vẫn cứ lớn vồn đâu đây. Cái gì trong cái vết lở lói bên kia sông đã lôi cuốn nàng rời xa hắt? Hắt không muốn nghĩ đến nữa. Hắt muốn phóng đại niềm đau nhức của mình thành một nỗi thao thức lớn lao mà

chẳng riêng gì hấn phải mang, mà cha anh hấn đã mang, mà rồi em, con hấn sẽ mang và không chừng sẽ đến lượt cháu của hấn nữa (làm sao biết được khi chính tai hấn đã nghe cha, ông hấn, rồi hấn còn nhỏ, đã thốt lên: “Biết đâu thế hệ nó sẽ khá hơn thế hệ mình?” ý họ ám chỉ thế hệ hấn. Và bây giờ đến lượt hấn, hấn nhìn bày con, hay lũ nhỏ đồng tuổi với chúng, tuy chưa nói lên một câu tương tự, nhưng đã ngầm nhủ thầm như vậy.)

Có tiếng đàn bà cười. Hấn hơi quay đầu để thấy một cặp vừa bước vào quán qua chiếc cầu hẹp, dài độ năm thước. Hấn không cần nhìn rõ mặt họ, nhưng tiếng cười của họ, nhất là của người đàn bà, làm hấn rớt từ niềm thao thức bao

la vĩ đại vô vị lợi xuống một nỗi đau thương tâm thường, một cách lỗ bịch. Hẳn nhận rõ nỗi đơn độc của mình. Một con đàn bà bỏ đi, điều đó có nghĩa gì? Nhưng hẳn bắt buộc phải nhìn vào thực tại và thấy là điều đó không hẳn là không có nghĩa gì. Quả nó có nghĩa gì thật. Hẳn tự thấy mình phải dứt khoát: không nên hoán vị sự việc và mặc cho nó những mũ mào ngoài tầm vóc của nó. Thử không hoán vị, thì đã sao? Và hẳn nghiền ngẫm nỗi cô đơn của mình, như nghiền ngẫm vị đắng của chất cà phê không bỏ đường.

Quán vắng. Ngoài hẳn và hai người khách vừa bước vào, kỳ dư chỉ có mấy người bồi đứng ở khung cửa sổ sát mé sông đang tán gẫu

với nhau. Trời mưa và mùa đông lạnh, không mấy ai muốn ra khỏi nhà, nhất là từ ngày thành phố tràn ngập những người lính Mỹ và Đại Hàn, và càng tràn ngập hơn những món đồ do bọn người này bán ra đủ cho dân chúng lập nên một khu chợ trời ngay trung tâm thành phố, tạo nên một khung cảnh buôn bán sầm uất và ấn tượng về một sự phồn thịnh giả tạo.

– Trời mưa hoài, liệu tụi nó có dám dựng cây giáng sinh không, há?

Một người bồi vừa ngáp, vừa nói. Người kia đáp lơ đãng:

– Có gì mà không dám!

– Nghe đâu ngày mai tụi nó sẽ trồng cây giáng sinh đó Nghe nói

đường như lớn lắm. Có lẽ cũng bằng cây thông thiệt chứ chẳng chơi?

– Cao bằng cây thông thiệt, hay cao hơn, điều đó có nghĩa gì khi mà tụi nó dám đổ cả triệu đô-la bom vào những chỗ chỉ đáng nghi ngờ là có địch quân đồn cứ thôi!

Người lên tiếng trước tiên có vẻ bức dọc:

– Cái thằng cha này! Người ta đương nói chuyện đảng goàng, khi không lôi chuyện khác vô chi dzậy? Đụng mở miệng là lên giọng bi goan không hà! Đách thêm nói chuyện với nữa!

– Không nói đến thì thôi. Đách cần!

Và họ im lặng sau đó. Hấn mừng là họ không thèm nói chuyện với nhau nữa.

Hấn lần trong túi áo vét lá thư của người bạn từ Sài Gòn vừa gửi ra. Những nét chữ hơi buông lơi, nhỏ nhắn và gọn gàng, nhưng cũng không thiếu phần chịu đựng lì lợm của một thứ tâm tình dịu dàng mà quyết liệt của người bạn mà hấn yêu hơn bất cứ người nào khác hấn đã từng quen biết, đến độ, hấn, với ba mươi mấy tuổi đầu, đã gần như hờn lầy khi nghe tin bạn sắp cưới vợ. Nhưng hấn kín đáo che giấu niềm tuyệt vọng – tại sao niềm tuyệt vọng ấy? – một cách khéo léo. Hấn không quen để lộ tâm tình cùng phản ứng, nhất là đối với bạn trai, mặc dù dễ dàng mềm yếu khi

gục trên ngực một người đàn bà (song đó lại là chuyện khác).

– Tại sao, tôi hỏi thật, anh lấy vợ?

Dạo đó, bạn hấn chưa làm lễ cưới. Hấn trọng bạn, gần như tôn kính, ở tuổi tác, sự hiểu biết, tính chịu đựng, sự từng trải, mặc dù họ chỉ xê xích nhau một hai tuổi.

– Tôi tưởng anh không bao giờ nghĩ đến chuyện lấy vợ, hay nói chung, tưởng thường nhìn cuộc đời như không có bọn đàn bà. Dù điểm đó anh khác tôi, thú thật, song chính vì vậy mà tôi trọng anh hơn bất cứ thằng cha nào khác mà tôi quen biết từ trước đến nay.

Người bạn chỉ cười, cái nụ

cười vừa bộc tuệch vừa bí ẩn. Hẳn nghĩ: nếu không phải là người hẳn trọng và thương, hẳn đã nhảy vào đề ngựa thẳng cha có cái cười nửa hiền lành, nửa ngạo mạn, với cái vẻ khoan dung và ôn hòa của một ẩn sĩ đã đạt đến... đạo, nhưng có thể bất chợt, khép lại đầy vẻ danh thép cương quyết và sẵn sàng đương đầu. Rồi người đàn bà được giới thiệu với hẳn. Một người đàn bà trẻ với nhiều trẻ thơ tính và cũng nhiều tình yêu cho bạn hẳn, song dường như (làm sao có thể được ở nàng?) chẳng hiểu bạn hẳn có chút gì ngoài cái nhãn hiệu mà bạn hẳn được một số người trong thiên hạ mặc cho: nhà văn. Dường như nàng hãnh diện về điều đó. Chưa kể cái lý tưởng chính trị – lý tưởng gì? – mà bạn hẳn ôm ấp. Một hôm,

hắn không ngăn được sự ngu xuẩn khi thốt lên:

– Chị không hiểu được anh ấy đâu. Tốt hơn, chị đừng lấy anh ấy. Chị sẽ chỉ làm ngăn trở anh ấy mà thôi.

Lẽ cố nhiên, đó là một điều không nên nói thẳng như vậy với một người đàn bà đang yêu và muốn lấy người mình yêu. Người đàn bà đã giận hắn đến thâm tim cả ruột gan. Người bạn biết chuyện, chỉ cười, như bao giờ. Dầu sao, việc người bạn lấy vợ lại cũng là một dịp làm hắn phục bạn hơn, dù hận. Hắn tự nghĩ: có lẽ mình ích kỷ. Mình bị ruồng rẫy bởi một con đàn bà. Trong khi bạn mình được một người đàn bà yêu thương và mến

phục với cùng một nồng độ ngang với sự yêu thương và mến phục mà hẳn dành cho người bạn... Có thể nói, hẳn gần như tôn sùng người bạn, tựa như một tín đồ sùng đạo đến độ không bao giờ có thể thấy rằng Thượng đế của mình vô lý khi làm một điều trái quấy hết. Hẳn là phải có lý do. Cái lý do khiến cho bạn hẳn lấy vợ, hẳn có thể thông cảm được, dầu sao đi nữa. Ít ra, hẳn khoái chí nghĩ, bạn mình còn là người.

Dường như hẳn đã cười thành tiếng trong bụng. Hẳn cúi xuống trang giấy tựa như có hơi hướm của người bạn thân yêu và đọc lướt qua:

“*Siêu thân,*

Lâu lắm không viết thư cho mày (bạn hẳn mặc nhiên xưng hô “mày, tao” với hẳn như thể từ chối vai trò “làm anh” mà hẳn phong tặng cho, để chỉ coi hẳn như một người bạn) vì lười. Mày biết đấy, như đã bao lần tao nói với mày, công việc ở đây nó lặt vặt, nó tạp nhạp, nó ù lì, khiến mình ù lì theo – chỉ tiếc sự ù lì không đủ để cho mình trở thành một thứ cây cỏ vô tri vô thức thôi, điều mà tao thành thật muốn trở thành! Vì vậy, tao không thể kể với mày một cái gì nữa cả. Khi mình ở lưng chừng thì có cái quái gì đâu để mà kể? Có lẽ tao mòn mỏi thật rồi. Thậm chí cũng chẳng đủ thì giờ, dù vẫn dư thời giờ, để tìm hiểu tại sao sự mòn mỏi ấy.

Nhận được thư tao, chắc mày

ngạc nhiên lắm? Có việc nhờ mày: lo giùm cho người cầm giấy này một chỗ ở. Chỉ có vậy. Ráng lo cho tốt đẹp, rồi về Sài Gòn ăn tết, đánh bạc, nghe không! Mong mày.

Thân,

Thiên.”

Trưa hôm qua, khi hấn vừa đi ăn cơm về. cô thư ký trao lại hấn lá thư và nói là do một người con gái mặc áo dài nâu, người nhỏ nhắn, mang lại. Và cô thư ký nói thêm, sau một phút im lặng:

– Cô ta đẹp lắm. Trông hay lắm, thừa ông.

Tự nhiên, hấn nghe xôn xao trong lòng. Những hàng chữ gửi gắm của người bạn có vẻ gì khác

thường: chưa bao giờ người bạn tỏ vẻ ân cần và săn sóc như vậy về một người nào, nhất là người đó lại là một người đàn bà. Hẳn khoái trá khi ý nghĩ chợt dẫn hẳn đi xa hơn. Trong một lúc, hẳn sức nhớ ra điều gì. Hẳn hỏi cô thư ký bao giờ cô ta trở lại. Cô thư ký nói cô ta chỉ nói là mai hay mốt, chẳng dặn giờ nào. “Người cầm giấy này”, hẳn là cô gái đó chứ còn ai khác nữa! Cô thư ký nói thêm:

– Dường như cô ta bảo cô ta đi Hội An.

Hẳn lẩm nhẩm:

– Hội An à?

*

– Phải, Hội An nè. Mình đã tới Hội An rồi, các bạn.

Một người trong bọn trả lời. Chiếc xe rẽ vào một con phố hẹp, hai bên là những ngôi nhà nhỏ, mái lợp ngói âm dương, hay ngói hình vòng cung, với một dáng dấp cổ điển, dường như bị quên lãng. Hè đường hẹp không đầy một thước. Mặt đường còn lát gạch, nửa xanh vì rêu, nửa đỏ vì bị chà sát đi lại nhiều. Có nhiều hòn gạch lồm hằn xuống như mặt một cái đĩa, nước mưa còn đọng trong đó. Một người nào đó trong bọn nói:

– Đây là phố chính của Hội An.

Nàng nhìn lên một cái bảng hiệu của một cửa tiệm và tìm thấy hàng chữ “Đường Cường Để”.

– Nghe nói ở đây có Chùa Cầu nổi tiếng? Nằm ở đâu vậy?

– Trên con đường này.

Nàng nghĩ: “Lát nữa phải đến đó xem. Đến Hội An mà bỏ lỡ không đi xem Chùa Cầu là một cái... tội”. Nàng đã thấy chán ở một chỗ. Nàng muốn đi đây đó. Nàng bày tỏ ý định đó với một đôi người bạn thân. Có người bảo đi được thì cứ đi. Có người bảo trong lúc rối loạn như thế này, không nên đi làm gì, nhất là lại đi chỉ vì thích, và theo họ, không ở đâu bằng ở thủ đô. Nàng đáp:

– Chính vì thế mà nàng muốn đi. Xem nhiều cái nàng muốn thấy, muốn xem, muốn cảm. Để làm chính nàng cũng không biết. Chỉ

biết rằng, nếu phải chôn chân mãi một chỗ thì nàng sẽ cuồng điên lên mất. Mỗi ngày với bao nhiêu hình ảnh phố xá ; với bấy nhiêu những con đường giờ ấy giờ nọ kẹt xe, bụi bay mờ cả mắt cả tâm trí làm cho người cẩu cẩu hay nhẩn nhẩn đến vô hồn; với bấy nhiêu khuôn mặt bạn hữu tâm tình quen thuộc (mặc dù biết vậy mà vẫn chẳng thể đóng cửa nằm im trong nhà vùi đầu vào sách mà đôi-khi-bỗng-mất-hết-mọi-vẻ-hào-quang-màu-nhiệm-của-chúng-nó, sao không có lúc như vậy chứ, dù sách vở vẫn là người bạn thân yêu nhất của nàng? Và dù đó là một người tình duyên đáng đáng yêu, sao không khỏi có lúc thấy chán mứa và tưởng đến những chân trời khác?). Nàng thấy mình phải đi. Có người khu-

yên ra biển hay lên cao nguyên, Đà Lạt chẳng hạn. Nàng cười: tiền đâu ra để đi đến những chỗ đó. Vả lại, muốn thấy, muốn nhìn chứ đâu muốn nghỉ ngơi. Nàng nhận mấy công việc mà bình thường, nếu không vì nhu cầu đi, chắc nàng đã chẳng nhận. Từ đó, nàng quen thêm được bốn người đồng hành: hai thiếu nữ, hai thanh niên. Ngay từ lúc biết sẽ đi chung với họ, nàng đã thấy họ không thuộc loại người có thể thông cảm với mình. Ngân thì phóng túng nhưng hơi hợm. Hạnh thì khó khăn, khép kín. Kiệm cọc cằn, nhỏ nhen, quá trung thành với cấp trên và là trưởng nhóm. Thuần giản dị, hiểu biết và có thứ tinh thần dễ hòa hợp, thích nghi của một hướng đạo sinh. Biết là khó thích nghi với những người

đồng hành này, nhưng nàng cũng muốn thử xem sức chịu đựng của mình đến đâu đối với họ. Dầu sao, nàng cũng chỉ sống với họ trong khoảng thời gian nào đó. Nàng ghét phải giữ miếng trong vấn đề giao thiệp, nhưng nàng tự nhủ là sẽ cố gắng đến mức tối đa để tránh nói ra những điều không cần thiết.

*

Cuối cùng, nhóm năm người đi đến quyết định thuê hai phòng của khách sạn. Ba người con gái sẽ ở một phòng. Phòng bên dành cho hai người con trai.

Khách sạn gồm một tiệm ăn dưới nhà và nhiều phòng cho thuê

trên lầu. Chủ nhân là người có lối phát âm miền Bắc. Và lối phục sức của người vợ thì không lẫn vào đâu được với chiếc quần đen, áo cánh trắng ngắn cùn cốn xẻ bên sườn để lộ một khoảng da thịt trắng ngần và đặc biệt là vành khăn quần trên đầu để thò chiếc đuôi gà ngoe nguẩy. Nàng tự hỏi hai vợ chồng này từ Bắc vào đây lập nghiệp từ hồi nào. Nàng thường hay thắc mắc về những điều không cần thiết như vậy, trong khi các bạn mãi miết dùng cơm trưa, dường như ngay cả những xác người mặc quần áo đen máu bê bết vất bên vệ đường cho dân chúng xem và chính họ cũng đã dừng lại để nhìn với cái nhìn gớm ghiếc tởm lợm, cũng đã bị xóa nhòa trong đầu óc họ. Hạnh ăn uống dè dặt, nhỏ nhẹ

và dường như thiếu thoải mái khi ngồi chung bàn với bọn đàn ông con trai giữa một khung cảnh xô bồ của lũ quán. Ngân tỏ ra bình thản hơn. Kiệm ngồm ngoàm vội vã và nhai nuốt. Thuần thông thả, tự tin. Nàng tự hỏi, còn mình ra sao? Dường như nàng bắt đầu mong cho công tác sớm chấm dứt. Nàng thấy nhớ cái thành phố đã bỏ đi và những người bạn nơi đó. Và nữa, đã gần hết thời gian công tác, nàng chưa gặp được một cái gì gọi là phiêu lưu cả, ngoài những hình ảnh bắt gặp bên lề một lộ trình đã được hoạch định từ trước. Siêu là một người ra sao? Bỗng nhiên nàng nghĩ về gã đàn ông chưa biết mặt này. Nhưng nàng đã tin tưởng rằng có thể ngồi nói chuyện với Siêu về những điều không-cần thiết, hay

tâm sự vụn cũng thế, có lẽ là vì, theo lời giới thiệu của Thiên thì Siêu là một trong những người bạn thân của anh. Có lẽ nàng tin tưởng ở tư cách bạn thân của Siêu đối với Thiên. Từ hai tuần lễ nay, không được nói về những điều không cần thiết với một người nào, nàng cũng cảm thấy nhớ nhớ và thiếu thiếu. Những điều không-cần-thiết, nàng thì thăm. Quả chúng vẫn có cái gì quyến rũ hơn là những lộ trình đã được hoạch định kỹ lưỡng, những chỉ thị đã được nghiên cứu, những phản ứng đã được dự đoán v.v...

Ăn cơm trưa xong, Thuần bảo:

– Bây giờ mình nghỉ trưa. Buổi chiều hôm nay tạm ngưng công tác, để hoạch định chương trình

làm việc tại đây. Sáng mai mình sẽ làm hết nội trong buổi sáng để sau bữa cơm trưa kịp đáp xe trở về Đà Nẵng. Cậu nghĩ sao Kiệt?

Thuần mặc dù không đóng vai trưởng nhóm, nhưng luôn luôn đưa ra đề nghị. Kiệt gần như chỉ kiểm duyệt qua những đề nghị của Thuần, góp ý kiến sơ sơ và chịu trách nhiệm với Sài Gòn. Bọn con gái thường tin tưởng ở Thuần nhiều hơn và dè dặt đối với Kiệt. Hắn có thể báo cáo về Sài Gòn bất cứ cái gì để tỏ ra một người đắc lực, có tinh thần trách nhiệm. Nàng đã bắt đầu thấy chán nhìn khuôn mặt quắt queo sẵn sàng cạ cọ nhăn nhúm về bất cứ chuyện gì, và cạ cọ nhăn nhúm ngay cả lúc bình thường không có chuyện

gì của hấn. Cũng một phần vì hấn quyết định sẽ báo cáo về thái độ chênh mảng và cầu thả của nàng. Nàng cười thầm và cảm thấy bất cần. Ngay từ bây giờ, nàng nghĩ, nếu không vì số tiền công tác phí Sài Gòn ứng trước mà nàng khó có thể đền bù lại cho đủ, nàng đã tung hê tất cả để về Đà Nẵng tìm gặp Siêu và nói những chuyện không-cần-thiết với không một sự hoạch định, dự tính hay đoán trước. J'en ai marre, vraiment, j'en ai marre¹. Nàng nghĩ thầm trong đầu.

*

Trời mưa xối xả khi nàng đứng nép dưới mái hiên để vẽ phác ngôi Chùa Cầu.

¹ Tôi thực sự phát ngán rồi.

Nàng bật cười thầm khi thấy Chùa Cầu chỉ nhỏ bằng cái am, với bốn góc là bốn bàn thờ của bốn con khỉ, và ở giữa là lối đi lát gỗ ngang hình vòng cung cho người ta đi lại ngang qua một con lạch nhỏ. Dù vậy, đứng xa nhìn cái mái lợp ngói âm dương với phần trang trí cổ xưa (rồng, mặt trời), trong cái kiến trúc nhỏ bé đó tựa như một cổng thành thu nhỏ lại. Nàng nhớ mình đã đứng trước Chùa Cầu và hỏi thăm một người qua đường xem Chùa Cầu nằm ở đâu.

Những trẻ em và người lớn hiếu kỳ bu quanh chỗ nàng đứng xem nàng đưa những nét vẽ phác và bình phẩm một cách hồn nhiên, ngây thơ hoặc im lặng. Nàng tiếc là mình không có một cái giá vẽ, một

khung vải hay giấy lớn, với những tuýp màu để có thể cung hiến cho những người hiếu kỳ kia một bức tranh đầy đủ hơn. Nàng mỉm cười xin lỗi họ khi đóng cuốn tập lại, sau khi đã phác họa xong cái kiến trúc khiêm tốn kia. Một em bé hỏi nàng:

– Chùng nào cô vẽ nữa?

Nàng cười, đáp:

– Tôi chỉ ghi qua hình ảnh của Chùa Cầu. Tôi hy vọng có dịp trở lại đây với giá vẽ và màu.

Một đứa khác hỏi:

– Bao giờ, cô?

– Tôi không thể nói trước được.

Nàng cười thay lời chào và tắt

tả đi về phía Chùa Cầu. Vẽ vờl quả là một việc không cần thiết, nhưng bàng thấy thích nó hơn là làm những việc đã được chỉ định, tính toán kỹ lưỡng. Nàng nghĩ: hẳn là những kẻ thấy nàng vẽ lại Chùa Cầu sẽ hãnh diện vì nơi họ ở có một cái gì đáng vẽ, và họ hãnh diện vì cái kiến trúc khiêm tốn mà có lẽ vì quen, họ đã không để ý đến. Nàng cảm thấy mình đã có ích được chút đỉnh. Bức vẽ phác, có thể sẽ chẳng để làm gì, nhưng nó làm nàng sung sướng, dù trong khoảnh khắc, về cái ảo tưởng là đã nắm được trong tay một hình ảnh mà nàng đã xúc động khi thấy nó.

Bà cụ già bán hương ngồi trong Chùa Cầu, trên một phiến gỗ, nhích lại gần chỗ nàng đang đứng ngó

quanh trong khoảng không gian hẹp xây trên lạch nước, nói, âm thanh khó nghe vì hai hàm răng đã rụng cả:

– Con cho già xem cái hình chút được hông?

Nàng dần hiểu ra và vui vẻ mở tập vở đưa cho bà cụ xem. Bà cụ chăm chú nhìn bức vẽ phác một lát với hai mắt kèm nhèm, nhận xét:

– Ngộ quá hén? Con vẽ mần chi rứa?

Nàng cười ôn tồn:

– Thấy đẹp thì vẽ vậy thôi, bác.

Bà cụ trao trả tập vở, nói:

– Già bán hương ở Chùa Cầu này đã lâu, chẳng bao giờ nhìn

thấy nó ra sao hết. Bây giờ thấy nó nhỏ lại, coi cũng ngộ chớ.

*

Khi nàng trở về phòng, vừa vặn đến giờ đi ăn cơm tối. Trời đã ngớt mưa. Hạnh và Ngân nhìn hai ống quần ướt sũng của nàng, cùng hỏi:

– Bà đi đâu vậy? Làm tụi này tưởng bà đi lạc rồi chớ?

Nàng quăng cuốn vở lên bàn, đi lại chiếc va-li nhỏ lục tìm một bộ đồ khô, đáp:

– Tôi đi lăng quăng thăm phố quận và vẽ phác vài cảnh.

Ngân hỏi:

– Để làm chi vậy?

Ba người xuống phòng ăn. Bọn con trai đã đợi sẵn ngoài cửa, báo cho biết tiệm không còn thức ăn gì, vì họ xuống ăn trễ quá. Thuần vẫn có vẻ thong thả. Kiệm thì vẫn cau có như bao giờ. Nàng thích thú vì cái nếp sống ở đây: nhỏ bé và thân thiết như một cái gia đình, sau bảy giờ tối, kể như đi tìm một bữa cơm tiệm thật khó. Người ta nấu nướng cầm chừng vì số thực khách hiếm hoi. Họ phải vào một tiệm mì thưởng thức món mì Quảng thay cơm. Sau đó, họ trở về khách sạn: quận lỵ buổi tối khép mình đi ngủ thật sớm. Bọn người đồng hành với nàng không biết làm gì hơn, rủ nhau đánh xì trong phòng bọn con gái. Nàng mượn chìa khóa

phòng bọn con trai mang theo một cuốn sách. Khi nằm một mình trong phòng, nàng bắt gặp mình suy nghĩ về thành phố nơi đó nàng đã sống tuổi nhỏ và rồi dậy thì, về những người bạn của mỗi một giai đoạn sống, về mỗi bản khoản một đạo đi tìm cho mình một cá tính – hay đúng hơn, tìm xem thực sự chỗ đứng của mình ở đâu, ra sao, để không còn vấp phải những lúc hụt hơi chạy theo biết bao nhiêu cái quyến rũ của cuộc sống mang mang. Bây giờ, nằm đây, nàng biết được gì về mình? Nàng tưởng rằng nhiều lắm. Nhưng đó vẫn chỉ là một chậu nước đục: phải đợi cho nó lắng xuống để có thể nhìn thấu suốt tất cả. Có một điều rõ rệt nhất, mà nàng có thể thấy được: nàng chán ngắt cái lộ trình được

vạch sẵn này, nàng muốn trở về cái thế giới của một kẻ đi dạo không mục đích, nói và nghĩ những điều không cần thiết, có thể về một buổi mai chan hòa nắng ấm, có thể về một thảm cỏ hiền hòa, có thể về một đóa hoa sắp nở, về một khu rừng, một thửa ruộng, một tiếng chim kêu, một bãi biển, một đoạn văn hay đã được đọc, một bức tranh và nhiều nữa, hay gần hơn, về một đêm Giáng sinh thuở nhỏ đi lễ với người nhà và bị lạc... Đó: tất cả những điều không cần thiết bởi nó chẳng giúp ích cho ai và cũng không làm hại ai ngoài việc nó đem lại cho nàng đôi phút giây khoái lạc mơ hồ, nhẹ nhàng, tựa như chiếc lông chim vu vơ bay trong không gian và nhẹ nhàng rơi xuống thảm cỏ tâm hồn nàng.

2

Người đàn ông đón nàng bằng cái cười gần như trẻ thơ ẩn giữa hàm râu quai nón gọn gàng chứng tỏ một chăm sóc cẩn thận khiến nàng tò mò nhìn ngắm. Dường như tia nhìn của nàng làm những sợi râu của hắn nhột nhột và hắn đưa tay xoa xoa chúng như một thói quen nghịch ngợm:

– Để râu trông già quá, hỉ?

Hắn nói xong cười sặc sỡ làm cả thân hình rung lên, rồi hắn nghiêm ngay nét mặt lại, vẫn xoa xoa bàn tay trên những sợi râu, nói:

– Mấy hôm nay, tôi trông bà quá. Hôm qua có việc đi về Quảng

Nam, tôi có tạt qua Hội An đi vợ vẫn hy vọng gặp bà với cái áo dài màu nâu.

Nàng nghịch ngợm hỏi:

– Nếu gặp, làm sao anh nhận ra tôi được?

– Tự nhiên, tôi nghĩ là tôi sẽ nhận ra được. Chỉ tại không gặp đó thôi.

Hắn nói xong rồi lại bật cười sực sực. Nàng thu hai tay vào áo len nói một câu không cần thiết:

– Trời lạnh quá. Mưa, lạnh và khung cảnh ở đây làm tôi nhớ đến miền Bắc. Lâu lắm rồi mới lại sống lại một Giáng sinh có tiết trời lạnh như thế này. Thực tình thì tôi nhớ rất ít về nơi tôi đã sinh ra.

Nàng cảm thấy dường như hai người đã quen biết nhau

– Chưa bao giờ anh Thiên gửi cho tôi một lá thư với lời gửi gắm cẩn thận như hôm nay, khiến tôi trông đợi một cách khá hiếu kỳ.

– Tôi coi anh ấy như anh ruột. Nếu không, việc anh ấy lấy vợ đã không làm tôi thất vọng.

– Thất vọng?

– Chứ sao?

Hắn nói xong, lại cười sặc sỡ. Đôi mắt chớp nhiều lần. Nàng chợt nhận ra người đàn ông ngồi đối diện có cặp mắt buồn và hơi long lanh. Cặp mắt ấy với miệng cười thơ trẻ dường như trái ngược với hàm râu quai nón. Có lẽ vì vậy mà

hắn để râu? Cũng có thể để râu như hắn là một cái một, hoặc để râu để có dịp có một thứ để chăm sóc, như người đàn bà có đôi má, có làn da để chăm sóc vậy thôi? Bỗng dưng nàng nghĩ: hắn chính là một bí ẩn trong những cái bí ẩn mà nàng chưa biết hết được của Thiên. Dầu sao nàng cảm thấy thoải mái khi ngồi với hắn, bỏ lại phía sau những người bạn đồng hành tẻ nhạt, đầy thận trọng và giữ gìn.

– Đêm Giáng sinh vừa qua bà làm gì?

– Nằm đọc sách trong một phòng khách sạn ở Hội An và nghĩ về thành phố với bạn bè bỏ lại phía sau. Còn anh?

– Nghe nhạc Giáng sinh và tự

hỏi cái người cầm giấy của mình ra sao và liệu có trở lại. Tôi đã lo sẵn cho bà một cái phòng.

Nàng cười mơ hồ. Trông nàng có cái vẻ của một con mèo: lơ mơ và bí ẩn. Nàng không muốn cho hẳn biết rằng thực ra nàng đã trở lại Đà Nẵng từ hai hôm trước, bằng một chuyến máy bay dân sự Mỹ do một gã thanh niên làm quen được tại Hội An điều đình xin giùm. Trúc, dường như đó là tên gã, có cái vẻ của một tên ăn chơi lọc lõi và có cái kiêu căng kiểu cách hợm mình của một gã làm sở Mỹ. Dù vậy, gã tỏ ra phóng túng làm nàng thấy dễ thở. Nàng cảm thấy không có gì trở ngại khi nhận lời gã mời đi ăn với một nhóm bạn bè nữa của gã. Nhưng đến lúc mọi người đề nghị

đi nhảy thì nàng yêu cầu gã đưa ra bãi biển. Gã nhìn nàng, dường như cái đề nghị của nàng có vẻ kỳ cục. Trời mưa. Đường tối và đầy những ổ gà sũng nước. Có cái gì quyến rũ ở một bãi biển ngập nước và tối mù ấy mà em đòi ra? Gã gọi nàng là “em” ngọt sớt. Nàng không thích như vậy, nhưng nàng không phản đối.

– Chẳng có gì cả. Tôi muốn nghe tiếng sóng trong đêm. Nàng đáp.

– Ở đây có hai bãi biển: một, nay đã thuộc về bọn Mỹ; còn một thì không mấy an ninh về buổi tối. Dầu sao, em đã muốn thì tôi đưa đi, dù tôi nói trước là chẳng có gì để nhìn cả với màn đêm và trời mưa như thế này.

Quả là chẳng có gì để nhìn cả. Chỉ cơ tiếng mưa rơi và tiếng sóng mơ hồ. Và ở xa ngoài khơi có những ngọn đèn điện viền quanh những khung các con tàu đậu im lìm.

– Em có biết một trong những con tàu kia là tàu chở xác người chết, hắn vừa nói vừa chỉ tay về phía những ngọn đèn điện ngoài khơi, tất cả các người Mỹ chết trận đều được đưa về đó, một bọn người chuyên môn làm cái việc mổ bụng tử thi moi hết ruột gan vắt xuống biển và sau đó, tử thi được ướp bằng những chất hóa học, đóng hòm gửi về cho thân nhân ở bên Mỹ.

Nàng cảm thấy tội nghiệp cho những thân nhân của người chết:

đã nhận một cái xác không hồn lại không cả ruột gan.

– Nếu tôi chết, tôi ưng được vạt toàn thân xuống biển...

Gã thanh niên đã bắt đầu chán sự vắng vẻ và cô tịch nơi bãi biển và câu chuyện về các tử thi do chính gã gợi ra. Gã muốn trở lại thành phố uống rượu và nháy nhót với các bạn. Gã cảm thấy đưa con gái này bỗng nghiền ngẫm về các tử thi dù với vẻ đùa cợt bình thản hơi cay đắng. Dù sao, gã cũng chợt nhận thấy một con chim đơn độc tìm mồi trên bãi biển dưới trời mưa. Gã chỉ cho nàng xem, để rồi ân hận vì đã chỉ cho nàng xem con vật nhỏ. Bởi sau đó, gã lại thấy nàng bận rộn thương vay cho con

chim nhỏ đơn độc giữa đêm mưa. Gã bảo thôi đi về. Nàng không phản đối, để mặc gã đưa mình trở lại thành phố gói mình trong cái lạnh của đêm Giáng sinh. Gã bắt đầu chán người đồng hành thường bị lôi cuốn bởi những cái chẳng đáng gì xung quanh, trong lúc ngồi bên cạnh gã. Nàng hiểu điều đó nên buổi sáng hôm sau, khi gã còn đang ngủ, nàng bỏ đi thật sớm, với ý nghĩ về những người chết không-còn-hồn-không-còn-cả-ruột gan và về con chim nhỏ lóng ngóng trên bãi biển trong đêm mưa tìm mồi – nó tìm gì? Một khúc ruột gan nào đó chẳng? Tự nhiên nàng nghĩ con chim là một thứ oan hồn hiện hình, đi tìm lại khúc ruột, miếng gan đã mất tự kiếp nào...

Bây giờ nàng ngồi đây, trước mặt hắn, chợt bắt gặp mình chú ý về đôi mắt buồn và nụ cười trẻ thơ ẩn giữa chòm râu quai nón, về âm thanh giọng cười sục sục của hắn, về vẻ bí ẩn của người bạn của hắn. Và nàng bắt gặp một thích thú mơ hồ.

– Anh có tin là có một loài chim vốn là hiện thân của một oan hồn, chuyên lẩn quẩn ở những chỗ có người chết với hy vọng tìm lại một khúc ruột, một miếng gan đã mất tự kiếp nào...

Hắn bật cười sục sục.

– Không, thật mà. Tôi đã trông thấy nó đêm qua, trên bãi biển trong cơn mưa, giữa trời đêm.

Hắn nhìn người đối diện, đột nhiên thôi cười, tia mắt như có lửa. Nàng chột cười ngất:

– Nó biết rằng tìm kiếm vô ích, nhưng nó đã được sinh ra với số phận như vậy: bị kết án chung thân tìm kiếm. Giống tôi, giống Thiên, và có thể, giống cả anh nữa...

Hắn cười, nhưng không còn phát âm sức sức nữa. Hắn cười bằng nụ cười của một tấm ảnh chụp. Và nàng chột im lặng, miệng méo xệch bất động, vẻ bất động của một tấm ảnh chụp. Nàng thầm nghĩ: cũng như Chúa mỗi năm ra đời một lần, chẳng phải cũng ẩn chứa trong cái sự ra đời đó một thái độ tìm kiếm đó sao? Nếu không, người đã không ra đời, mỗi năm

một lần như vậy. Đứa trẻ sơ sinh ấy chỉ sống một tuổi, rồi vội vàng đầu thai lại, để được sinh ra thêm một lần nữa, và rồi một lần nữa, để thấy rằng mỗi kiếp của mình, cái điều tìm kiếm dường như xa vời hơn, và rồi xa vời hơn...

Tiếng cười của nàng làm hai người hầu bàn chột ngưng câu chuyện, quay lại nhìn hai người khách, rồi lại tiếp tục ngóng sang bên kia sông, nói tiếp câu chuyện đứt rời:

– Trông nó như một cột ánh sáng muôn màu khổng lồ thật. Trông cũng đẹp mắt thật. Tiệm mình không có cây giáng sinh, nhìn nhờ cây giáng sinh bên kia sông, cũng đỡ lẩm chớ. Này, nghe

đâu tụi nó đưa cả một cái si-núc lên Đà Lạt chặt cây thông lớn nhất trên đó chở về đây lặn đó.

– Úi dào, tụi nó có chặt tất cả những cây thông ở Đà Lạt chở về đây cũng còn được, nữa là...

– Dám!

– Sao không?! Tụi nó dám bỏ cả tỉ đô-la...

– Thôi thôi, tôi xin ông đừng giở lại cái điệp khúc ấy nữa. Chán quá rồi.

– Đách muốn nghe thì đừng gọi chuyện với người ta, có được không?

Hắn vẫn nhìn người đối diện với cái nhìn bất động của một bức

ảnh chụp, ngõ ngàng, như vẽ ngõ
ngàng của nàng khi chợt nhìn thấy
cây Giáng sinh bên kia sông...

TRÙNG DƯƠNG

(11-1969)

TÌM ĐỌC NGAY

NGÀN SAO TẮT THỞ

Thơ **BẠC MỆNH NHÂN**

- Một thi phẩm mà tất cả những
gì đã cháy lên từ cuộc sống.
- Có bán tại các nhà sách Sài
Gòn.

Đặng Tấn Tới

Ca nguyện

Một người nào quay về trái đất

Chiều nay gió nở màu xưa

Cây cháy xém

Những mảnh lụa lá vàng

Cành quên lâu rồi giọt nước mát

Sương xanh

Đồng khô những tiếng gọi

Như chùm trái rơi cuốn vào
nước sông

Đưa đi biên biệt

Đó ai giả nhân đứng cười

Một đời không ra tiếng

Kìa ai trở về giữa cây rừng

Đêm ca nguyện

Không

Tôi không còn người

Sao có ai ca nguyện

Cây

Không cây mà là

Là

Một bãi xương khô

Một mình

Tôi đóng đinh tôi

Đóng giả không thập giá

Đứng đợi phục sinh

Không

Không ai phục sinh được ta

Khi ta không là sự sống

Có người con gái

Cuối đời mặc áo vàng

Nàng mê hoa

Chết đi vẫn chưa thành mộng

Tôi nghe tiếng chân ai

Đi qua đời quạnh vắng

Tôi lỡ nhịp yêu rồi

Lời suốt mơ năm xưa
Khúc ca nào đã chớm
Trên môi run trái điều
Nụ nhớ thương rụng xuống
Thánh thót hương yêu
Người con gái một lần bước lỡ
Tôi một lần đưa lăm bước đi
Là thôi đời nhau đã mở
Những đêm rực sáng ánh vô
minh
Ta thả trôi nhau trong nỗi vô
tình
Tôi không làm sao cắt nghĩa
Trái đất già nua sẽ về đâu

Sự có mặt muôn đời ẩn kín
Mỗi một ta là ý phiêu diêu
Cây lá cổ sơ có khi mọc lại
Môi mắt tay người không kiếp
trùng lai
Tôi sẽ mất như vào mãi mãi
Lạnh những đêm nguyệt nở sao
sai
Trong mỗi lòng đã cũ
Có dấu môi người
Hồn đã khoát áo tang
Từ thôi nôi
Ý nghĩa là không có ý nghĩa
Vô ngôn là chuyện lắm lời

Bia mộ ghi toàn cát bụi
Vọng trăng buồn bã đầu non
Sương gió cũng là hệ lụy
Sao tôi thương tưởng đường
hương

Lá xôn xao rào lối xóm
Đủ nổi trôi trọn đêm trường
Những đêm nguyệt thực trong
hang tối

Mới hiểu đời ta giọt nước trôi
Hồn rất mới
Những trời xa xôi
Có ai hòa ca
Trên những chùm cây xanh lơ

Đang dìu nhau khóc
Nàng chết đi
Nàng là sự sống cuối cùng
Đã nhập mộng
Phúc âm có đoạn ghi
Trước nhan Ngài
Loài người sẽ đứng ra hai bên
Bên tay phải và trái
Như chiên và dê.
Để nghe chúc phúc và chúc dữ
Cuối cùng không ai thành mộng
Mộng đời bay ngoài không
Thiếu nữ áo vàng
Đã thành hoa

*Hồn bay ngoài nội
Nàng ca nguyện cho tôi
Tôi đứng lại con người
Thứ nhất.*

ĐẶNG TẤN TỚI

François Mauriac

Đứa bé có mái tóc dài và quần

1

Cây tiêu huyền khăng khiu nhô lên tìm không khí và ngự trị những dãy tường cao trong sân trường, nơi chúng tôi vừa ra chơi.

Nhưng ngày hôm đó, khi nghe tiếng còi của ông Garouste thổi, chúng tôi không la hét như buổi ra chơi thường lệ. Đó là chiều Giáng sinh; người ta bắt chúng tôi đi dạo

trong sương mù và bùn lầy của ngoại ô, và chúng tôi cảm thấy mệt mỏi, cái mệt mỏi của đứa trẻ bảy tuổi khi phải đi bộ mười lăm cây số.

Bọn nội trú lấy quần dài mặc vào. Toán bán nội trú quay ra phía cổng, chờ thân nhân tới đón, để giải thoát chúng ra khỏi tù ngục hàng ngày. Tôi nhá miếng bánh mì to lớn không thấy ngon miệng, tâm hồn bận rộn về sự bí mật của đêm nay với những nghi lễ bất biến, mà tôi sắp đi sâu vào.

Người ta bắt chúng tôi chờ sau cánh cửa, khoảng thời gian đốt những ngọn nến trong hang đá. Mẹ gọi chúng tôi: “Các con vào được rồi”. Và chúng tôi xô nhau vào căn

phòng mà chỉ đêm đó mới sống động. Những ánh nến nhỏ bé lôi kéo chúng tôi về phía thế giới nhỏ bé của những mục đồng và súc vật quây quần quanh chúa Hài Đồng. Ngọn đèn đêm thấp sáng ở phía trong tòa lâu đài có những lỗ châu mai của vua Hérode.

Trên đỉnh một quả núi làm bằng giấy gói đồ đã được vò nhàu nát, cho chúng tôi cái ảo ảnh của một lễ bí mật. Chúng tôi quỳ xuống ca:

Một chút rơm làm giường nằm

Chuồng gia súc làm nơi ở...

Một vị Thượng đế mà hạ mình như vậy!

Sự hạ mình của Thượng đế ăn sâu vào tâm can chúng tôi...

Đằng sau cái hang có gói kẹo cho mỗi đứa chúng tôi, và một lá thư từ trên trời gửi xuống, vạch rõ những tội lỗi lớn nhất của chúng tôi. Tôi đã tưởng tượng, ở chung quanh, bóng tối của căn phòng bỏ hoang; không một tên trộm nào không còn nín thở nữa đằng sau bức màn cửa sổ và màn che cái giường ngủ. Trên tường, chân dung những người chết, từ nơi vĩnh cửu, lắng nghe giọng nói mảnh mai của chúng tôi... Rồi là đêm tối, mà, trước khi đi ngủ, đứa bé liếc nhìn đôi giày để có đóng sắt, những đôi giày to lớn nhất của nó – những cái, trong đồng tro của lò sưởi, đã thêm vào sự bí mật mà mỗi kỳ lễ Giáng sinh, tôi cố gắng tìm một cách vô ích để hiểu; nhưng giấc ngủ là cái việc mà một đứa trẻ không sao tránh được.

*

Và như vậy, tôi đã ăn lễ Giáng sinh từ trước đó, đầu hướng về phía cửa mà u em sắp xuất hiện. Ngày tối dần. Mặc dầu chưa tới bốn giờ, tôi đã chờ đợi, hy vọng u em sẽ tới sớm Bồng trong góc sân có tiếng reo hò. Trẻ con chen chúc nhau và kêu lên “Con gái, con gái”. Mái tóc quăn và dài của Jean de Blaye đã làm nó bị chế riều như vậy. Đối với chúng tôi, đầu cắt tóc ngắn, thì mái tóc quăn của nó thật ghê tởm. Duy chỉ có mình tôi là thích, nhưng tôi trong sự bí mật, vì mái tóc đó làm tôi nhớ tới mái tóc của Tử tước Fauntleroy, trong cuốn Thánh Nicolas năm 1887, và tôi rất thích chuyện này. Nếu tôi muốn thương sót và khóc, tôi chỉ

cần nhìn hình vị Tử tước nhỏ tuổi, nằm trong lòng mẹ, và nhìn hàng chữ ghi ở dưới: “Phải, bà ta đã là người bạn thân thiết nhất, dịu hiền nhất của Tử tước...” Nhưng tại nó không có cuốn Thánh Nicolas mà đọc; chúng không biết thằng Jean giống vị tử tước nhỏ và chúng đàn áp nó; còn tôi, hèn nhất cảm thấy mình quá yếu đuối, tôi đứng tách rời ra xa.

Tuy nhiên ngày hôm đó tôi ngạc nhiên thấy bọn trẻ không chỉ kêu “Con gái, con gái!” mà còn kêu những chữ khác mà thoát nghe tôi không hiểu. Tôi đi dọc theo bức tường, tiến lại gần, e ngại mình sẽ làm tên đầu sỏ chú ý tới, tên đàn áp, kẻ thù không đội trời chung của Jean de Blaye. Tên đó là thằng

Campagne, nó học trễ hai năm và, nó cao hơn chúng tôi một cái đầu. Dưới mắt chúng tôi nó quả là một tên khổng lồ, có một sức mạnh gần như thần linh. Bọn trẻ xúm quanh Jean de Blaye và la hét:

– Nó tin thế! Nó tin thế!

Tôi hỏi một đứa bạn.

– Nó tin gì?

– Nó tin Chúa xuống qua ống khói của lò sưởi.

Má tôi ửng. Thằng bé bắt đầu rống lên với đàn chó sói.

Tôi thấy Campagne, sau khi dồn nó vào chân tường, xiết cổ tay thằng de Blaye.

– Mà y tin thế, đúng không?

– Mà làm tao đau.

– Thú nhận đi, tao sẽ buông ra...

Lúc đó thằng bé lớn giọng nói một cách rần rỏi như một Người tử đạo nhận tôn giáo của mình.

– Má nói thế, má không có nói dối.

Campagne la lên:

– Tụi bay nghe thấy không? Má của cô gái không nói dối đâu!

De Blaye lập lại giữa những tiếng cười lệ thuộc của chúng tôi:

– Má nói vậy, má không nói dối tao...

Lúc đó nó chợt nhìn thấy tôi, nó cầu cứu tôi.

– Frontenac, mày biết sự thực là như thế, chúng mình vừa bàn tới chuyện đó lúc ra chơi.

Campagne quay lại nhìn tôi, bằng con mắt độc ác của con mèo, tôi lắp bắp nói:

– Nó nói láo...

Bảy tuổi, tuổi của yếu đuối, của hèn nhát!

Ông Garouste tiến lại: đám đông tản mát ngay.

Ra tới ngoài đường, Jean de Blaye đuổi kịp tôi. Người làm của nhà nó ra vui vẻ đi cùng với u em của tôi.

– Mày biết đúng như vậy, nhưng mày sợ thằng Campagne, phải

không? Có phải vì mày sợ không?

Tôi phản đối và bảo nó tôi không có sợ. Không, tôi không biết có đúng thế hay không... Thật ra, điều đó cũng không quan hệ lắm, miễn là chúng tôi nhận được những đồ chơi mà chúng tôi muốn... Tuy nhiên tôi cũng có đôi chút nghi ngờ: tại sao Chúa Hải Đồng lại biết thằng Jean thích những thằng lính bằng chỉ và tôi thì thích đồ chơi một cái nông trại và gia súc?...

– Tại sao những đồ chơi lại từ Tiệm Vũ Trụ tới...

– Ai bảo mày thế?

– Năm ngoái, tao thấy những nhãn hiệu.

Jean de Blaye nhắc lại:

– Dù sao, một khi mẹ tao đã nói với tao như vậy...

Nhưng tôi đoán được nỗi hoang mang của nó...

Tôi nói:

– Mà nghe đây, nếu tụi mình muốn không ngủ tí nào, thì chỉ cần thắp một ngọn nến, cầm một cuốn sách, hoặc chúng mình có thể ngồi ở ghế, gần lò sưởi, để chắc chắn là mình sẽ tỉnh khi Người tới...

– Má bảo nếu mình không ngủ, Người sẽ không tới...

Ánh sáng của những cửa tiệm phản chiếu trên những vỉa hè ướt đầm sương. Những ngọn đèn khí thắp soi sáng những cái kệ màu hồng làm chúng tôi thấy thèm ăn

nhưng vì đó là thứ kẹo quá tồi để chúng tôi mua...

– Chúng ta có thể giả bộ ngủ...

– Phải, nhưng nếu là má, má sẽ không biết được. Jean de B.aye lập lại: – Nhưng không phải là má!

Chúng tôi đi tới góc đường, nơi chúng tôi sẽ chia tay cho tới hết ngày nghỉ, vì lẽ ngày hôm sau, Jean về quê. Tôi van xin nó đêm đó hãy thức. Riêng tôi, tôi quyết định mở mắt suốt đêm.

– Chúng ta sẽ kể cho nhau nghe những gì mình thấy...

Sau cùng nó miễn cưỡng hứa sẽ không ngủ, rồi nó chạy trên vỉa hè của một phố nhỏ. Mắt tôi nhìn theo nó trong vài giây, tôi thấy mái

tóc con gái, quần và dài nẩy trên vai nó cho tới khi hình bóng bé nhỏ của nó bị xóa mờ trong đám sương buổi chiều.

2

Nhà chúng tôi ở gần nhà thờ, buổi tối lễ Giáng sinh cái chuông to lớn của tháp Pey-Berland, âm ã rung động đêm tối. Cái giường của tôi trở thành cái giường ngủ trên tàu thủy và cơn bão tiếng động ru tôi ngủ. Ngọn đèn đêm leo lắt, làm căn phòng tràn ngập những bóng ma quen thuộc. Những bức màn cửa, cái bàn, quần áo tôi lộn xộn trên ghế không còn bao quanh tôi một cách đe dọa: tôi đã khắc phục những mảnh thú đó. Chúng bảo vệ

giấc ngủ của tôi, như súc vật trong rừng già bảo vệ thằng Mowgli².

Tôi không sợ sẽ ngủ quên đi, cái chuông khổng lồ giữ cho tôi thức. Những ngón tay tôi nắm chặt lấy những chấn song của cái giường khi mà tôi còn có cảm giác đâm mình, cả thể xác lẫn tâm hồn, vào trong trận bão không làm hại tôi. Mẹ tôi đầy cửa. Mắt tôi nhắm lại, nhưng tôi nhận được ra mẹ tôi qua tiếng lùa sột soạt. Tôi tự nhủ nếu là mẹ tôi để đồ chơi ở bên giường tôi, thì bây giờ chính là lúc, vì mẹ còn phải đi lễ nửa đêm. Tôi cố gắng thở như một đứa trẻ đang ngủ. Mẹ tôi cúi xuống và tôi cảm thấy hơi thở của người. Tình yêu cuốn trôi mọi quyết định của tôi, và tôi bỗng ôm

2 Tên một nhân vật nổi tiếng của R. Kipling.

choàng lấy cổ mẹ tôi và ghi chặt lấy. Mẹ tôi vừa hôn tôi vừa nói:

– Thằng điên, thằng điên.

– Nếu con không ngủ thì làm sao Chúa đến? Ngủ đi con ngủ đi cưng...

– Mẹ, con muốn gặp Chúa!

– Chúa muốn người ta thương yêu Chúa mà không gặp Chúa... Con biết là ở nhà thờ, khi Chúa hiện thì mọi người cúi đầu xuống...

– Mẹ này, mẹ đừng giận con nhé? Có một lần con không cúi đầu xuống, con nhìn và con thấy Chúa!

– Sao? Con thấy Chúa?

– Vâng! Nghĩa là... thấy một mẫu cánh nhỏ màu trắng.

– Đêm nay, con sẽ thấy Chúa trong khi ngủ. Con đừng thức cho tới khi bố mẹ về.

Mẹ tôi đóng cửa lại, bước chân của người đi xa dần. Tôi thắp một ngọn nến và quay về phía lò sưởi. Tôi thấy những đôi giày ở đó có vẻ to lớn bên cạnh cái ô vuông của cái lò sưởi, cái ô vuông màu đen trong đầy những bồ hóng và tro. Tiếng chuông theo ống khói của lò sưởi, tràn ngập phòng tôi, làm thành một khúc ca khủng khiếp, và trước khi tới chỗ tôi, nó đã lang thang trên khắp các mái nhà, trong cái khoảng không gian đầy sao, nơi mà, trong đêm tối thần linh và đầy đặc này, hàng ngàn các vì tinh tú và thiên thần lẫn lộn với nhau. Điều sẽ làm tôi ngạc nhiên, không phải

là sự xuất hiện của Chúa trên nền tối của cái lò sưởi, mà trái lại, là sao mãi không thấy xuất hiện. Và lại, đã có chuyện gì xảy ra: đôi giày của tôi hãy còn trống, đôi giày to lớn liên hệ với cuộc sống học sinh, bỗng có vẻ khác lạ, hư ảo; như thể chúng đã được đặt ở đó bên ngoài thời gian, như thể đôi giày của đứa trẻ bỗng được ánh sáng từ phương nào chiếu tới, Sự bí mật tới gần đến nỗi tôi thôi tắt ngọn nến để làm dân tộc vô hình khỏi hoảng hốt, dân tộc của đêm này trong những đêm tối. Nếu thời gian đối với tôi ngăn ngủi, có lẽ tôi đã nằm ra ngoài thời gian. Có người đụng vào cái chốt cửa, tôi nhắm mắt lại. Cứ như tiếng sột soạt của cái áo, tiếng giày chạm vào nhau, tôi chắc chắn đó là mẹ tôi. Đó là mẹ tôi và

đó không phải là mẹ tôi, mà là một người xa lạ đã xuất hiện dưới hình thức mẹ tôi. Trong cái lễ nửa đêm không thể tưởng tượng ra được, mà chưa bao giờ tôi dự, tôi biết là mẹ tôi, chung quanh có anh chị tôi, hẳn đã nhận bánh thánh, và họ trở về chỗ, như tôi vẫn thường thấy họ, đôi tay chấp lại, mắt nhắm nghiền đến nỗi tôi luôn tự hỏi làm sao họ có thể tìm thấy chỗ ngồi của họ. Dĩ nhiên đó là mẹ tôi, sau khi chần chờ ở chỗ lò sưởi, giờ đây tiến lại phía giường tôi. Nhưng Người sống trong mẹ tôi: tôi không phân cách được Người và mẹ tôi: hơi thở vào trong tóc tôi phát ra từ bộ ngực mà Thượng đế hãy còn ngự trị. Chính đúng lúc đó mẹ tôi bế tôi vào lòng và tôi ngủ thiếp đi.

3

Sáng ngày tựu trường, tôi đi đôi giày đã tham dự vào phép lạ và nó bây giờ chỉ là đôi giày có đóng đế sắt như chân con lừa con. Đôi giày lầy lội trong vũng nước ở sân trường, quanh cái cây tiêu huyền khẳng khiu, chờ đợi chuông điểm tám giờ. Trong tiếng trẻ ồn ào la hét, đuổi nhau tôi tìm mãi không thấy mái tóc con gái của Jean de Blaye. Tôi nôn nao muốn nói cho nó hay cái bí mật mà tôi đã khám phá ra... Cái bí mật nào? Tôi cố gắng tìm những chữ để nói cho nó hiểu.

Không sao tìm được mái tóc con gái của Jean de Blaye, Hay nó ồm?

Có thể trong một thời gian lâu tôi sẽ không biết những gì nó đã thấy trong đêm nó thức đó? Khi vào lớp, mắt tôi nhìn về chỗ nó vẫn ngồi: một đứa trẻ xa lạ ngồi đó, một đứa không có tóc dài, quần. Mới đầu tôi không nghĩ chính là nó. Tôi sẽ không nhận ra nếu đôi mắt xanh của nó không nhìn về phía tôi. Điều làm tôi ngạc nhiên nhất, đó là vẻ thoải mái, dễ chịu của nó. Tóc của nó không cắt cao bằng tóc lũ bạn. Người thợ cạo đã để tóc nó dài để tóc nó có thể chải sẽ ở bên trái.

Tới mười giờ, khi chúng tôi được thả ra chơi, tôi đi kiểm nó và thấy nó đứng thẳng như chàng tí hon David đứng trước tên khổng lồ Campagne, như thể là cùng với lúc nó mất mái tóc dài, nó mất luôn

sự yếu đuối chứ không phải là mất sức mạnh. Thằng Campagne, bối rối, đã không còn trêu chọc đứa bé đang ngồi đi patin. Tôi nhìn nó từ đằng xa, không dám tiến lại gần, buồn rầu một cách mơ hồ, nghĩ là tôi sẽ không còn thấy lại mái tóc của Tử tước Fauntleroy lóng lánh trong ánh mặt trời cũng như không còn thấy nó nhảy trên vai của Jean de Blaye! Sau cùng tôi quyết định hỏi nó:

– Sao, mày có giữ lời không?
Mày thức chứ?

Nó lẩm nhẩm nói, đầu không ngừng lên:

– Mày nghĩ là tao tin như vậy à... là tao ngây ngô như thế ư?

Khi tôi nhắc lại:

– Nhưng mà quên rồi à... mới cách đây mười lăm ngày.

Nó cúi xuống hơn nữa để sửa sang đôi patin, và nói cho tôi hay là nó đã làm bộ tin chuyện ngớ ngẩn đó, là nó đã trêu chúng tôi.

– Tám tuổi rồi, ta đâu còn trẻ con nữa.

Tôi không thể không đặt câu hỏi nóng hổi:

– Sao? Thế mẹ mà nói dối mà à?

Nó đã quỳ một gối xuống đất để nịt chặt cái dây giày. Đôi tai bật ra phía sau của nó ửng đỏ. Tôi lại gạn hỏi:

– Này de Blaye? Má mày... sao?
Má mày nói đùa à?

Nó đứng phắt dậy và nhìn thẳng vào tôi. Bây giờ tôi hãy còn nhớ khuôn mặt tức tối, đỏ gay của nó, đôi môi mím lại. Tay nó đưa lên đầu như thể nó tìm mái tóc quăn đã biến mất và nó nhếch một vai lên:

– Mẹ tao sẽ không bao giờ nói dối tao như vậy nữa.

Tôi bỗng nhiệt thành trả lời nó là các bà mẹ không bao giờ nói dối con, rằng tất cả chuyện đó là có thật, rằng tôi có trông thấy...

Nó ngắt lời tôi:

– Mày đã thấy, có thật mày đã thấy? Vậy tao cũng đã thấy!

Nói xong nó trượt đôi patin trên sân, trong tiếng cười rộ lên, và cho đến hết giờ chơi, nó không ngừng trượt quanh cây tiêu huyền. Tôi hiểu là nó muốn tránh tôi. Kể từ ngày đó, chúng tôi không còn thân với nhau nữa. Năm sau, gia đình nó dời Bordeaux và tôi không hay tin tức gì về nó.

*

4

Có một lần, khi tôi còn trẻ, tôi đã không cùng gia đình qua lễ Giáng sinh ở tỉnh. Một lần duy nhất, lần đó có lẽ vài năm trước khi xảy ra cuộc chiến, tôi đã la cà vào những quán rượu. Tôi quên tên những

quán này, nhưng nhớ tới nỗi buồn ghê gớm của tôi, và trong cái không khí “những hộp đêm”, tôi nhớ tới cái chuông khổng lồ ở tháp Pey-Berland rống lên trong tôi, mạnh mẽ hơn là khi nó rống trên những mái nhà nơi sinh quán của tôi. Giọng khùng khiếp của nó, bao phủ những tiếng vĩ cầm của dân du mục: đó là một trong những giây lát trong đời tôi mà tôi tin chắc, cảm thấy sự bội phản. Những bạn của tôi không bội phản tôi, vì họ không có chọn lựa. Có thể là có vài người đã có một thời thơ ấu tương tự như tôi, nhưng họ đã quên mất. Tôi là người duy nhất, trong cái mùi nồng nặc thức ăn này, trong cái ồn ào của những điệp khúc ngây ngô này, đã tưởng tượng, trong bóng tối của căn phòng, cho cái hòn đảo

nhỏ này cái ánh sáng của hang đá; người duy nhất nhớ lại bài thánh ca cổ xưa đã ca tụng sự hạ mình, sự chịu nhục không thể tưởng được của Thượng Đế. Mặc dầu tôi hãy còn trai trẻ, những ngọn nến này leo lắt cháy trong sự xa vời của một quá khứ xa xôi mà tôi nghĩ là đã cả ngàn năm nay. Vậy mà, tôi còn cảm thấy sự đốt cháy của nó. Không, tôi không có một lý do nào để hòa mình với bọn quen ăn đêm này, tôi là người đã có tâm hồn. Tôi đã kéo lê ở đâu, tôi đã dám kéo lê ở đâu trong đêm linh thiêng này, cái tuổi thơ ấu của tôi, cái tuổi thơ không bao giờ đời tôi?

Tôi uống rượu để quên ý thức tội lỗi đó. Tôi càng uống tôi càng thấy xa các bạn tôi. Nhưng họ làm

tôi khó chịu với những tiếng cười của họ. Tôi dời bàn và đi về phía quầy rượu, tới một nơi có ánh đèn dịu hơn. Tôi tỳ tay vào đó và người ta rót cho tôi một ly ۇýt-ki. Đúng lúc đó, khi tôi nghĩ tới thằng bé tên là Jean de Blaye, tôi thấy chính Jean de Blaye đang ngồi trên chiếc ghế đầu cao, bên cạnh tôi. Đó không phải là một sự mê sảng: tôi không nghi ngờ gì nữa. Cũng con mắt màu xanh mà tôi nhìn thấy loé sáng trong tôi, đã soi sáng sự tàn lụi của khuôn mặt trẻ mà tay tôi có thể chạm tới. Tôi nói:

– Đáng lẽ người ta không nên cắt mớ tóc quăn của cậu?

– Mớ tóc nào?

– Mớ tóc quăn mà họ cắt mất trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh năm 1898.

– Dĩ nhiên là anh nhầm tôi với người khác! Nhưng điều đó không quan hệ... Chiều nay tôi cảm thấy hơi lạc lõng.

– Vậy mà tôi biết cậu là Jean de Blaye.

– Làm sao anh biết được họ của tôi?

Tôi thở dài, tôi cảm thấy như trút được gánh nặng: đúng nó, đúng là nó. Tôi cầm lấy tay nó.

– Jean, cậu còn nhớ cây tiêu huyền không?

Nó cười:

– Cây tiêu huyền? Cây tiêu nào? Và lại tên tôi đâu phải là Jean mà là Philippe. Anh cả của tôi tên là Jean... Có lẽ anh nhầm tôi với nó.

Đau đớn thay! Đó chỉ là đứa em nhỏ mà trước Jean vẫn thường nói với tôi. Làm sao tôi lại có thể nhầm như thế được? Vẻ mặt Philippe buồn tẻ và hẫng bỗng nói với tôi:

– Mái tóc quăn... mái tóc quăn của Jean. Làm tôi nhớ lại câu chuyện này.

Trong phòng của mẹ, trên tủ quần áo, có một cái hộp bằng bạc, có khóa, Jean cam đoan với Philippe hộp đó chứa đựng một kho tàng. Cả hai đều mơ tưởng tới đó nhưng bà mẹ lại không cho hai anh em biết đựng gì trong đó và bà còn

cắm hai đũa mở. Jean và bà mẹ không ngót xung đột, chống đối nhau. Philippe nói:

– Mẹ tôi yêu anh ấy hơn tôi. Và thực ra tôi biết mẹ tôi chỉ yêu anh ấy. Nhưng có cái gì ngăn cách hai người, tôi không biết cái gì... Một hôm Jean đã cạy khóa cái hộp đó. Đó là lần đầu tiên anh ấy cạy khóa, và bất hạnh thay đó không phải là lần cuối cùng. Cái kho tàng đó chỉ là mái tóc quăn của Jean, anh có thể tin được thế không? Trông nó như tóc của người chết... Anh biết Jean đã ra sao trong hoàn cảnh đó. Anh ta đã không ngót tức điên là khi thấy ngọn lửa ở lò sưởi đốt cháy mái tóc quăn của mình. Buổi tối, mẹ chúng tôi... Nhưng không

hiều sao tôi lại đem chuyện đó kể cho anh nghe...

Philippe lại uống rượu. Tôi nghĩ “hắn dùng thời quá khứ khi nói về anh hắn, ai lại dùng thời quá khứ cho một người còn sống.” Và tôi biết trước câu trả lời cho câu hỏi tôi đặt ra một cách bàng quan:

– Jean chết rồi?

– Năm ngoái, tại nhà thương ở Sài Gòn... Có đăng cáo phó trên báo nhưng không gửi tin buồn đến cho ai hết. Anh nghĩ xem, sau tất cả những chuyện đó! Sau cuộc sống như vậy của anh ta!...

Tôi có thể hỏi “Cuộc sống như thế nào?” Nhưng tôi lại nói:

– Phải, phải tôi biết.

Và quả như rằng cuộc sống của hẳn đã chấm dứt như cuộc đời của một kẻ du đãng, một đứa trẻ lạc hướng.

Tôi nhớ là tôi đã đi bộ trở về gác trọ sinh viên của tôi. Những cành cây tiêu huyền che những cái lưới sắt của gác trọ, bao phủ con đường trải nhựa, và chìm đắm trong sương ban mai. Lúc đó hẳn còn nhiều người lê gót trên hè phố.

Cách biệt hẳn những ồn ào hỗn độn của đêm Giáng sinh, mắt tôi nhìn ra phía bên ngoài những mái nhà, tới những khoảng đầy sao sáng, tìm những vị thiên thần mà cái chuông to lớn của tháp Pey-Berland đã đánh thức. Có những cơn say tỉnh táo. Cùng một lúc tôi cảm thấy bị lôi cuốn không phải vì

những kỷ niệm của tuổi thơ, mà vì chính cái tuổi thơ ấu của tôi, sống động và hiện hữu trong tôi, tôi sắp xếp lại một cách dễ dàng kỳ lạ chuyện của Jean de Blaye. Nếu tôi đã sinh ra là thi sĩ, thì đêm đó tôi trở thành nhà văn, hay ít nhất tôi cũng ý thức được cái khiêu đó, cái sức mạnh đó. Tôi vội vã đi, bước chân vội vàng, bị sức mạnh của sự sáng tạo của tôi lôi cuốn. Tôi nắm được khúc đầu và khúc cuối của một định mạng: một đứa con trai nhỏ với mái tóc con gái mang trong tâm hồn một cuộc sống man dại, một sức mạnh của sự đam mê tập trung tất cả vào người mẹ, rồi thì, người đàn ông hầu như trẻ con đó, đã hấp hối một mình trên giường bệnh trong một nhà thương ở Sài Gòn.

Tôi nhớ lại đứa học trò đã coi lời nói của mẹ mình có một giá trị thần linh. Tôi thấy cái nhìn của nó khi nó hiểu là mẹ nó cũng dám nói dối. Tôi nghĩ tới mái tóc mà nó đã giữ chỉ vì lòng hiếu thảo. Tôi đây chấm dứt phần mở đầu câu chuyện của tôi và sẽ đưa vào phần chính yếu.

Gã đàn ông trẻ và người mẹ của gã đã chống đối lẫn nhau, quang cảnh cái hộp nhỏ là tâm điểm: Jean de Blaye đã căm ghét cái tính tình người đã sinh ra nó, cái tính ngoan cố, bắt nó phải sống như đứa bé trong khi nó không còn bé nữa, cái tính bắt nó phải là tù nhân của tuổi thơ ấu của nó, để giữ chặt lấy nó, để ngự trị nó một cách chắc chắn hơn. Khi đứa trẻ mới lớn lên bắt

đầu thành đàn ông thì cuộc xung đột trở thành bi thảm: tình bạn đầu tiên, tình yêu đầu tiên, những lúc xin tiền, trọng tội đầu tiên!

Tôi đã tới trước cửa nhà. Ánh sáng ban ngày làm trắng xóa cái lan can của tôi. Chuông nhà thờ rung lên cho biết rạng đông đã chấm dứt. Mặc dầu hết sức buồn ngủ, tôi để nguyên quần áo ngồi vào bàn, hoa vẫn còn cài trên áo, và tôi cầm bút, lấy một tờ giấy trắng ra ghi vì tôi sợ sẽ quên những ý tưởng đã tới với tôi.

Một nhà văn vừa ra đời, và mở mắt nhìn cái thế giới u buồn này.

FRANÇOIS MAURIAC

NHÃ ĐIỂN dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH

**KHUÔN MẶT
CỦA CHÚNG TA**

thơ THẾ VIÊN

SÁNG TẠO xuất bản

Raymond Escholiet

Con chó sói và con cừu

ô gái ngồi cạnh lò sưởi, nhìn những ngọn lửa mảnh dẻ, leo lắt và không đều, tấn công khúc củi to lớn, theo nhịp của điệu nhạc réo rắt. Vỏ cây sần sùi bắt cháy thành than hồng rồi rớt xuống đám tro mềm mại.

Cô bé bỗng lắng tai nghe... Có tiếng người đi ở phía dưới và tiếng chân lên thang gác. Cô bé

ngạc nhiên, nhưng không lo ngại, vì biết trong đêm Giáng sinh, biết bao nhiêu chuyện bí mật xảy ra.

Hai bậc thang cuối cùng cột kết như thường lệ và cánh cửa từ từ mở: một người trai trẻ, cao lớn nhưng mảnh mai xuất hiện, gã đứng đó, trong cái khung cửa màu đen.

Cô bé kêu lên:

– Hãy rũ áo đã, trước khi bước vào. Tuyết trên người Ông sẽ làm bẩn nhà bếp; dì Mion mới lau sáng nay.

Gã lắc mình và không nói gì.

Cô bé nói tiếp:

– Ông còn đợi gì nữa? Muốn

lạnh giá đến cùng với ông chẳng?
Hãy bước vào và đóng cửa lại. Ông
đã đóng cửa chuồng gia súc ở dưới
nhà chưa?

Gã nhún vai.

Cô bé nói như tạ lỗi:

– Không phải tôi ra lệnh cho
ông đâu; nhưng súc vật có thể bị
đau. Phải cho chúng yên ổn, trong
đêm Giáng sinh.

Gã đàn ông bực tức hỏi lại:

– Vậy, đêm nay là đêm Giáng
sinh à?

– Phải! Chẳng lẽ ông quên ư?

– Không.

– Thế sao!

– “Thế sao” cái gì? Gã bực tức nói. Đối với những người như cô, chân đi tất ấm, bụng no đầy thì mới thấy vui vẻ vào dịp lễ, còn như bọn khốn khổ như tôi, lang thang, đói rét...!

Cô bé, ngượng nghịu như đã phạm một điều vô lễ, trả lời:

– Đúng vậy, nhất là khi mùa đông... xa nhà... Ông hãy lại gần lửa cho ấm.

Gã từ từ tiến tới, mắt lo lắng nhìn hai bên.

– Có bao nhiêu mạng sống trong cái trại lạc lõng trong góc rừng này.

– Ở đây có hai đôi bò, đàn cừu do ông tôi chăn, ba con bò cái...

– Ngốc! Tôi hỏi người chứ không hỏi súc vật.

– Tôi biết, nhưng tôi nghĩ một người khôn ngoan như ông hẳn phải biết là muốn chặn dắt số súc vật đó phải có nhiều người: hai người đàn ông, một người chặn bò, không kể tới...

Gã ngắt lời:

– Thôi đủ rồi! Thế họ đâu cả, những người ở trong nhà này.

– Bây giờ họ không có ở đây... Họ đi cả rồi; lẽ nửa đêm, ông biết chứ; họ phải đi hơn một giờ mới tới nhà thờ.

– Họ để cô ở nhà một mình à?

– Không hẳn thế!

Gã vội đưa mắt nhìn những xó tối trong căn nhà:

– Nói rõ ra, quý ạ!

– Ông tôi ngủ ở chỗ kia, trong phòng. Ông có thể nghe được tiếng ngáy của ông tôi, nghe như tiếng cối xay bắp.

Cô bé cười và hỏi:

– Ông không ngồi xuống ư?

– Có, nhưng hãy trả lời câu hỏi của tôi trước đã, cô bé...

– Nếu có chuyện xảy ra... (gã ngập ngừng, tìm chữ), nếu có tiếng người gọi, ông già sẽ tới – phải không?

– Ông muốn ai không tới?... Vả lại, ông biết không, ông tôi điếc.

Gã đàn ông ngạo nghễ cười và nhắc lại.

– Điếc, điếc. Không nên quá trông cậy vào người điếc.

– Ông tôi điếc đặc. Ông tôi không nghe được cả tiếng sấm. Vì vậy mà tôi được lệnh ở cạnh ông, sợ cháy nhà.

– Sợ cả trộm cắp phải không?

–Ồ không, đêm Giáng sinh làm gì có trộm.

Gã yên lòng ngồi xuống ghế mà cô gái đưa ra và quan sát bé.

Cô bé có mái tóc bạch kim, mượt, mà những sợi tóc vàng lóe sáng lên hay tắt đi tùy theo ánh sáng chiếu vào mỗi khi cô đung đậy cái

đầu. Đôi mắt cô mở to, làm như cô lúc nào cũng có vẻ ngạc nhiên, đôi mắt màu xanh, màu những bông hoa mà cây diếp đại đặt ngay trên cỏ và làm ta nghĩ tới những ngôi sao rớt xuống. Cô bé cũng nhìn gã đàn ông và mỉm cười.

Gã hỏi:

- Em bao nhiêu tuổi?
- Mười hai... nghĩa là sắp được mười ba tuổi.
- Thế đủ rồi! Này chó cũng đi lễ nửa đêm à?

Tiếng cô bé cười trong như ngọc.

- Không thấy con chó nào sủa khi tôi mở cửa ở dưới nhà.

– Con Picard cũng giống như ông tôi, cũng điếc thễ.

– Nhưng nó hãy còn biết cắn chân trộm cắp khi ta ra lệnh cho nó phải không?

– Có thể lắm...

Cô bé lại cười, khuôn mặt ửng đỏ vì hơi lửa, cô ngược lên phía gã đàn ông. Gã thì thầm nói:

– Như vậy chỉ còn có hai đứa mình vào giờ này.

Quần áo của gã ẩm ướt, và vúi chẳng chịt, bốc hơi khi ở gần lò sưởi. Giày gã buộc bằng sợi dây nhỏ, tạo ra hai vũng nước nhỏ trên nền gạch đỏ.

– Không bao giờ ta lại lẻ loi trong đêm Giáng sinh cả.

–Ồ, cô tin vậy, con gà mới nở tuần trước.

Cô bé nói, ngón tay đặt trên môi:

– Yên!

Gã nhú mày, chăm chú lắng tai và nghe thấy hàng ngàn tiếng động trong sự yên lặng, tiếng sột soạt, tiếng gió rít mờ mờ; trên mái nhà, ngói động đập từng lúc.

Gã có một điệu vô tư...

– Mèo, chuột, gió nhưng... rất cục lại, đối với cô, đó có thể có nghĩa khác? Con gái thường lắm mưu mẹo. Tôi biết có những cô gái có thể làm cho người đàn ông bị treo cổ!

Cô bé thì thầm, không để ý đến câu nói của gã đàn ông.

– Tôi biết rồi, đó là những linh hồn... linh hồn đi suốt đêm nay, bay lượn như chim. Linh hồn tới viếng thăm những người thân yêu.

– Linh hồn thì giúp cho cô được cái gì? Cô hãy còn quá trẻ để có người thân thích đã sang thế giới bên kia.

– Má tôi chết từ hồi tôi còn nhỏ xíu.

Cô bé cúi đầu làm dấu.

Gã đàn ông nói:

– Má tôi cũng đã chết hồi tôi lên tám. Kể từ đó cuộc đời tôi cực khổ hơn con lừa kéo cối xay... Một

con mụ khốn kiếp đã tới nhà – năm mười hai tuổi, tuổi của cô đó - tôi bỏ nhà ra đi... rồi thì... rồi thì... có thể thôi.

Cô bé thì thầm, lòng đầy thương cảm:

– Tôi nghiệp cho ông quá.

Và đôi tay ấm áp của cô nắm lấy bàn tay cứng cõi và bàn tay đó giăng ra.

Phòng bếp ngoài tầm ánh sáng của lò sưởi, chìm trong bóng tối.

Gã hỏi:

– Em không sợ à?

– Ô, không. Đêm nay là đêm Giáng sinh,... vả lại có ông đây, cao lớn, mạnh mẽ, đáng điệu cả quyết.

– Vậy ra... chỉ mới thấy ta mà em đã tin tưởng nơi ta?... Điều đó làm ta thích thú vì lẽ thường thường là người ta làm ta phải trốn chạy, bằng cách xua chó đuổi theo ta ; nhưng...

Gã có một đáng điệu thách thức.

– ... ta biết, khi cần, làm cho chó phải yên lặng... và cả người nữa...

– Ông có những bí quyết à... Tôi cũng có một bí quyết để...

– Để làm gì?

– Để chữa nấc, và dì Mion có bí quyết chữa phỏng.

– Em nói với dì em đến chữa phỏng cho ta khi ta xuống địa ngục.

Một làn khói, từ ống khói lửa

ra, thổi vào mắt họ, làm họ không còn thấy gì. Gã đàn ông đứng dậy. Cô bé tưởng gã ra đi.

– Ông đâu có thể ra về như vậy khi chưa ăn uống gì?

Gã ngồi xuống bàn, ánh sáng mờ nhạt của một ngọn đèn nhỏ chiếu vào người gã.

– Ông thích sữa không?

– Khi nào bò ăn nho, ta sẽ uống sữa!

Cô bé hồn nhiên cười và mang ra một chai rượu.

– Rượu vang nhà làm đó... Rượu chân thật.

Gã ngồi dính chặt vào ghế, và cố tình kéo cái bánh mì tròn, to

lớn đặt trên bàn, có khăn trắng bọc chung quanh, nhưng cô bé vội ngăn lại.

– Đừng đụng vào đó. Để tôi lấy cái khác cho ông ăn.

– Phải chăng bánh này quá ngon và ta không đáng được ăn?

– Ở nhà chỉ có một thứ bánh do dì Mion làm ; nhưng mẫu bánh này đêm nay người ta để...

– Cho ai?

- Cho Người, nếu Người qua đây và đói,

Gã đàn ông lập lại một cách bức bối và hùng hổ:

– Người. Trong khi có kẻ đang chết đói.

Và gã lằm nhằm trong miệng những gì không rõ nhưng cô bé thấy như thế là phạm thượng.

Cô bé cúi đầu và nói:

– Khi thấy cái bánh nguyên được cắt ra như thế là dấu hiệu Người đã tới... Nếu...

Vẻ sùng tin phảng phất trên khuôn mặt cô bé.

Gã đàn ông nói:

– Tội cho con bé. Miễn cô đừng nghĩ ta là kẻ đó, ta, kẻ...

Cô bé tươi cười và la lên:

– Dĩ nhiên là không. Dì Mion khi trở về, có thể tin như vậy vì dì không thấy ông; nhưng tôi!

Cô bé lắc mái tóc bạch kim, đôi chút tinh quái thoáng trong đôi mắt xanh của cô.

– Có thể cô là đứa tinh quái! Nhưng thôi, ta nói ít, ta nói khôn. Nếu mẫu bánh đó để phần cho người nào đó, thì mẫu bánh đó đúng là để cho ta.

– Ông nói đúng!

Và cô bé lệ làng bỏ cái khăn trắng ra và đẩy cái bánh mì hình vuông to lớn lại phía gã đàn ông.

Những giờ rạn vỡ từ cái đồng hồ treo trên cái giá gỗ rớt xuống.

Cô bé nói:

– Nửa đêm, Chúa Hàì Đồng ra đời, ngày trước ngày lễ Giáng sinh

đã hết. Tôi có thể đưa dăm-bông cho ông.

Gã vội vã ăn, tay cầm con dao. Khi gã uống, gã kêu lên:

– Rượu của cô tồi quá. Nước mặn phải không?

Cô bé bực bội kêu:

– Đâu có.

– Chà! Dăm-bông của cô ngon lắm.

Ngón tay của gã búng trên đầu cô bé tỏ vẻ khâm phục.

– Tên cô bé là gì?

– Noëllie.

– Thế ra hôm nay cũng là ngày lễ của cô.

– Còn ông, tên ông là gì?

– Jean.

– Gì nữa?

– Họ hỏi, ta có nhiều lắm: Brame la-faim vatenvoir hay là Bonsoir la Compagnie...

– Ông ngạo tôi... Ông cho là tôi ngu.

– Không thế. Ta thấy em... vô tội.

– Tôi nghĩ ông không phải là người trong vùng này. Giọng ông «nặng».

Cô bé biến mất trong bóng tối của căn bếp trong một lát và gã đàn ông lo ngại.

– Cô bé lén làm gì vậy?

Cô gái xuất hiện, mang theo một trái cây to lớn cái vỏ hơi nhẵn nhúm và tỏa mùi thơm của mùa thu.

– Cây nhà lá vườn.

– Các người ở đây cái gì cũng có! Ở đây ngay đến súc vật ngày nào cũng có ăn.

– Điều đó làm ông tức tối?

– Phải.

Cô gái bỗng thấy khuôn mặt gã đàn ông căng thẳng, nhăn nhó.

– Trời, có thể là có những người nghèo đến nỗi không có bánh mà ăn; nhưng bao giờ chả có khoai tây.

– Cầm mồm, đồ...

Gã đâm mạnh xuống bàn làm ly và chai va chạm vào nhau. Cô gái giáng hòa:

– Thôi mà. Đừng bức dọc như vậy trong đêm Giáng sinh. Ông hãy trở lại đây mùa hè này, chú Irenée sẽ có việc làm cho ông.

Gã ngạo nghễ cười, góc môi nhếch lên.

– Con cừu non dạy ta hả. Ta biết tính các người, bọn nông dân. Ta đã thử rồi. Công việc làm cho lừa cũng phải gục mà ăn chỉ có một đĩa súp! Một kẻ xa lạ, một kẻ qua đường nói giọng “nặng” như lời cô nói, thì có thể bị sỉ nhục đến thế nào. Công việc xong xuôi, thôi từ

biệt; xéo đi cho rảnh mắt; vì người ta xây nhà thương không phải để chữa trị cho chó!

Chưa ai lại nói nặng với cô bé như vậy. Cô buồn lòng và bênh vực những người thân của mình.

– Những người làm công ở nhà tôi cũng ăn cơm một bàn với chúng tôi.

Rồi cô nhũn nhặn nói thêm:

– Quả như vậy, nhưng phải làm việc, không phải tự nhiên mà ruộng đất cho ta hoa màu!

Gã đàn ông đứng dậy và lại gần lò sưởi. Cô bé đi theo, rồi lại chỗ ghế thấp ngồi. Tiếng ngáy của ông già từ phòng bên vang tới. Cô bé không nói năng gì.

Gã hỏi:

- Nghĩ gì vậy.
- Chẳng nghĩ gì cả... Thấy “gờ gờ”.
- Buồn ngủ hả?
- Phải, nhưng chưa thể ngủ được khi họ chưa trở về.

Gã đàn ông đứng dậy, để cái ghế cao bên cạnh ghế cô gái, nói giọng khàn khàn:

- Lại đây.
- Vâng, như thế tôi sẽ thấy dễ chịu hơn.

Cô bé xích lại; gã lấy tay nắm đôi cổ tay mảnh mai của cô gái ; mười ngón tay sém nắng lơ lửng

như chùm nho chín mọng.

Gã háo hức nhìn cô gái, hơi thở ngắn ngủi! Cô bé ngược mắt nhìn gã trong một lát; gã quay đi, nhưng cô bé không thể không trông thấy hàm răng gã, giữa đôi môi nhếch lên một cách hung hãn.

Một tiếng cọt kẹt làm gã giật mình. Cô bé thì thầm “Linh hồn đó” rồi, mái đầu bạch kim bỗng lặn trên vai gã đàn ông. Cô bé đã ngủ.

Cô gái say ngủ giấc ngủ của trẻ con, thoải mái, lạc lõng, nập mình vậy mà rất sống động. Gã hít hương vị tươi mát, thảo mộc của hơi thở cô bé, hương vị cỏ sau cơn mưa; mái tóc óng mượt khẽ chạm vào má hắn.

Thời gian trôi và gã không dám cử động. Nếu cô gái tỉnh dậy, gã có cảm giác u tối đó là một sự mất mát không thể hàn gắn được, mất mát một cái gì mà gã hết sức mong muốn có, cái mà do sự tình cờ, lần đầu trong đời, đã tới với gã.

Đứa bé hơi đụng dậy. Cánh tay gã giữ cô gái lại, có lẽ quá mạnh bạo, vì cô bé nói trong hơi thở, như van nài:

– Jean...

Tên gã được gọi một cách dịu dàng như thế từ bao giờ vậy?

Từ khi mẹ tôi đã chết, chắc thế.

Gã cứng người lại. Tại sao những linh hồn không giảng cô gái

ra khỏi tay gã, khi cô gái đã gọi ra linh hồn?

Gã muốn đánh thức cô gái dậy.
Gã thì thầm vào tai cô gái:

– Noëllie...

Nhưng cô gái vẫn ngủ, không nghe thấy gì. Gã nhắc đầu cô gái lên và cái đầu lại rớt xuống như bị chặt... “Noëllie”.

Lần này cô gái chớp mắt, và con mắt xanh ngạc nhiên chăm chú nhìn khuôn mặt xao động đang cúi xuống phía cô gái.

Gã đàn ông nói:

– A, cô bé dậy rồi. Suýt nữa cô trải qua một ngày lễ kỳ cục... Ta đi đây.

Gã vội vã gỡ ra khỏi cô bé.

– Nhưng tại sao?... Tại sao lại đi sớm vậy?

Bây giờ cô gái đã đứng dậy và định cầm lấy tay gã để giữ lại.

Rồi gã nắm lấy vai cô gái, lắc cô và, hung dữ hét vào mặt cô:

– Ta phải đi?

Gã đóng cửa đánh sầm lại; nhưng cô gái chạy tới, mở cửa ra, nghiêng người xuống, và giọng gã đàn ông vang lên tới chỗ cô gái, qua lỗ thang gác tối đen.

– Giã từ cô bé! Cô sẽ không bao giờ biết được là có một phép lạ

như thế nào đã tới với cô, vào đêm
lễ Giáng sinh này.

RAYMOND ESCHOLIER

NHÃ ĐIỂN dịch

Tìm đọc:

NHÌN MẶT SỐ 3

tạp chí khơi dựng văn học mới

ĐẶNG HÒA chủ trương

TRẦN HOÀI THƯ, TRẦN THỨC VŨ
biên tập

5 truyện Giáng sinh quốc tế chọn lọc

Frits Vincken

Cuộc hưu chiến kỳ diệu

Khi có người đập cửa vào
đêm lễ Giáng sinh năm
1944 thì má tôi và tôi lúc ấy không
trông đợi ở phép lạ sắp xảy ra một
cách im lìm dưới mái nhà chúng
tôi.

Hồi đó tôi mới mười hai tuổi,

chúng tôi ở một căn nhà nhỏ gần biên thù nước Bỉ. Trước khi chiến tranh bùng nổ, ba tôi cuối mỗi tuần vẫn dùng nơi này để nghỉ ngơi sau những cuộc săn bắn. Ba tôi di tản má tôi và tôi đến đây khi quân Đồng minh đã oanh kích phá hủy thành phố Aix-la-Chapelle, nơi chúng tôi cư ngụ. Chính ba tôi cũng bị động viên vào tổ chức phòng thủ thụ động ở Monschau, một địa điểm biên thù cách nơi chúng tôi tản cư sáu cây số.

– Má con mày có thể yên ổn ở khu rừng này, ba tôi nói. Ráng săn sóc má mày. Mày bây giờ là người lớn trong gia đình rồi đấy.

Nhưng từ hơn một tuần lễ nay, thống chế Rundstedt đã mở

một trận phản công cuối cùng của Đức quốc xã – một trận phản công tuyệt vọng – và trận phản công Ardennes bùng nổ dữ dội khắp vùng lân cận. Chúng tôi nghe tiếng đại bác nổ suốt đêm ngày; phi cơ quần trên bầu trời, và đêm đến đèn pha quét bóng tối. Ở rất gần nhà chúng tôi, binh sĩ Đức và Đồng minh đang chiến đấu và chết có hàng ngàn.

Vừa nghe tiếng đập cửa là má tôi tắt ngay ngọn đèn cây, rồi thấy tôi đi ra cửa, bà liền bước ra trước tôi mở cửa. Bên ngoài, giống như những bóng ma in trên rừng cây phủ tuyết, xuất hiện hai binh sĩ đội nón sắt. Một trong hai người nói với má tôi bằng một thứ tiếng mà chúng tôi không hiểu, tay chỉ vào người thứ ba nằm trên tuyết. Má

tôi biết trước tôi đây là mấy binh sĩ Mỹ... những kẻ thù của chúng tôi.

Lặng thinh và không làm một cử động nào, một tay đặt trên vai tôi, bà do dự giây lát. Những binh sĩ này đều mang vũ khí và có thể xông vào nhà bằng vũ lực. Nhưng họ không nhúc nhích và ngó chúng tôi như có ý dò hỏi. Về phần người lính bị thương, tình trạng có vẻ thập tử nhất sinh.

– Kommt’ rein (mời vô), sau cùng má tôi nói.

Họ vào nhà, khiêng người bị thương đặt nằm trên giường tôi.

Không có người nào trong bọn biết tiếng Đức. Má tôi cố gắng dùng tiếng Pháp thì có một người nói

chuyện được một cách vất vả với má tôi bằng ngôn ngữ này. Vừa săn sóc người bị thương, má tôi vừa biểu tôi:

– Ngón chân họ lạnh cứng cả rồi. Con giúp họ cởi áo khoác ngoài và giày cho họ rồi mang một xô đầy tuyết vào đây.

Một lát sau, tôi chà xát những bàn chân thâm tím vì lạnh của họ.

Chẳng bao lâu chúng tôi được biết tên gã tóc nâu, người mập mập tên là Jim và bạn y có vóc dáng lớn nhưng mảnh khảnh tên Robin. Harry, người lính bị thương, bây giờ đang ngủ trên giường tôi, mặt trắng còn hơn tuyết phủ trên mặt đất kia. Cả ba binh sĩ này lạc mất tiểu đoàn, đi lang thang từ ba ngày

nay trong rừng, vừa cố gắng tìm những đơn vị Mỹ vừa phải lẩn trốn quân Đức. Râu không cạo, nhưng khi bỏ áo khoác ngoài nặng nề ra, trông họ vẫn giống như những chàng thanh niên, và má tôi cũng đổi xử theo số tuổi tác của họ.

– Mau đi bắt con Hermann đi, bà bảo tôi, và mang sáu củ khoai ra đây cho má.

Thế là chuyện xảy ra đã thay đổi chương trình ăn mừng lễ Nửa Đêm của chúng tôi. Hermann (được đặt tên theo thống chế Hermann Goering, người mà má tôi chẳng ưa chút nào) là một chú gà trống khá mập mạp chúng tôi đã nuôi vỗ về từ nhiều tuần nay với hy vọng ba tôi sẽ về cùng vui đêm Giáng sinh

với chúng tôi. Hy vọng này đã tiêu tan vài giờ trước đây, mà tôi thỏa thuận cho chú gà được gia hạn sống thêm ít bữa, đợi dịp ba tôi trở về nhà vào dịp Tết. Nhưng bà lại vừa thay đổi ý kiến một lần nữa: Hermann sắp được khản cấp triệu đến để thủ vai trò của nó.

Trong khi Jim và tôi giúp má tôi làm bữa thì Robin săn sóc vết thương cho Harry. Đùi anh này bị một viên đạn xuyên qua, làm chảy nhiều máu. Má tôi cắt tấm ra trải giường thành từng dải để băng bó vết thương.

Chẳng bao lâu mùi vị hấp dẫn của món gà rô-ti lan tràn cả căn phòng. Khi tôi đang dọn bàn ăn thì có người gõ cửa nữa. Tưởng rằng

lại là mấy anh lính Mỹ đi lạc, tôi không do dự mở cửa ngay và trông thấy bốn binh sĩ mặc những bộ đồng phục mà tôi rất quen mắt từ năm năm trời chinh chiến đến nay: đó là những binh sĩ Wehrmacht, binh sĩ của chúng tôi.

Nỗi kinh sợ làm tôi đứng như trời trồng. Tôi chỉ là một đứa nhỏ nhưng tôi hiểu luật lệ khắc nghiệt của thời chiến: chứa chấp binh lính địch là phạm tội phản nghịch nặng nề nhất và chúng tôi có thể bị xử bắn. Má tôi cũng phát sợ. Bà bỗng tái mặt đi. Dầu vậy bà vẫn bước ra và bình tĩnh nói với những người mới tới:

– Fröhliche Weihnachten!
(tiếng Đức: Giáng sinh vui vẻ!)

Họ chúc lại má tôi một lễ Giáng sinh vui vẻ.

– Chúng tôi lạc mất tiểu đoàn, viên hạ sĩ giải thích. Bà có thể cho chúng tôi nghỉ ở đây đến sáng mai không?

– Chắc chắn là được rồi, má tôi trả lời với một vẻ bình tĩnh do hoảng sợ quá đâm ra bạo dạn. Tôi có thể đãi các anh một bữa. Các anh muốn ăn gì cũng được.

Những binh sĩ Đức vừa mỉm cười vừa hít mùi gà rô-ti xông ra qua cánh cửa mở hé.

– Nhưng này tôi báo cho các anh biết trước, má tôi nói bằng giọng rất cương quyết: chúng tôi còn ba thực khách nữa mà có lẽ các anh sẽ không coi họ là bạn đâu.

Và, bằng một giọng nghiêm nghị mà tôi chưa từng thấy, bà tiếp:

– Tối nay nhằm lễ Giáng sinh, tôi không muốn nghe thấy tiếng súng nổ ở nhà tôi.

– Bà chứa ai trong đó? viên hạ sĩ hời. Những binh lính Mỹ chắc?

Má tôi chăm chú nhìn lần lượt từng khuôn mặt lạnh cóng.

– Nghe đây, bà chậm rãi nói. Các anh chỉ đáng con tôi, và ba người kia cũng thế. Một người trong bọn họ bị thương, hiện đang phải chiến đấu với tử thần, còn hai người nữa, đi lạc như mấy anh, cũng đang kiệt sức và đói lả.

Và, nói với viên hạ sĩ bằng giọng hời lớn, bà tiếp:

– Đêm nay là đêm Giáng sinh, không có giết nhau.

Viên hạ sĩ nhìn bà chòng chọc. Sau hai, ba giây yên lặng hầu như bất tận, má tôi cắt ngang cuộc thảo luận:

– Nói vậy là đủ rồi, má tôi đồng ý nói, sau một cái vỗ tay. Hãy để khí giới trên đồng củi kia rồi vô lệ trong nhà trước khi bọn họ ăn hết mất.

Bốn binh sĩ, choáng váng với quyết định của má tôi, đặt khí giới trên đồng củi ngay cạnh cửa chính, gồm hai súng sáu, hai súng trường, một tiểu liên và hai cây Panzerfauste (súng bắn chiến xa). Trong khi đó, má tôi nói một vài câu bằng tiếng Pháp với Jim, anh

này lập lại bằng Anh ngữ với đồng bạn, và tôi kinh ngạc xiết bao khi thấy những người Mỹ trẻ tuổi, đến lượt họ, giao khí giới cho má tôi.

Trong gian nhà nhỏ, các binh sĩ Đức và Mỹ bây giờ ngồi sát cánh nhau, vẻ lúng túng và tinh thần bất an. Má tôi lúc bấy giờ thật là cao cả: bà tươi cười lo xấp xếp cho mọi người. Chúng tôi chỉ có ba ghế tựa, nhưng giường của má tôi rộng; bà xếp cho hai trong số bốn người mới đến ngồi trên đó, cạnh Jim và Robin.

Không thể bị dao động chút nào bởi bầu khí căng thẳng, bà bắt tay vào việc sửa soạn bữa tiệc. Nhưng chú gà Hermann không thể lớnbury tùy ý muốn, và chúng tôi lại có thêm miệng ăn nữa.

– Lẹ lên, má tôi nói thầm vào tai tôi, con lấy thêm khoai và một ít lúa mạch cho má. Những cậu này đang đói, mà kẻ đói thì nguy hiểm lắm.

Trong khi tôi lục lọi phòng chứa đồ ăn thì nghe thấy Harry rên. Khi tôi trở ra, một binh sĩ Đức đã mang kiếng lên mắt, quan sát vết thương của anh lính Mỹ.

– Anh là y sĩ hả? Má tôi hỏi.

– Không, nhưng vài tháng trước đây tôi còn học y khoa Heidelberg.

Bằng một thứ tiếng Anh có vẻ chững chạc, y nói với những binh sĩ Mỹ là nhờ khí trời lạnh đã làm vết thương khỏi bị nhiễm độc. Rồi tiếp:

– Anh này bị mất nhiều máu cần phải nghỉ ngơi và ăn uống tâm bổ.

Khi được nghỉ xả hơi thì lòng nhờ vực cũng tan dần. Những binh sĩ ngồi cạnh tôi, ngay tôi cũng nhận thấy họ trẻ quá. Và thực vậy, Heinz và Willi, cả hai đều ở tỉnh Cologne, mới mười sáu tuổi. Với hai mươi ba tuổi đầu, viên hạ sĩ Đức là người lớn tuổi nhất trong tất cả bọn tôi. Hắn lấy ở túi dết ra một chai rượu vang đỏ, và Heinz ngồi kế bên kiếm một cái bánh lúa mạch mà má tôi đem cắt ra từng miếng nhỏ để dùng thêm vào bữa ăn. Nhưng bà để dành một nửa số rượu vang “cho người bị thương”.

Rồi bà đọc bài nguyện trước bữa ăn. Tôi thấy mắt bà rung lệ khi đọc câu nguyện cổ truyền:

– Komm, Herr Jesus. Xin Chúa hãy đến cùng chúng tôi.

Tôi nhìn quanh và thấy những binh sĩ mệt mỏi kia mắt cũng rung lệ; họ trở lại thành những thanh niên bị xa gia đình Đức hay ở Mỹ.

Vừa vặn trước nửa đêm, má tôi ra trước bậc cửa và mời tôi đi theo bà để cùng ngắm ngôi sao Bethlehem. Tất cả bọn tôi đi ra trừ Harry ngủ bình yên như một con người toàn phúc. Chúng tôi đứng yên một lúc lâu quây quần bên má tôi để ngắm Sirius, ngôi sao sáng nhất của bầu trời. Chiến tranh ở rất xa; chúng tôi gần như quên đi sự hiện diện của nó.

Cuộc đình chiến riêng tư của chúng tôi kéo dài đến sáng hôm

sau. Harry thức giấc rất sớm, miệng lầm bầm vài tiếng trong lúc nửa tỉnh nửa thức. Khi mặt trời mọc, hẳn ta rõ ràng là đã lại sức. Với một quả trứng độc nhất, một chút rượu vang còn lại của viên hạ sĩ và một chút đường, má tôi đã pha chế cho hẳn một thứ rượu bổ. Những người khác thì ăn điểm tâm vài dùm lúa mạch. Sau đó họ chế một cái băng-ca cho Harry bằng hai cây sào và tấm khăn trải bàn đẹp nhất của má tôi,

Viên hạ sĩ chỉ dẫn các binh sĩ Mỹ đường đi nước bước trở về trận tuyến của họ (vào hồi chiến trận đặc biệt hừ hừ thực thực thì quân Đức lại biết tin tức xác đáng một cách lạ). Quan sát bản đồ của Jim, viên hạ sĩ chỉ vào một con sông:

– Các anh cứ đi dọc theo con sông nhỏ này. Đệ Nhất Quân đoàn đang tập trung để tổ chức lại ở địa điểm này, chỗ thượng lưu đó.

Anh chàng y sĩ dịch lại nguồn tin bằng Anh ngữ.

– Tại sao không đi về phía Monschau?

– Um Himmels Willen, nein! (Trời ơi, đừng đi vậy!) Viên hạ sĩ kêu lên. Chúng tôi đã chiếm lại Monschau rồi.

Má tôi trả khí giới lại cho tất cả và dặn dò:

– Cần thận nghe các con. Ta muốn tất cả các con một ngày kia lại được trở về với gia đình. Xin Chúa phù hộ cho các con!

Các binh sĩ Mỹ và Đức bắt tay nhau, chúng tôi thấy họ dờn xa nhau và rồi khuất bóng ở hai hướng đối diện.

Khi tôi trở vô thì thấy má tôi đã lấy ra cuốn Kinh thánh cũ kỹ của gia đình. Tôi nhìn qua vai bà. Cuốn kinh mở ra ở chương kể lại sự tích Chúa Giêsu giáng sanh nơi máng lừa và ba Vua mang lễ vật đến tự phương Đông. Má tôi chỉ cho tôi đoạn chót:

“... và họ lại trở về quê hương của họ bằng một con đường khác.”

FRITZ VINCKEN

MAI DZAM dịch

Fulton Ousler

**Người nhận: ông già Noel;
địa chỉ: Bắc cực**

Cách đây nhiều năm, tại một làng bên Anh có một người mà chúng ta tạm gọi là Fred Armstrong. Ông ta làm việc ở bưu điện và công việc của ông ta là đưa những lá thư viết sai địa chỉ hoặc địa chỉ đọc không được. Ông ta sống trong một căn nhà cổ, cùng với một người vợ nhỏ bé, một đứa con gái nhỏ và một đứa con trai bé.

Sau bữa cơm tối, ông ta thích hút píp và kể cho các con nghe những thành quả mới nhất của ông trong nghệ thuật trao những lá thư thất lạc đến tay người nhận. Ông coi mình như một thám tử. Cuộc sống của ông nhũn nhặn nhưng không một chút sóng gió.

Không một chút sóng gió cho tới ngày đẹp trời, đứa con trai nhỏ của ông thành linh ngã bệnh. Hai ngày sau đứa trẻ qua đời.

Fred Armstrong buồn thảm đến nỗi tâm hồn ông từ đó như thể chìm trong cõi chết. Vợ ông, và Marianne, đứa con gái ông, hết sức chế ngự nỗi đau đớn, nhưng ông ta thì không có sức lực nào. Cuộc sống của ông dật dờ trôi như thể một lá thư không địa chỉ. Buổi sáng, ông

thức dậy và đi làm như người mắc bệnh mộng du. Ông không hề mở miệng nói lời nào trừ khi người ta hỏi đến ông. Ông ăn cơm trưa một mình. Bữa cơm tối, ông ngồi im trên ghế như một pho tượng. Ăn xong là ông đi ngủ. Những tháng trôi qua chỉ làm nỗi đau buồn của ông thêm sâu đậm.

Vợ ông vẫn khuyên nhủ ông và nói rằng khi ông thất vọng như vậy, ông đã thiếu bốn phận đối với đứa con đáng thương của họ, cũng như đã thiếu bốn phận đối với cuộc đời. Nhưng bà ta nói hoài vô ích, không có gì có thể lay chuyển được ông.

Lễ Giáng sinh sắp tới. Một buổi chiều ảm đạm, Fred Armstrong ngồi trên chiếc ghế đầu cao và để một chồng thư mới dưới ánh đèn. Trên chồng thư, có một lá thư mà

không thể nào gửi tới địa chỉ đó được. Bức thư mang nét chữ bút chỉ, nguệch ngoạc viết: “Ông Già Nô-en — Bắc-cực”. Armstrong định vứt lá thư đi nhưng một sức lực bí mật nào đã làm ông ta ngừng tay lại. Ông ta từ từ mở lá thư ra và đọc:

Kính gửi ông già Nô-en.

Năm nay trong nhà em rất buồn thảm và em xin ông đừng mang đồ chơi tới cho em. Em bé của em đã lên trời hồi mùa xuân vừa qua. Tất cả những gì em xin ông làm hộ em là, khi nào ông tới nhà em, ông mang đồ chơi của nó đi và trao cho nó. Em để những đồ chơi của nó ở gần chỗ ống khói ở trong bếp: con ngựa nhỏ của nó, cái xe lửa và tất cả những thứ còn lại. Em trai của

em ở trên trời chắc cảm thấy lạc lõng lắm, vì nó không có đồ chơi, thứ nhất là không có con ngựa. Nó thích cưỡi ngựa lắm. Vì vậy ông làm ơn mang lên cho nó. Riêng phần em, em không thấy cần thứ gì, nhưng em sẽ rất biết ơn ông, nếu ông có thể cho ba em thứ gì làm cho ba em trở lại như ngày xưa, thứ gì làm ba em hút píp trở lại, và kể chuyện cho em nghe... Một lần em có nghe mẹ em nói là chỉ có Vĩnh Cửu mới có thể chữa ba em khỏi. Ông có thể cho ba em chút ít cái đó được không? Đứa bé gái nhỏ của ông xin hứa sẽ luôn luôn ngoan ngoãn.

MARIANNE

Buổi tối đó, Fred Armstrong trở về nhà, rảo bước nhanh hơn mọi

khi. Sau khi dờn khỏi con đường đầy ánh đèn chiếu sáng, Fred đi vào thửa vườn của mình. Trời tối đen. Ông ta bỗng ngừng lại và đánh một que diêm. Khi mở cửa bếp, ông ta thả ra một làn khói thuốc, làn khói như thể tạo ra một đám hào quang quanh khuôn mặt của vợ và con gái ông. Ông lại hút thuốc! Hai mẹ con mừng rỡ không kể xiết. Vì lẽ ông lại nở nụ cười tươi như ngày nào,

FULTON OUSLER

NHÃ ĐIỂN dịch

James Michener

**Món quà giáng sinh
đẹp nhất**

Năm tôi lên chín, tôi thường tới nhà bà Long xén cỏ. Tiền công bà trả tôi không có là bao, điều này không có gì lạ vì bà chẳng dư giả gì nhưng bà nói là tới lễ Giáng sinh bà sẽ cho tôi quà. Lời hứa cho quà của bà đưa ra với biết bao nhiệt thành làm tôi chờ đợi sẽ có một món quà thật đẹp.

Tôi vẫn thường tự hỏi đó là quà gì. Những thằng bạn của tôi, đứa thì có trái banh, đứa có xe đạp hoặc có giày trượt băng, ba thứ tôi hằng khao khát và tôi tin chắc bà ân nhân của tôi thế nào cũng cho tôi một trong ba thứ đó. Tôi cố dự đoán:

Tôi nghĩ đó không thể là trái banh, một người như bà ta đâu có biết nhiều về môn thể thao này. Tôi cũng loại bỏ cái xe đạp; vì người bà nhỏ nhắn và mảnh mai, làm sao bà biết sử dụng loại máy móc đó?

Ngày thứ bảy cuối cùng tôi tới nhà bà xén cỏ, bà bảo tôi:

– Cháu nghe này. Vì cháu đã rất ngoan trong suốt mùa hè, Cháu sẽ

được bà cho quà Giáng sinh. Đừng quên tới lấy nhé.

Lời dặn dò của bà làm tôi đoán ra được món quà sẽ ở trong nhà và tự tay bà sẽ đưa cho tôi, như vậy chỉ có thể là đôi giày trượt băng.

Ý nghĩ này in sâu vào trong óc tôi đến nỗi tôi “thấy” nó và tưởng tượng mình đang trượt băng. Những ngày lạnh của tháng mười một tới nơi và những hồ nước cũng bắt đầu đông lại. Tôi đi trên băng, lựa chỗ để khi tới giữa mùa đông, tôi mang giày bà cho, tới đó trượt băng.

Có tiếng người la tôi.

– Đừng đứng đó. Băng đóng chưa được dày đâu.

Đúng vậy, nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ dày. Càng sắp tới ngày lễ Giáng sinh, tôi càng nôn nao muốn tới nhà bà Long để lấy quà. Tôi có nói cho mọi người ở nhà hay và tất cả đều đồng ý là ngày mùng một tháng mười hai thì quá sớm. Ngày 15 hãy còn sớm, ngày 20 cũng vậy. Tuy nhiên ngày 20 tôi thấy nôn nao; tôi nghĩ nếu bà Long, chẳng lẽ nào cũng cho tôi quà, thì thà cho ngay bây giờ, nhưng mẹ tôi cho biết là ở nhà, không ai mở quà trước sáng ngày lễ Giáng sinh.

Ngày hôm sau, trời bỗng trở lạnh và làm đông đặc tất cả các hồ, làm các bạn tôi, những đứa có giấy trượt băng hết sức vui mừng. Cũng vì vậy mà tôi quá sốt ruột muốn có

một đôi, dù tôi phải chờ đợi mấy ngày mới được mở gói quà ra.

Buổi chiều ngày 22, tôi chịu không nổi nữa, và tôi chạy lại nhà bà Long.

- Thừa bà, cháu đến lấy quà.
- Bà đang đợi cháu tới.

Rồi bà dẫn tôi vào trong phòng khách với những bức màn bằng nhung đỏ treo trên cửa sổ, bà bảo tôi ngồi và đi khuất vào phòng bên trong. Giây lát sau bà trở ra, tay cầm gói quà, mà gói đó không thể là trái banh, không thể là chiếc xe đạp và cũng không phải là giày trượt băng. Tôi thất vọng hết sức, nhưng tôi nhớ tôi không để lộ ra mặt vì ở nhà, tôi đã được dạy dỗ

nhiều lần là món quà dù là cái gì thì cũng phải nhận một cách lễ phép và phải cảm ơn.

Gói quà bà cầm ở tay dài chừng 30 phân, rộng 25 phân và dày nhiều lắm là một phân. Khi bàn tay mảnh mai của bà đưa quà cho tôi, lòng tò mò thay thế cho mối thất vọng ban đầu, và khi tôi cầm lấy, tôi ngạc nhiên vì thấy nó quá nhẹ.

Tôi lo lắng hỏi:

– Cái gì vậy bà?

– Tới ngày lễ Giáng sinh cháu sẽ biết.

Tôi lắc gói quà. Không thấy có tiếng kêu leng keng bên trong nhưng hình như tôi nghe thấy tiếng động nhỏ, đục, tiếng động

quen thuộc một cách mơ hồ nhưng không sao biết rõ đó là gì.

Tôi lại hỏi:

– Thưa bà cái gì vậy?

Bà trả lời ngắn ngủi:

– Một thứ có tính cách ảo thuật.

Trí óc tôi không cần gì hơn để tưởng tượng và đến khi về tới nhà, tôi tin chắc là tôi đã có một vật kỳ diệu. Tôi kêu lên:

– Bà ấy cho con đồ nghề của người làm ảo thuật. Con sắp có tài làm những bình sữa biến thành con thỏ.

Cho tới sáng ngày lễ Giáng sinh, thời gian đối với tôi thật quá dài! Tôi nhận được thêm những

quà khác, những gói quà Với kích thước và trọng lượng bình thường, nhưng gói quà của bà Long làm lu mờ tất cả vì nó có đôi chút ảo thuật.

Rồi ngày trọng đại cũng tới! Tôi dậy trước khi mặt trời học, gói quà đã để trên lòng, tôi bứt cái dây màu buộc chung quanh. Tôi vội vàng bỏ tờ giấy bọc bên ngoài và tôi thấy một cái hộp dẹt mà cái nắp gấp làm đôi vì có một đường gấp ở giữa.

Tôi hết sức hồi hộp khi nhấc cái nắp đó ra, và tôi thấy mười tờ giấy mỏng, màu đen bóng loáng, trên mỗi tờ có in hàng chữ thật rõ: Super Royal Carbone. Tôi chỉ hiểu nghĩa hai chữ đầu nhưng tôi không biết ở đây nó có thể có ý nghĩa gì. Tôi mơ hồ nhớ lại là món quà này

có đôi chút liên hệ với ảo thuật và tôi quay lại hỏi những người lớn đang đứng Quanh tôi.

– Có phải ảo thuật không?

Cô Laura của tôi, là cô giáo, trả lời:

– Phải, rồi cháu sẽ thấy.

Rồi cô lấy hai tờ giấy trắng, để tờ giấy đen xen vào giữa và dùng bút chì cứng viết tên tôi lên tờ giấy trên cùng. Rồi Cô bỏ tờ giấy đó và tờ giấy đen sang một bên, cô đưa tôi tờ giấy trắng thứ hai mà cái bút chì của cô không trực tiếp đụng vào đó.

Tên tôi được ghi trên đó. Nét chữ rất sạch sẽ, rất đen, rất dễ đọc và đẹp như ngày lễ Giáng sinh vậy.

Tôi bàng hoàng. Quả là ảo thuật... ảo thuật thật kỳ lạ. Trí óc non nớt của tôi cho là một phép lạ khi người ta viết chữ lên trên một tờ giấy và nét chữ bí mật được in lên trên một tờ giấy khác. Tôi đã không nói ngoa khi cho rằng sáng sớm hôm lễ Giáng sinh đó, khi ngày chưa rạng, tôi đã học được nhiều về ẩn loát, về sự sao lục những hàng chữ, về sự bí mật căn bản truyền bá tư tưởng học được nhiều như năm mươi năm sau đó sống ở đời.

Tôi viết và viết mãi cho tới khi dùng hết cả mười tờ giấy than. Đó quả là món quà Giáng sinh thần tiên nhất mà một đứa trẻ ở vào tuổi tôi nhận được. Nó đã mang lại cho tôi nhiều hơn là một trái banh hoặc đôi giày trượt băng, và người

ta đã cho tôi đúng vào lúc tôi cần, đúng vào lúc tôi có khả năng nhất để hiểu ích lợi của nó. Món quà đó đã soi sáng cho tôi hay về phương cách sao lục hàng chữ và cho trí tưởng tượng của tôi thấy những chân trời rộng bao la.

Kể từ thời đó, cứ vào dịp lễ Giáng sinh là người ta cho tôi rất nhiều quà, nhưng chưa có món quà nào lại có sự tráng lệ như mười tờ giấy than đó. Món quà thông thường chỉ làm thỏa mãn ước muốn trong chốc lát, nhưng món quà “vĩ đại” sẽ soi sáng cho cả cuộc đời.

Nhiều năm sau tôi được biết là mười tờ giấy than đó đã không làm bà Long tổn kém chút nào. Mười tờ giấy than đã dùng rồi đó, mà chủ

nhân của nó bình thường là đem vứt nó đi nếu bà không có cái trực giác về ích lợi mà một đứa trẻ có thể lấy ra được từ một món quà hoàn toàn khác lạ với kinh nghiệm thông thường của nó.

Mặc dù bà đã không bỏ tiền ra mua quà cho tôi, nhưng bà đã tiêu cho tôi một cái gì hết sức quý báu, đó là sự tưởng tượng.

Tôi nhiệt thành ước mong là lễ Giáng sinh năm nay, các cô bé và các cậu bé sẽ được những người lớn chăm sóc và thật sự thương yêu trẻ, cho những món quà làm cho các cô cậu bé hoàn toàn thoát ra khỏi vũ trụ thông thường của mình.

Những món quà đó thường thường không đáng giá bao nhiêu, nhưng nó có thể thay đổi một cuộc đời, và có thể cho cuộc đời đó cái đà tiến tới, cái đà kéo dài trong nhiều năm trời.

JAMES MICHENER

NHÃ ĐIỂN dịch

Rémy
ĐÊM GIÁNG SINH
TRONG TRẠI GIAM 122

Viên Sonderfürher lạnh lùng nhìn đám tù nhân đứng tập hợp trên sân. Gọn gàng trong bộ quân phục màu xanh vàng, ông quả là kiểu mẫu người Nhật-nhĩ-man, theo đúng tiêu chuẩn Quốc xã: mái tóc bạch kim, khổ người cao, khuôn mặt bè bè khắc khổ, đôi mắt nghiêm trang màu xanh xám. Y phục

ông chặt chẽ, bộ điệu cứng nhắc, trông ông tương phản một cách kỳ lạ với nhóm năm trăm người đàn bà phờ phạc, bẩn thỉu, rách rưới, mà viên hạ sĩ quan cai quản dãy nhà giam, tập hợp điểm danh.

Ngày thứ năm mồng chín tháng mười hai là lần thứ hai mẹ tôi và các em gái tôi trông thấy ông chủ trại giam. Chúng tôi, cùng với hầu hết những người bị giam ở trại Romain Ville, đã tới trại Royalieu chiều ngày 26-10, nơi được dùng để lựa lọc tù nhân mà Sở Mật vụ Đức gọi là Frontstalag 122.

Viên Sonderführer, lần đầu tới chứng kiến buổi điểm danh lúc sáng sớm, đã thông báo cho các nữ tù nhân hay là đêm trước có một

nam tù nhân toan tính vượt ngục. Ông nói với chúng tôi bằng tiếng Pháp, với một giọng cộc lốc:

– Tên đó đã bị chó bắt được. Một tròng liên thanh đã hạ sát hắn. Kẻ nào muốn bắt chước vượt ngục sẽ phải chịu số phận như vậy.

Hôm nay, trông ông có vẻ tức tối và tất cả những người đàn bà đứng sắp hàng trước mặt ông ta, đều biết vì lẽ gì.

Đêm trước, vài nữ tù nhân đã đánh một lính Mật-vụ Đức sau khi người lính này không ngớt hành hạ họ.

Lần này, ông Sonderführer không la hét. Nhưng giọng nói đều đều, dọa nạt, danh thếp của ông còn đáng sợ hơn nhiều.

– Nếu thủ phạm không bị tố giác ngay lập tức thì không một ai được nhận thư, nhận quà ấy là chưa kể tới một hình phạt khác nặng hơn.

Không một nữ tù nhân nào lên tiếng.

Viên sĩ quan sáng giọng nói:

– Biện pháp trả đũa sẽ được áp dụng và toàn trại sẽ phải nhin đói trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Ông quay người lại, bước qua ngưỡng cửa cái cửa gỗ to lớn.

Khi điểm danh xong, bọn nữ tù nhân trở về phòng. Mẹ tôi và các em gái tôi thuộc tổ tình báo ở Confrérie Notre Dame, do tôi thành lập trong vùng Pháp bị chiếm đóng, theo lệnh của tướng De Gaulle hồi

tháng mười một 1940. Bọn Mật vụ Đức có theo dõi gia đình tôi một thời gian, hy vọng có thể bắt được tôi khi tôi về thăm nhà, nhưng sau cùng họ hết kiên tâm và họ đã bắt gia đình tôi và gởi tới Royallieu.

Họ cho gia đình tôi ở phòng số 9, căn phòng rộng 70 thước vuông, nhốt chung 48 nữ tù nhân. Cái cửa kính đục duy nhất soi sáng căn phòng, cửa phòng lúc nào cũng đóng. Một lối đi ở giữa nhà, phân chia hai dãy giường, có kê hai cái bàn, mỗi bàn có hai cái ghế dài.

Thôi thì có đủ hạng trong căn phòng này; điểm, con nhà khuê các, gái quê và gái trưởng giả, thợ thuyền và cô giáo. Những người đàn bà thường phạm, hoặc những

người tình cơ bị bắt trong một cuộc
bố ráp, cùng bị giam với những
người kháng chiến thực sự.

Về sau, em gái tôi, Maisie, có
kể cho tôi nghe.

– Điều phiền phức nhất của
sáng ngày 9 tháng mười hai là lời
dọa không cho phép nhận đồ. Hàng
tháng mỗi người thường nhận
được hai gói, mà một là lương
thực, vì không có lương thực thì
tù nhân sẽ chết đói. Nhưng còn có
cái khác làm tù nhân lo hơn cả.

Hồi cuối tháng mười một, mẹ tôi,
các em gái và sáu nữ tù nhân khác
trong đó có cô hiệu trưởng trường
Nữ Trung học Angers (người sau
này đã thiệt mạng trong khi bị lưu
đày) đã quyết định là phải có một

cái hang đá trong phòng số 9 vào dịp lễ Giáng sinh. Nhưng muốn vậy, phải có nhiều vật dụng, ngoài những thứ như giấy và bìa lấy từ các gói đồ ra. Họ đã nhận được những đồ may vá cần thiết mà nhờ đó họ có thể làm được hình người với những mẫu len và vải họ nhặt được. Nhưng tuy vậy vẫn chưa đủ. Lại nữa, căn nhà thật lạnh và phải đốt lò sưởi suốt ngày, nếu không, ngón tay sẽ bị cồng lại.

Cô hiệu trưởng được người Đức chỉ định làm trưởng phòng và mọi người đều hoan hỉ chấp nhận, trao cho Maisie nhiệm vụ đốt lò sưởi từ sáng tới tối; mà Maisie sẽ không hoàn tất được trách nhiệm này nếu không có những giấy gói và bìa lấy ra từ gói quà, vì lẽ mỗi

24 giờ họ chỉ nhận được hai mươi khúc củi nhỏ, những khúc củi cháy rất chóng hết. May mắn thay, một người bạn của em tôi tới giúp bằng cách hy sinh một miếng ván kê ở dưới nệm.

Cô ta nói với em tôi.

– Em cam đoan với chị là bỏ miếng ván ra, nằm êm hơn.

Không hiểu sao viên Sonderführer lại không thi hành lệnh cấm nhận đồ. Tù nhân bị nhện trong hai mươi bốn tiếng nhưng thực ra thì bữa ăn hàng ngày cũng chẳng có gì.

Khi quyết định làm cái hang đá, mười hai người nhận lãnh việc hoàn tất.

Với sự phụ giúp của bốn đứa con gái và bốn đứa bạn của em tôi, mẹ tôi bắt đầu khâu nối từng mảnh vải, xoắn những sợi len màu. Người ta cũng quyết định là phải khâu cho được bốn mươi tám nhân vật, để mỗi người trong phòng, sau lễ Giáng sinh có thể giữ một. Trước hết là gia đình Chúa, rồi đến con lừa, con bò, ba Vua, một số các mục đồng và dân chúng, mỗi người đều mặc y phục cổ truyền. Ngoài ra lại còn phải làm thêm một vị thiên thần để trên nóc hang, cái hang rộng một thước, cao 50 phân. Người ta đính tên mỗi tù nhân vào một nhân vật mà không ai hay biết điều này, ngoại trừ một số người lo phần vụ đó. Em Jacqueline tôi có nhiệm vụ phải lo thu vén tất cả các thứ có thể dùng để làm hang.

Em tôi đem nổi những vỏ hạt dẻ lại. Còn bà Tillion, người được tôn là “trí thức của nhóm” vì lẽ trước chiến tranh, bà có tham dự vào việc soạn thảo tập Guides Bleus, lãnh phần soạn bài thánh ca của phòng số 9, trại 122.

Mọi việc đều sẵn sàng đúng kỳ hạn. Nhóm tổ chức quyết định là tối ngày thứ sáu 24 tháng 12 năm 1943 này, họ sẽ làm nảy sinh hy vọng trong lòng những người bạn cùng bị giam với họ.

Tới 9 giờ tối, cô Talet tới cánh cửa mở ra ngoài hành lang. Đề mọi tù nhân chú ý tới, như thường lệ, cô vỗ tay gọi:

– Các chị em!

Giọng của cô quá yếu để những tù nhân đang tìm giấc ngủ nghe thấy. Cô lại vỗ tay lần nữa, và cô lên giọng gọi: “Các chị em!” Lần này, vài cái đầu lo lắng ngóc dậy.

– Các chị em, đêm nay là đêm Giáng sinh.

Và tất cả các tù nhân trong phòng số 9 đều lắng tai nghe, không ai chú ý tới vài người ở đầu nhà, đang dựng trước cửa sổ một cái đàn kỳ lạ. Với những mẫu giấy đỏ thật đẹp, một miếng bìa uốn và được xếp lại theo ý muốn, người ta đã làm ra một cái hang. Người ta lấy những cọng rơm thật từ trong cái gói đựng phó mát để làm mái lều rơm. Jacqueline đã bắt chước theo báo và dùng cái nhỏ giọt lấy

dầu từ các hộp cá mòi, cho vào hạt dẻ rồi lấy bông làm tim.

Cô Talet nói:

– Tất cả chị em chúng ta đều xa cách những người thân yêu, những người mà trong nhiều năm qua, chúng ta đã cùng vui vẻ ăn lễ Giáng sinh. Đêm nay, gia đình thực sự của ta là ở trong phòng này, gia đình đó được tạo ra từ trong cùng một niềm khổ đau mà chúng ta chịu đựng.

Trong khi cô nói, những người trong nhóm tổ chức sắp đặt 48 nhân vật vào chỗ: Chúa Hài Đồng lớn bằng cái tem, mặc áo màu trắng, rồi là Đức Mẹ, trên đầu phủ một tấm voan. Trước mặt Đức Mẹ là Thánh Joseph, cúi mình, khuôn

mặt đầy râu màu nâu, làm bằng những sợi len. Trước cái hang là Balthaar, người da đen, Melchior người Á-đông, và Gaspard người da trắng, cả ba đều đội một cái vòng cắt từ mảnh giấy bạc ra. Rồi là những mục đồng và những người đại diện cho những tỉnh ở bên Pháp, những người cùng chia sẻ sự ngưỡng mộ giữa Chúa Hài Đồng nằm trong hang và vị thiên thần, tóc quăn, óng vàng, mặc một cái áo dài trắng, tay cầm một lá cờ tam tài dựng trên nóc hang.

Khi mọi thứ đã xếp đặt xong, cô Talet giơ tay phải lên, và những người trong nhóm tổ chức bắt đầu bài thánh ca:

Chúa sinh ra đời!

Hãy đàn ca lên!

Những tù nhân trong phòng số 9 của trại 122 ngạc nhiên, quay về phía cửa sổ. Họ kinh ngạc thấy cái hang có thắp đèn sáng trong góc nhà mờ tối, cái hang ngự trị ở đầu lối đi, mà ánh sáng dịu từ cái tim bằng bông gòn thấm dầu, tỏa ra. Nhóm người tổ chức theo nhịp điệu của bài thánh ca cũ, nhưng hát theo lời của bà Tillion:

Thương thay! thời nay đã thay đổi.

Mà tay con người tràn đầy...

Cải hang trống rỗng, Trẻ Thơ tràn trề

Và những người cha thì bị xiềng xích.

Theo sau là mười đoạn nữa, rồi tới đoạn chót mà lời thì đúng của bài thánh ca cổ xưa.

Chúa đã ra đời

Hãy đàn ca lên!

Chúa đã ra đời

Hãy tôn vinh Chúa!

Rồi với giọng xúc động, cô Talet kêu lên: Nước Pháp muôn năm!

Tiếng 47 tù nhân khác lập lại: Nước Pháp muôn năm!

Nhiều người trước đây không biết xúc động, bây giờ đều khóc, tất cả mọi người đều khóc kể cả những người đàn bà bị hiến binh Đức bắt trong những phòng ngủ tình cờ.

Ở trại giam 122 mà “những mục đồng” của đêm 24 tháng mười hai 1943 này, đang đứng trên chòi cao, đầu đội mũ sắt, dưới nách kẹp khẩu tiểu liên, có những người đàn bà lạc hướng đã tìm thấy cái ánh sáng trong treo của những năm thơ ấu. Họ quỳ xuống đất, đầu gục xuống và thốn thức khóc.

Cô Talet lại giơ tay lên và tiếng ca lại ngân vang:

Alleluia! Chúa đã ra đời!

Hãy đàn ca lên!

Alleluia! Chúa đã ra đời!

Tự do đã đến.

Rồi mọi người đều im lặng, vì chính ông Sonderführer vừa xuất

hiện nơi ngưỡng cửa, theo sau là viên hạ sĩ nhất.

Trong bộ quân phục chỉnh tề như thường lệ, ông chúa trại giam 122 trừng mắt nhìn những nữ tù nhân. Họ nhìn lại ông, người họ gầy gò, bần thiêu, họ nín lặng, dữ tợn, đang chờ đợi điều bất hạnh. Rồi con mắt lạnh lùng của ông nhìn thấy cái hang, chung quanh có những cái tim bằng bông gòn thấm dầu, rung rinh cháy. Đứng thẳng trên mái lều rơm là vị thiên thần tóc vàng, mặc áo dài trắng, trong tay cầm lá cờ tam tài, đang yên lặng thách thức những kẻ chiến thắng ngày nay.

Người ta thấy viên Sondefüher cắn đôi môi mỏng, rồi cứng người

lại. Ông đứng nghiêm, viên lính hầu bắt chước theo, ông đưa bàn tay đeo găng da thú lên gần cái lưỡi trai của mũ ông và đứng yên lặng chào. Rồi ông quay ra và nhẹ nhàng khép cánh cửa lại.

RÉMY

NHÃ ĐIỂN dịch

Bruce Bairnsf Ather

**Một đêm trong
vùng Flandres**

Những hào lũy đầu tiên thật là đơn sơ, đó là những cái hố giản dị, đó đây điểm vài túi cát. Tấm tôn dùng để che Chúa được sử dụng và trận mưa đã biến những hố đó thành những hố chứa nước. Những nơi dùng để ngủ là những lỗ bùn lầy, được khoét vào trong thành phố. Những khẩu súng lăm lăm được bố trí trong các lỗ châu

mai, và trong đám súng này là những đồ hộp rỗng, han rỉ, di tích còn lại của bữa ăn của chúng tôi. Đôi khi có những cái hào ngấn, thẳng góc với hầm ẩn nấp, được dùng để đổ rác và để làm cầu tiêu. Đằng sau chỗ trú ngụ tồi tệ này của chúng tôi là một vài cây thánh giá cắm trên đất, cho thấy cái chết của những người, mà vì tình thế cấp bách và vì nguy hiểm, đã không được chúng tôi chôn ra xa về phía sau.

Bạn hãy hình dung quang cảnh này, mà thỉnh thoảng lại có những tràng súng phần nộ rống lên; rồi bạn hãy hình dung là bạn phải sống ở nơi đó, không có cách gì ra khỏi, ngoại trừ khi nằm trên cáng. Nếu bạn hình dung ra được, thì bạn đã

có hình ảnh gần xác thực với cái thiên đường của chúng tôi hồi lễ Giáng sinh 1914.

Chúng tôi thu mình trong cái hào hôi thối, uốn khúc qua một cánh đồng trồng củ cải. Tuy nhiên, khi bưu tín viên tới chỗ chúng tôi vào tối 24 tháng chạp, mang theo những gói đồ tiếp tế và những gói thuốc lá của gia đình gửi tới, thì tính tình vui vẻ tự nhiên của người lính bộ binh Anh lại xuất hiện và chúng tôi cảm thấy được khích lệ đôi chút. Tới nửa đêm, chỗ nào cũng nghe thấy tiếng ca hát ngân nga.

Tôi thấy như thể tất cả các chuyện đó là lỗ bịch! Hai quốc gia chống đối nhau, mỗi bên ẩn náu

trong những hầm hình chữ chi. Đó là phương thức mà sau một sự tiến bộ lâu dài của nhân loại, qua bao nhiêu thời đại người ta đã tìm ra để giải quyết những mối bất đồng. Cái văn minh này quả đã có những trùng hợp kỳ lạ, cái văn minh mà trong thời bình, người ta đã có những hy sinh lớn lao, chăm sóc tới những con bệnh không thể cứu chữa, và trong thời chiến, người ta lại cố tình xô đẩy những thành phần khoẻ mạnh nhất, khôn ngoan nhất vào trong cái địa ngục nhân tạo!

Đó là những ý nghĩ của tôi trong khi ngồi ăn ở dưới đất, máy móc cạy những mảnh bùn bám vào đôi giày.

Bỗng ở phía bên phải tôi, một người lính canh quay lại la lên.

– Yên lặng. Lắng tai nghe xem!

Tiếng ca ngừng bật.

Tôi lên tiếng hỏi:

– Chuyện gì vậy?

– Thừa trung úy, lính Đức cũng ca hát. Trung úy nghe xem.

Không còn nghi ngờ gì. Tiếng hát nghe rõ mồn một, có nhạc phong cầm đệm theo, đôi khi điểm thêm tiếng cười ầm ĩ. Anh em chúng tôi có vẻ vui sướng khi thấy lính Đức cũng có tâm địa ca hát và dạo nhạc. Hiện tượng này làm cho họ chú ý tới và thích thú. Một cách tự nhiên, chúng tôi xúm lại chỗ gần lính Đức

nhất và chúng tôi lắng nghe. Lời ca điệu nhạc tiếp tục và được bọn quân lính bên chúng tôi chào đón bằng những lời phê bình khôi hài sống sượng.

Bỗng một người lính trèo lên thành và gọi bọn Đức:

– Các bạn hãy tới đây.

Tính chất vô lý của đề nghị này làm chúng tôi bật cười. Một người lính khác lớn tiếng hơn lặp lại đề nghị đó.

Câu trả lời nghe không rõ từ hào lũy địch vang sang làm chúng tôi xôn xao bàn tán. Dù cuộc chiến này khủng khiếp cũng không ngăn cản nổi tinh thần ngày lễ Giáng sinh. Có một cái gì đó vừa dứt đoạn trong đêm Giáng sinh này.

Một người lính chạy về phía tôi, hốt hên nói:

– Họ gặp nhau rồi, trung úy. Một anh lính của ta gặp một lính Đức ở giữa chiến tuyến.

Tôi cùng hắn chạy về phía hắn chỉ và tôi thấy không những hắn nói đúng mà còn có nhiều người khác từ hai bên cũng làm như vậy. Trên phương diện quân sự thì hoàn cảnh này thật là vô lý. Phải làm sao bây giờ? Chúng tôi là quân nhân, chúng tôi đã bắn giết nhau và chúng tôi phải tiếp tục bắn giết nhau. Thật là kỳ cục khi tự nhiên ngừng bắn giết nhau để thân thiện với nhau. Nhưng tối đó, có một sức lực nào đó mạnh hơn sức mạnh của vũ khí, đã ngự trị trên mặt trận.

Mãi tới rạng đông, tôi mới hiểu rõ tình trạng này. Người của chúng tôi ở khắp chốn và không theo một thứ tự nào. Vài người đứng trên thành hào lũy mà ngày thường thì vừa mới nhô đầu lên là đã bị bắn ngay. Những người khác thì dạo chơi ở ngay trên vùng lửa đạn.

Khi nhìn về phía địch quân, tôi cũng thấy quang cảnh này. Lính của hai bên đã tới gần nhau với một sự tò mò vui vẻ. Có một sự tin cậy hồ tương, và đôi chút rụt rè lúc đầu chẳng bao lâu cũng mất hết. Không còn một chút chống đối hay hằn thù nào. Người ta thấy tình hữu nghị phát sinh ra trong đám những kẻ cùng chịu một cảnh bất hạnh.

Tôi nói chuyện với một viên sĩ quan trẻ tuổi người Đức, và chúng tôi trao đổi những kỷ vật. Tôi cho hắn cái khuy áo của tôi và nhận cái khuy áo của hắn. Sau đó tôi đứng chụp hình cùng với một toán vừa lính Anh vừa lính Đức. Cách chỗ chúng tôi mấy bước là những nấm mộ của những người đã chết, và đây là lần đầu tiên chúng tôi được đến gần. Tình trạng này quả là khác thường mà trong ý nghĩ đơn giản của tôi, tôi ngây ngô cho là sau đó, cuộc chiến không thể tiếp tục được. Sự thân thiện bây giờ đã lan ra trên một trận tuyến dài một cây số. Trong khi dạo trong vùng lửa đạn, tôi quan sát sự kiện này. Trong vùng này, mà mới cách đây vài ngày, người ta đã không thể thò đầu ra được, thì bây giờ binh lính

đôi bên trao đổi lương thực, kỹ vật và thuốc lá cho nhau.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tình trạng khác thường lan rộng trên khắp mặt trận? Nếu người ta loại bỏ ra khỏi cuộc chiến hận thù và những tuyên truyền có mục đích khích động người chiến sĩ, thì guồng máy chiến tranh khó mà quay được! Bạn hãy tưởng tượng xem nếu có người có giọng khá lớn để kêu cho mọi người trên khắp các chiến tuyến nghe, thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Một dúm những người chỉ huy sẽ làm được gì nếu vài triệu người từ chối cầm súng? Trong trường hợp chuyện này có thực thì ta phải có thái độ nào? Ta có nên khuyến

khích tinh thần hòa bình và thiện chí, tinh thần Thiên-chúa-giáo, và tìm một giải pháp êm đẹp cho cuộc chiến hay để cho sức mạnh tàn bạo của võ lực thắng thế? Dù sao, nếu có người nào, khá mạnh, buổi sáng đó đứng lên vận động đình chiến, thì người đó sẽ bị đưa ra tòa án mặt trận và bị xử bắn.

Tới trưa, việc canh gác càng chệnh mảng và sự thân thiện càng gia tăng, và có người đề nghị tổ chức một trận đấu bóng. Hẳn là có người đã nhận được trái banh làm quà Giáng sinh. Nhưng thấy là đá banh với quân địch không được bình thường cho lắm nên người ta bỏ ý định này.

Tình thế là như vậy khi tôi

được đại đội trưởng gọi lên. Tôi cảm thấy sẽ bị khiển trách. Tôi tới nơi ông ở và được biết đại tá hoàn toàn không chấp nhận chuyện đã xảy ra,

Vấn đề này đã đến tai ông tướng và ông đã nghiêm khắc ra lệnh phải chấm dứt ngay sự thân thiện đó. Một ông tướng thì có thể làm gì khác được? Trong nghề nghiệp của ông, không hề có khoản nào dự trù cho binh lính đôi bên vui vẻ chuyện trò với nhau. Các sĩ quan ở chiến tuyến khó nhọc lắm mới tập hợp được người của mình. Người ta báo cho lính biết là cuộc gặp gỡ thân thiện đã chấm dứt. Và binh lính miễn cưỡng tuân lệnh trở về chiến lũy.

Tới tối thì binh lính của đôi bên đã trở về địa phận của mình. Ở cánh bên trái của tôi, vài người lính bị chết vì đạn của đôi bên bắn nhau. Những người này không coi trọng lệnh gọi về vị trí cũ.

Chiến tranh lại tiếp tục. Vũ khí cá nhân tiếp tục nhả cái chết qua cánh đồng bị đạn đại bác đào xới, xua đuổi tinh thần Giáng sinh, — cái tinh thần đã len lỏi một cách kỳ lạ vào vùng lửa đạn; và trong vài tiếng đồng hồ, đã thắng thế sự điên rồ của con người.

BRUCE BAIRNSFATHER

NHÃ ĐIỂN dịch

Nguyễn Xuân Hoàng

Khu rừng hực lửa

(Xem từ VĂN số, 130.)

15

Tôi nhìn xuống phía dưới. ông Tam vẫn đứng nguyên chỗ đó, chôn chân giữa mặt đường lặng im như một pho tượng. Tôi tưởng tôi hiểu được vì sao ông có mặt ở đây trong giờ phút này, giờ phút mà lẽ

ra một người ở trạc tuổi ông đang nhấm nháp từng ngụm nước trà đậm đặc bốc khói, hút điều thuốc rê, lần giở từng trang sách cổ hay nằm dài trong căn phòng biệt lập của mình lắng tai nghe ngóng tiếng thềm thì của quá khứ vọng âm, rì mọ tìm kiếm lần hồi những gút mắc vết tích của một thời dĩ vãng. Tôi tưởng tôi hiểu được cái cảnh tượng đó, cảnh tượng một người đứng tuổi, đủ già để có thể còn đam mê nổi một thứ tình yêu ngây ngô ốt dột, thứ tình yêu không như một thử thách của định mệnh mà chỉ là sự tìm kiếm vô vọng của cái chết kề cận. Kim ngồi sát vào tôi hơn. Chúng tôi quấn chung trong một tấm chăn lớn, bàn tay nàng choàng qua hông tôi. Kim nói, mắt không rời mặt đường:

– Em vẫn không hiểu gì hết.

– Hiểu để làm chi?

Tôi vòng tay qua cổ Kim (chiếc cổ cao trắng ngần với những sợi tóc măng vàng, lông gáy đen ngắn) kéo đầu nàng áp sát vào má tôi. Hiểu để làm chi? Chẳng để làm chi hết bởi vì nghĩ cho cùng có gì để phải hiểu đâu. Những ngón tay Kim luồn trên da thịt làm tôi nhột. Tôi nói:

– Buồn quá.

– Anh buồn? Em không thể tưởng tượng nổi là anh có thể buồn. Nhiều lúc em ghét sự vui vẻ hơi quá đáng của anh.

– Vậy em cho là tôi không biết buồn sao?

– Có thể là anh không biết buồn.
Tại sao không mới được chứ?

Tôi không biết buồn? Tôi chưa bao giờ có cái ý định trình diện sự phiền muộn của mình trước mặt một người thứ hai nào ngoài một cái tôi khác trong tôi. Mà tại sao phải nói điều đó? Buồn đối với tôi trong lúc này có nghĩa như là một sự lạnh lẽo.

– Trời lạnh ghê. Em lạnh không?

– Bây giờ anh mới thấy lạnh sao?

– Thêm một liều thuốc lá quá chừng đi.

– Hết thuốc rồi à? Mấy lúc này anh hút hơi nhiều đấy nhé!

- Đi mua một bao thuốc nghe?
- Ai? Anh hay là em?
- Em ngồi yên đây.

Tôi đứng dậy mặc quần áo trong bóng tối. Tôi khua chân tìm chiếc dép dưới gầm giường nhưng không thấy đâu.

- Kim!
- Anh gọi em?
- Ừ. Mở đèn nghe?

Kim đứng bật dậy trên mặt giường, tấm chăn vẫn quấn quanh người, bóng nàng cao che khuất nửa khung cửa, đen như ý nghĩ tôi. Kim nói giọng hốt hoảng:

- Đừng, anh.

– Tại sao?

– Bởi vì... Kim nói chưa dứt lời gian phòng đã chói sáng trong một tiếng nổ nhỏ, thứ ánh sáng lạt lẽo và lạnh lùng, bùng lên như một lần chớp rồi tắt ngúm liền sau đó.

– Coi kia!

Kim thốt kêu và ngồi thụp xuống giường, hai tay nàng bấu chặt trên những chấn song cửa mặt quay ra ngoài. Tôi leo lên ngồi bên Kim thì gò má lên hai thanh sắt. Những tiếng nổ khác tiếp theo sau đó và tất cả khung cảnh bên ngoài cửa sổ tảm trong một thứ ánh sáng kỳ ảo. Tôi có thể thấy rõ ông Tam đang ngừng đầu nhìn lên cửa sổ phòng chúng tôi và dưới nách ông tôi trông thấy vật gì dày cộm như

một quyển sách (có phải đó là một tác phẩm biên khảo về đạo Thiền mà có lần ông đã nói với tôi?).

– A! pháo bông.

Tôi kêu to lên bằng tất cả nỗi thích thú của riêng mình.

Những ngọn pháo bông có tua hình sao chổi, những chấm tròn nhỏ li ti kết thành một chiếc nia lớn mà những hột ánh sáng là những hạt gạo trắng vung vãi trước gió, những hoa cúc vàng tắt lần lượt từng cánh rồi từng cánh và sau cùng hiện lên đầy đủ trước khi mất hút giữa khoảng trời rộng... Những ngọn pháo bông làm tất cả những đồ vật trong căn phòng chúng tôi được chiếu sáng bằng một thứ màu tím dị kỳ, mơ mộng,

như ảnh ảo của những ngọn nến xuyên qua một lăng kính. Những ngọn pháo bông trong một thành phố chiến tranh soi rõ mặt người chết và người sống, soi rõ tình yêu và thù hận, soi rõ mỗi dây ràng buộc kỳ cục giữa chúng tôi (những người ở đây, bên khung cửa sổ này và kẻ dưới kia, đứng giữa mặt đường). Những ngọn pháo bông làm sáng lớp lớp mây cao giấu mặt trong đêm, là những mặt trời nhỏ kéo dài đời sống của một mặt trời lớn chúng chiếu tỏ mặt biển đen, bãi cát vàng và thắp sáng trên đỉnh những ngọn dương mới lớn ở thềm sân quán nước (một góc rừng dương trong ước muốn tôi).

– Anh Kha!

– Gì?

– Anh có biết điệu hát này không?

– Có nghe thấy gì đâu.

– Đó! Đó! Kim nín thinh một lúc rồi tiếp, anh không nghe thấy gì sao?

Trong im lặng, tôi bắt đầu nghe rõ dần khúc hát quen thuộc, khúc hát của một thuở xa xưa nào, khúc hát mà mỗi một lời mỗi một điệu thổi đến cho tôi từng hơi thở của hình ảnh ngôi nhà thờ xây trên ngọn đồi cao phía đông bắc thành phố, trong một đêm đầy ánh sáng, chói sáng trên những cửa kính dày màu làm dội lại tiếng kinh cầu vang rền menh mang như nước trôi mãi trên sông dài.

– Nghe rồi, nhưng không nhớ là bài gì.

– Giáo Đường Im Bóng.

Bài nhạc được làm ra để chỉ hát cho một mùa trong năm. Tôi hiểu được lúc này thời gian nào chúng tôi ngồi đây trong hơi lạnh của trời đất với âm nhạc đó và những ngọn pháo bông đang nổ sáng trên trời cao kia. Tôi hiểu ra được tôi đã đánh mất cái ý niệm về thời tiết và ngày tháng. Tôi hiểu ra được hạnh phúc chính là sự lãng quên đời sống và đời sống rất cuộc chỉ là sự khinh bỉ trên chính nó. Bởi vì ánh sáng có khác gì hơn bóng tối, ngợi ca có gì trái với nguyên rửa, bạn bè nào không có lúc giống kẻ thù?

- Anh hết thềm thuốc lá rồi sao?
- Nhìn pháo bông đã.
- Anh làm sao thế?
- Có sao đâu.

Tôi nhìn xuống mặt đường. Ông Tam vẫn đứng đó trong thứ ánh sáng giả tạo của những ngọn pháo bông, nhưng lần này ông không ngừng đầu lên mà lại cúi mặt xuống những trang sách mở ra trên bàn tay ông. Thiệt là kỳ lạ. Làm sao ông ta có thể đọc được chữ nghĩa trong thứ ánh sáng ảo này, giữa thiên địa vô cùng của một đêm đông lạnh lẽo?

- Kim!
- Dạ.

– Ông Tam đang nghiên cứu đạo Thiên đó hả?

– Sao anh biết?

– Có lần ông ta nói là ông ta đang nghiên cứu đạo Thiên.

– Nhưng ai lại đi nghiên cứu đạo Thiên giữa đường và trong đêm thế kia?

– Chịu thôi.

– Em hiểu.

Kim làm tôi ngạc nhiên. Nàng nói nàng không hiểu gì hết, nàng không hiểu được nàng, nàng không hiểu được kẻ khác, nàng không hiểu sự thật và điều giả, nàng không hiểu bề trái và bề mặt, nàng không hiểu tình yêu ở chỗ nào:

sự nhớ nhung trong đầu, nỗi đau khổ trong tim hay là cái thú run rẩy tuyệt vời trong sự hòa hợp của thân xác, vậy mà bây giờ nàng nói nàng hiểu. Tôi nhìn Kim, khuôn mặt nàng ngó nghiêng vẽ những nét rõ trên một sóng mũi thẳng.

– Em hiểu gì?

Kim nói không nhìn tôi:

– Ông Tam đang đọc một đoạn trong Kinh Thánh đó. Ông tự ví mình như Gióp, kẻ giàu có nhất và hiền lành nhất xứ Út-xơ, kẻ kính sợ vô cùng Đức Chúa Trời và lúc nào cũng nơm nớp lo âu phạm tội, nhưng một ngày kia tai ách đổ xuống đầu y, những tài sản và tài sản y lần lượt bị giết chết và cuốn mất, y trối dậy xé áo mình và cạo

đầu, đoạn sắp mình xuống đất mà thờ lạy và nói rằng: Tôi trần truồng lọt khỏi lòng mẹ; và tôi cũng sẽ trần truồng mà về. Y là Gióp, kẻ quả quyết rằng mình là người vô tội.

– Sao em biết kỹ vậy?

– Chính ông ta kể cho em nghe mà. Không phải chỉ một lần thôi đâu nhé! Me em không đi đạo mà cũng thuộc lâu nữa.

– Nhưng này, em nhìn coi, ông ta đọc thế nào được với thứ ánh sáng này.

– Ông ta làm bộ đọc đấy, chứ những chữ đó đã có sẵn trong đầu ông rồi.

– Chữ nào?

– Một đoạn thôi. Ông ta có thể đọc bất cứ lúc nào và nơi nào đoạn kinh đó.

Tôi ôm xiết Kim, cắn một chút xú rất nhẹ trên cánh tay nàng.

– Tôi bắt đầu thích câu chuyện của em.

– Đừng anh. Đau em.

– Ông Tam đọc như thế nào?

– Liệu anh có tin em không?

– Chi vậy?

– Em sẽ đọc cho anh nghe, nếu anh có thể tin.

– Em thuộc lòng?

– Chắc chắn là em phải thuộc lòng, bởi vì ông Tam không lúc

nào ngừng lẩm nhẩm trong miệng những câu kinh đó.

– Đọc coi.

Rất thành thạo, Kim đọc không chút ngập ngừng:

– “Ôi! Chớ chi tôi biết nơi nào tìm được Chúa. Hầu cho đi đến trước tòa của Ngài!”

Tôi hẳn sẽ giải bày duyên cớ tôi trước mặt Ngài. Và làm đầy miệng tôi những lý luận.

...

Tôi đã chán sự sống... Tôi sẽ chẳng sống hoài.

Tôi đã chán sự sống... Tôi sẽ chẳng sống hoài.”

Chắc hẳn Kim không phải là người nói nhiều, dĩ nhiên nàng cũng không phải là kẻ lảm chuyện. Tôi ra cái vẻ lặng lẽ của nàng, hai con mắt nhắm nghiền về một đường chỉ nhỏ khi chúng tôi hôn nhau, khuôn trán hẹp hơi nhô cao biểu lộ sự bướng bỉnh, sự bướng bỉnh được ngụy trang bằng một chùm tóc rũ. Tôi thích thái độ làm lì của nàng, cái mím môi giận dữ, câu nói ngắn gọn thỉnh thoảng còn bị chặt đứt một nửa. Tôi yêu giọng hát của nàng khi không có gì để nói. Tôi tan trong mắt nhìn của nàng, tôi thở bằng hơi thở nàng và bằng môi nàng tôi hôn lên môi tôi, bằng thân thể nàng tôi đặt mình trên thân thể tôi, bằng đời sống nàng tôi vượt ve đời sống tôi. Có phải tất cả những ưa thích kia là

bắt đầu từ chỗ ít nói của nàng? Vậy thì bây giờ đây những tình cảm ấy ở đâu khi nàng để lộ một khía cạnh khác của nhân cách nàng?

– Anh Kha?

– Gì?

– Anh có nghe em nói không?

– Có.

– Anh tin không?

– Tin gì?

– Tin những gì em đã nói.

– Tin hết, trừ chính niềm tin của tôi.

A! Niềm tin của tôi. Không cần tìm kiếm tôi cũng đã nhìn thấy được niềm tin của mình. Chẳng phải là

tôi đã từng nhìn thấy ông Tam tra tấn một cách dã man những người bị ông tình nghi là kẻ thù của nước Pháp sao? Chẳng phải ông Tam đã từng là kẻ giết người không góm tay trong những năm ông còn là nhân viên phòng nhì của một tiểu đoàn Lê Dương đó sao? Chẳng phải người cha nuôi tôi đã chết dưới những viên đạn mù lòa của lương tâm đen tối ông Tam? Có thể tin được sự tương đồng giữa một Tam-sát-nhân và một Gióp-vô tội?

– Em cũng có một cuốn Kinh Thánh nhưng em chỉ thích đọc một đoạn ở chương Nhã Ca thôi. Anh có muốn nghe em đọc không?

Tôi nhại giọng nói Kim:

– Sao lại không nhỉ?

Kim không trả lời, mắt nàng ngó chăm xuống mặt đường:

– Thì em đọc đi.

– Anh coi kìa!

Kim bấm những ngón tay nhọn lên vai tôi và hất mặt về phía xa. Tôi nhìn xuống mặt đường. Ông Tam vẫn đứng đó, tay trái ông cầm quyển sách, tay phải luồn vào ngực, đứng yên bất động như đã đứng từ trước. Một chiếc xe từ xa phóng lại, đèn pha quét hai luồng sáng chiếu vàng hực người ông. Sự thể gì sẽ xảy đến cho ông ta? Đột nhiên tôi nghe thấy rõ giọng tôi la lớn thất thanh.

– Ông Tam! Tránh qua! Ông Tam!

Nhưng ông Tam không kịp ngược mắt (cũng có thể ông không buồn ngừng mắt). Tôi nghe tiếng bánh xe nghiêng xiết kéo lết trên mặt đường, và như một miếng bông gòn, cả thân thể ông bắn tung lên cao (có lẽ gần ngang tầm mắt chúng tôi) rồi rụng xuống mặt đường như một chiếc lá úa.

– Chúa ơi!

Tôi nghe tiếng Kim hét lên chói thét kinh hoàng và trong ánh sáng của ngọn pháo bông tôi chỉ nhìn thấy những giọt nước mắt rất âm thầm của nàng chảy dài trên khuôn mặt xanh xao và buồn thảm. Tôi như một người bị tê liệt toàn thân. Tôi dán lưng vào cửa sổ nhìn ngắm cái cảnh tượng bất động kia

cho đến khi thấy tiếng khóc nức nở của Kim đánh thức tôi dậy, giải thoát tôi ra khỏi trạng thái ù lì của đồ vật. Kim kéo chăn lên trùm kín đầu và trong tiếng kêu ư ư nằng, tôi tưởng nghe thấy lớn vồn bước chân của thần chết múa may trên đỉnh những ngọn cây dương.

Tôi nhìn xuống phía dưới thấp.

Đám khách ở quán nước đã chạy ừa hết ra ngoài (có lẽ có cả những người đi dạo trên bãi nữa) bu quanh chiếc xe (mà bây giờ tôi mới biết đó là một chiếc xe nhà binh) và nạn nhân. Tôi đứng dậy bật đèn, mang giày, mở cửa bước xuống đường.

Tôi vệt đám đông lách mình bước thẳng đến bên xác ông Tam, quỳ gối trên mặt đường nghiêng đầu nhìn mặt ông Tam.

Xin vĩnh biệt ông. Lần này nhất định là chúng ta dứt khoát không còn nợ nần gì nhau. Chúng ta đủ sức để sống một ước gì mình đời sống mình, chắc chúng ta cũng không ao ước gì hơn là được chết một mình mình. Hai con mắt ông mở lớn trong cái vẻ khẩn cầu, bàn tay phải đặt trên ngực, toàn thân như còn nguyên vẹn, không một giọt máu. Tôi đưa tay qua lại ngang mũi ông. Hình như ông còn hơi thở. Từ chỗ nằm của ông Tam, ngược nhìn lên khung cửa sổ căn

phòng khách sạn, tôi thấy Kim vẫn còn ngồi ở chỗ cũ, trùm kín trong chăn bất động như một bóng ma. Một người lính đập tay lên vai tôi và kéo tôi đứng dậy. Đám đông bị xua dẫn rộng ra. Nhân viên công lực bắt đầu làm công việc của họ. Những ngọn đèn pha từ mấy chiếc xe mới đến chiếu sáng chỗ xảy ra tai nạn. Tôi đưa tay che mắt bước ra khỏi đám đông.

Những ngọn pháo bông vẫn tiếp tục đốt sáng bầu trời. Tôi băng qua đường, dúi giày trên cát lún. Dưng không tôi bỗng có cái ý muốn cầm được trong tay mình một cách rất tình cờ quyển sách mà ông Tam đã đọc. Chắc nó vẫn còn nằm ở đâu đó trên mặt đường hay giữa lúm cỏ, bờ cát này. Nhưng để làm chi?

Tôi bước vào quán nước quen. Quán trống trơn nhưng ly cốc còn đầy trên bàn. Tôi chọn một chiếc dưới gốc cây dương thấp, ngồi xuống ghế, gọi cho mình chai bia và một gói thuốc lá.

Biển sẫm đen ngoài kia.

Tôi uống cốc bia đầy bọt và hút điếu thuốc lá đầu tiên trong ngày.

Âm nhạc vang rền tiếng chuông nhà thờ. Và đằng sau bài thánh ca trầm trầm âm u, tôi tưởng chừng nghe lại câu thơ trong Kinh Thánh, câu thơ được đọc bằng một giọng rất thấp hơi ồ ề, giọng của một người đàn ông đã lớn tuổi, giọng của ông Tam.

Tôi đã chán sự sống... Tôi sẽ
chẳng sống hoài

Tôi đã chán sự sống... Tôi sẽ
chẳng sống hoài

Điều thuốc rời khỏi hai ngón
tay tôi rớt xuống thêm xi măng.
Tôi nâng ly bia lên cọ áp vào má.
Hơi lạnh nước đá và khí lạnh của
gió biển làm tôi rùng mình.

Tôi tiếc là mình đã không đi đạo
để được đọc một bài kinh Sám Hối.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

PHÁT HÀNH MÙA GIÁNG SINH
69:

THẺNG CÔN

truyện **DUYÊN ANH**

MAI THẢO đề tựa

truyện viết về những tháng năm
đẹp nhất một đời người...

TUỔI NGỌC xuất bản

Dominique Jamet

Vài ý nghĩ về một vụ tàn sát

Vụ Sơn Mỹ hiện còn gây sôi nổi dư luận khắp thế giới. Chúng tôi giới thiệu dưới đây bài viết của Dominique Jamet, đăng trong Le Figaro Littéraire số 1228, tuần lễ từ 1 đến 7 tháng 12, 1969, với ý nghĩ là tác giả đã viết với thái độ hiểu biết và vô tư của người trí thức, vượt trên mọi phe phái, lập trường...

Những thường dân vô tội bị tàn sát tại Việt Nam.

Đó là vết nhơ trên lá cờ Hiệp chúng quốc.

Nhưng nước này đã không ngần ngại nhìn nhận vết nhơ đó và đã làm mọi thứ để gột rửa nó đi.

 ự Cường, Sơn Mỹ, Trường An hay là “Pinkville”, đó là những cái tên mà lịch sử sẽ giữ lại, còn ở đây, thiết tưởng chẳng cần quan tâm lắm đến những địa danh; điều đáng kể chính là cái thực tại hãi hùng về cuộc tàn sát ngày 16

tháng 3 năm 1968 mà một đơn vị G.I³. chiến đấu tại Nam Việt Nam dưới lá cờ đầy những ngôi sao của “xứ sở của những anh hùng và của tự do” đã là thủ phạm, và đã được phanh phui trong những ngày vừa rồi.

Như vậy, những người Hoa Kỳ, đến lượt họ sa vào cái bẫy ma quái mà cuộc chiến tranh du kích giăng ra cho những đoàn quân chính quy, khám phá ra rằng nguy cơ lớn nhất, trong cái loại chiến tranh này, không phải là sự thất trận hay sự mất mặt nhưng rõ ràng là sự mất lương tri. Chính là những “cậu mới lớn” từ Kentucky, từ Maine hay từ Minnesota tới đã đứng trong bảng danh sách dài những đao phủ và

3 Chữ viết tắt chỉ lính quân dịch Mỹ (government issue). (Ghi chú của người dịch.)

những kẻ tra tấn, cho thêm những cái tên mới vào bảng danh sách trong đó đã có tên của Lidice, của Oradour, của Melonza và của nhiều người khác.

Về vụ này, Hà Nội làm rùm beng tố cáo tội sát nhân. Mạc Tư Khoa không thể không lên tiếng bài xích, Bắc Kinh rêu rao bêu xấu phạm nhân chiến tranh Mỹ. Trên trái đất này, tất cả những ai có tấm lòng cũng như tất cả những ai không có tấm lòng đều cùng cảm thông với nhau trong một nỗi ghê sợ cao quý. Và tờ L'Humanité [Cơ quan ngôn luận của đảng Cộng sản Pháp. (G.C.C.N.D.)] khi tố cáo một trong nhiều vụ tàn sát, một trong nhiều việc tàn bạo mà những đoàn quân Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam đã phạm vào lấy làm ngạc nhiên vì

sự kiện trong hai mươi tháng, một sự im lặng dai dẳng đã che giấu vụ này.

Hẳn nhiên là bạn đồng nghiệp đạo đức của chúng tôi có lý, nhưng tựu trung, sự phát giác đã từ đâu mà ra, nếu không phải là từ Hiệp Chúng quốc? Tờ báo nào đã phát động báo chí làm rùm beng vụ này? Tờ Washington Post. Chính người lãnh đạo nhóm đa số đảng Dân chủ là Thượng nghị sĩ Mike Mansfield đã đòi hỏi mở cuộc điều tra.. Chính Tổng-trưởng Quốc phòng, ông Melvin Laird, đã quyết định đưa trung úy Calley và những kẻ đồng phạm ra trước tòa án quân sự. Người ta đã có thể đọc trong tờ New York Times: “Đó chính là một trong những giờ đê tiện nhất trong lịch

sử chúng ta”. Điều ấy đúng. Nhưng có cái hay, có cái đáng được làm gương mẫu là điều ấy đã được một ký giả Hoa Kỳ nói ra.

Khi ám chỉ tới cuộc đàn áp của người Anh tại Mã Lai, phó lãnh tụ của đảng Lao động Anh là ông George Brown đã thẳng thắn nói rằng: “Và cả chúng ta nữa, chúng ta có những bộ xương trong tủ của chúng ta.” Lời nói này chỉ được người ta tiếp nhận một cách thờ ơ. Dầu vậy, chúng ta hãy thẳng thắn mà nhận định, chẳng hề bao giờ có một nước đương chiến nào lại tự nhận lỗi về những hành động tựa như thảm kịch “Pinkville”. Chúng ta hãy cố tưởng tượng (trong một số trường hợp nào đó chỉ nhớ lại cũng đủ) cái có thể đã là những

phản ứng trong những quốc gia khác nhau khi những quốc gia ấy lâm vào một hoàn cảnh tương tự.

ĐỨC QUỐC XÃ. Trường hợp thứ nhất: Viên sĩ quan có trách nhiệm đã tự ý hành động. Y bị chuyển. Đơn vị y bị gửi tới mặt trận phía Đông. Trường hợp thứ hai: Viên sĩ quan đã hành động theo lệnh cấp trên. Y được huy chương. Đơn vị y được gửi đi nghỉ xả hơi.

TRUNG CỘNG. Nội vụ được giữ kín. Mười tám tháng sau, một tin tức phát xuất từ Hương Cảng phát giác nó. Ba dòng trên báo Le

Monde.

DO THÁI: Đài phát thanh Ả Rập nói rùm beng. Liên hiệp quốc lên án vụ tàn sát không thể biện minh được xảy ra ở ngoài những biên giới được nhìn nhận vào năm 1940. Bà Golda Meir tiết lộ rằng đã có những biện pháp trừng phạt những can phạm, nhưng bà cũng nói rằng loại trừng phạt và tên những can phạm cần được giữ kín.

NGA XÔ. Ba mươi năm sau, ba người sống sót trong vụ tàn sát trưng một biểu ngữ ở Công trường Đỏ. Họ đối bồi thường. Quần chúng tiếp tay mạnh mẽ với

dân vệ để bắt giữ họ. Hai nhà văn đi theo họ bị gửi tới dưỡng trí viện.

VÀ NẾU “nước tổ thân yêu” của chúng ta (Tức là nước Pháp) mắc vào vụ này thì sao? Trong một thời gian đầu, Jean Paul Sartre hẳn sẽ có sáng kiến về một bản tuyên ngôn với những chữ ký của ba trăm năm mươi tám nhân vật thuộc giới văn học, nghệ thuật, đại học đường và những hệ thống trợ lực. Hẳn sẽ có một tờ tuần báo thiên tả bị tịch thu vì đã đăng một phóng sự: “Hành động diệt chủng ở X...” Sau hết, tổng trưởng quốc phòng hẳn sẽ lớn tiếng phản đối: “những nhà trí thức đòi bại ấy đã giơ bàn tay cho những kẻ đâm vào lưng chúng

ta”. Trong một giai đoạn thứ hai, một khi những chuyện xảy ra đã qua hản rồi, những sự kiện bị lên án hản sẽ được che chở bằng một sự đại xá.

Chuyện tưởng tượng chẳng? Nhưng đâu phải là tưởng tượng. Chúng ta đã thấy vụ này. Không phải nước Mỹ là can phạm mà chính **chiến tranh là can phạm**⁴. Tất cả mọi cuộc chiến tranh đặc biệt là chiến tranh phá hoại – đều kéo theo nhiều cảnh ghê sợ. Nhưng điểm trước hết là phải biết những cảnh đó xảy ra có phải là do sự cố ý hay không. Điểm thứ hai là phải nhìn xem quốc gia chịu trách nhiệm phản ứng ra sao. Chính nhờ ở “hòn đá thử vàng” ấy mà người ta nhận biết cái giá trị của một chế

⁴ Người dịch cho in chữ đậm nét,

độ và của một dân tộc. Từ sự đè hèn bị từ bỏ và bị trấn áp có thể phát minh một danh dự mới.

Trong cuộc tấn công dịp Tết, quân M.T.G.P. đã chiếm thành phố Huế trong mười lăm ngày. Trong thời gian ấy, 3.000 (ba ngàn) người thuộc giới dân sự và quân sự mà họ gọi là “bù nhìn”, trẻ con, người lớn, người già và đàn bà đã bị tàn sát một cách lạnh lùng. Cả những đối thủ lẫn những kẻ trong Mặt trận giải phóng miền Nam đều chẳng hề kỳ cục hoặc mất công đòi trừng phạt. Đó chính là nhìn nhận một cách tàn nhẫn rằng cái tội sát nhân đó vốn nằm trong cơ sở lý luận và tinh thần của Mặt trận đó.

Sự phản nộ chung đối với vụ tàn sát “Pinkville” chính là sự bày

tỏ lòng kính trọng tốt đẹp nhất đối với nền dân chủ của Hiệp Chúng quốc. Đến lượt nền dân chủ đó phải tự tỏ ra xứng đáng với cái mà người ta trông đợi ở nó.

JAMET DOMINIQUE

HOÀNG TUYẾT SƠN dịch

HỘP THƯ BẠN ĐỌC



Giai phẩm VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc.

* VẠN LÝ TÌNH, Việt Xuân, Tác giả xuất bản. Sách dày 190 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Thi phẩm đầu tay của Việt Xuân gồm bảy mươi bài thơ viết theo nhiều thể cũ mới. Phụ bản: tranh Tú Duyên, nhạc Minh Đạo. Lời giới thiệu do cụ Á Nam Trần Tuấn Khải viết.

* TRÊN ĐỈNH THIÊN THU, Mặc Tường. Hồng Lĩnh xuất bản. Sách dày 80 trang, giá 200 đồng.

Thi phẩm đầu tay của Mặc Tường gồm khoảng năm chục bài thơ. Ấn bản hạn chế, in trên giấy tốt.

* MƯA TRÊN ĐÁ, Chín tác giả. Lệ Đá xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày 80 trang, không ghi ấn phí.

Tuyển tập thơ (phổ biến hạn chế) của chín tác giả trẻ, ấn hành

tại Phan Rí.

* NGÀN SAO TẮT THỎ, Bạc Mệnh Nhân. Tác giả xuất bản. Sách dày 136 trang, giá 100 đồng.

Thi phẩm đầu tay của Bạc Mệnh Nhân gồm 60 bài thơ.

* VỤN TAN CỎI MÙ, Nguyễn Vũ Thương Hoài Dung. Tác giả xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày 58 trang, giá 60 đồng.

Thi phẩm thứ hai của NVTHD gồm ba mươi bài thơ.

* KHUÔN MẶT CỦA CHÚNG TA, Thế Viên. Sáng Tạo xuất bản. Sách dày 150 trang, giá 100 đồng.

Thi phẩm thứ tư của Thế Viên,

– một tác giả quen thuộc với bạn đọc Văn - gồm khoảng sáu mươi bài thơ. Bìa và phụ bản của Ngọc Dũng. Phụ lục: khuôn mặt tác giả dưới mắt các nhà phê bình.

* VÒNG TAY LỬA, Nguyên Vũ, Đại Ngã xuất bản. Sách dày khoảng 108 trang, giá 140 đồng.

Quyển thứ tư và là quyển chót trong bộ trường thiên tiểu thuyết của Nguyên Vũ. Bìa Ngọc Huyền.

* CUỐI TRỜI HÔN MÊ, Viên Linh, Kỷ Nguyên xuất bản. Sách dày 336 trang, giá 220 trang. Tác phẩm thứ tám của Viên Linh là một tiểu thuyết tân văn.

* TRONG KHI CHỜ GODOT, Samuel Beckett, Mai Vi Phúc dịch.

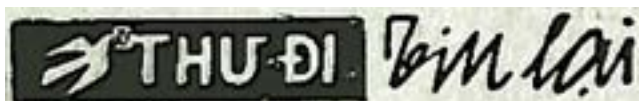
Kỷ Nguyên xuất bản. Sách dày 240 trang, giá 190 đồng.

Bản dịch cuốn “En attendant Godot”, kịch hai màn của Beckett, giải Nobel về Văn chương năm 1969,

Tác phẩm viết về thân phận con người trong nền văn minh cơ khí, đã làm cho tác giả nổi danh khắp hoàn vũ.

* VÕ THUẬT VIỆT NAM, Trần Tuấn Kiệt, Tủ sách Võ thuật. Sách dày 184 trang, giá 160 đồng.

Sách biên khảo về những thể võ bí truyền của các môn phái Nga-mi, Thiếu-lâm, Côn-luân và các võ phái gia truyền.



* bạn Hoàng Như Quỳ, Hội An.

Chúng tôi đang tìm tài liệu và sẽ có thư trả lời bạn. Xin đừng giục vì cả hai đứa tôi cùng đi nghỉ cuối năm. Đau quá, không nghỉ thì gục mất bạn ạ. Ráng đợi nhé!

NHẮN TIN RIÊNG

* Ngụy Ngử, Blao.

- 1) Sẽ đăng “Đêm không người”.
- 2) Truyện “Mù giữa mưa đông” có

lẽ sẽ chuyển sang anh Mai Thảo. 3) sẽ gửi cái cậu mong, về Blao đón mà lấy. Chắc tôi không đi Blao được vì phải đi thẳng Đà Lạt. Sẽ biên thư cho ô. B vậy. Tình thân.

* Hạc Thành Hoa, Sa Đéc.

Sẽ đăng “Nhìn rõ dáng đêm” và “Ngày thu xuống phố”. Tình thân.

* Hà Nghiêu Bích. Kbc 6359.

Sẽ đăng “Buổi về của chim”. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Tàn Vy, Nha Trang.

Sao lâu nay im hơi lặng tiếng? Không có gì cho số mùa Xuân sao? Tình thân.

NHẮN TIN CHUNG:

Quý bạn: T-D-L (2), T-H-T, T-N-S, Trần Kiều Bạt (2), Nguyễn Uyên Thượng, Phạm Thanh Chương, T-Đ.

Xin chân thành cảm tạ. Tình thân.

NHẮN TIN ĐẶC BIỆT

Vì máy bay Air VN ngưng hoạt động mất mấy bữa và cũng vì số báo này cần in xong sớm (trước ngày 10/12) để nhà in đổi chữ mới, nên rất mong những bạn đã gửi bài lai cáo trong kỳ báo này mà chưa thấy ghi nhận, xin đón coi kết quả tuyển chọn trong kỳ tới.

LƯU Ý QUÝ BẠN

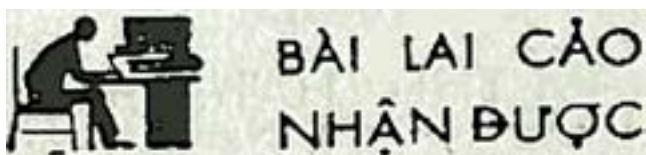
GỬI BÀI LẠI CẢO:

Vì thiếu nhân viên, kể từ ba tháng nay Tòa soạn VĂN không nhận phát hoàn bản thảo các bài lai cảo nữa. Mong bạn đọc lưu ý và xin miễn yêu cầu phát hoàn bản thảo.

Nhân đây, cũng xin lập lại là Tòa soạn không có lệ giữ lại bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng.

Và những bạn nào không muốn ghi tên tác giả bài lai cảo trên mục “bài đã nhận được”, xin nhớ ghi rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

Xin cáo lỗi và cảm ơn chung quý bạn.



Ban Tuyển đọc Tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn có tên dưới đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác:

* VĂN

Quý bạn: Nguyễn Sa Mạc (tl).
Hoài Đơn Phương. Ung Như Sầu (tl). T-L-V Bửu Dục. Nguyễn Trung Bính (tl). Hải Nguyên. Lê Miên Tường. Hà thị Kỳ Nam.

* THƠ

Quý bạn: Đinh Hữu Hiền. Hoàng Hải Đảo. Nguyễn Hiền. Trầm mặc Duyên, Vương Phù Du. Phạm Văn Thơm. My Đông (4). Lê Thanh Liêm (tl). Ung Nhữ Sầu. Linh Cương. Từ Mai Thủy. Thu Ngân. Lê thanh Lệ Thy. Võ Như Hạ. Lê Văn Nam. Nguyễn Tường Văn. Lê Vĩnh Ngọc. Hoàng Ngựa Hoang. Hạ Đình Thao. Nguyễn Ngọc Bích. Nguyễn Thất Chí. Bùi Văn Bình. Mắt thu Ngư vĩ. Phú Lê. Thuận Triệu Gia, Trần-thị Đông Uyên (tl). Hải Triều Âm. Nhi Lên. Nguyễn Nguy Đạt. Tuy Lý vương Bửu Dục. Đoàn Bằng. Hoài Ziang Duy. Nguyễn Uyên Vũ. Huỳnh Kim Sơn, Thành Phương.

Nguyễn Hồng Châu. Phan Thảo Vy.
Nguyễn Xuân Trung (tl). Nguyễn
Thiếu Lang. Tương Hân. Trần -
Thiện. Đoàn Văn Sơn.

Đã phát hành:

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

truyện dài đầu tay

của **HOÀNG NGỌC HIỂN**

VĂN xuất bản

